

BÁCH KHOA

SỐ 55 — NGÀY 15-4-1959

Trong số này :

ĐỨC-THẠC Cái tình túy của Khổng-học.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ và
TRƯƠNG-VĂN-CHÌNH

{ Nhân đọc bài « Vài
nhận xét về Văn
Phạm Việt-Nam của
G. S. Honey.

PHAM-HOÀNG Có « tin » mới « thành ».

PHAN-VĂN-THIỆT Ấn tử hình.

Dương-Tuyền dã-phu }
 PHAN-VONG-HÚC } Phòng-Khắc-Khoan.

PHAN - KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch) } Đức ân huật
của Lão - giáo
và đức khiêm
nhu của Ki-Tô
giáo.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU Ngô-Thời-Nhâm.

ĐOÀN-THÊM Đọc tạp chí ngoại quốc.

PHẠM-HOÀN-MI Lạc-vương hay Hùng-vương.

TRẦN-VĂN-KHÊ Nhạc sĩ G.F. Haendel.

NGUYỄN-ANH-LINH Điểm sách.

Tôn-Nữ HOÀNG-TRẦN Cảm đề « Thanh-sử
Huyền-Trân » (thơ).

LÊ-THANH-THÁI Cái đồng hồ con ngựa
(truyền ngán).

NGUYỄN-PHAN-AN Đêm trăng nhớ bạn (thơ).

VŨ-HẠNH Mỗi thú của Khoan Ray.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " *Eau de Vie cu* " 40° và 50°
— Rượu Tàu " *Lào-Mạnh-Tru* "
— Rượu Tàu " *Tch-Tho-Tru* "

SI-RÔ " *Verigoud* " :

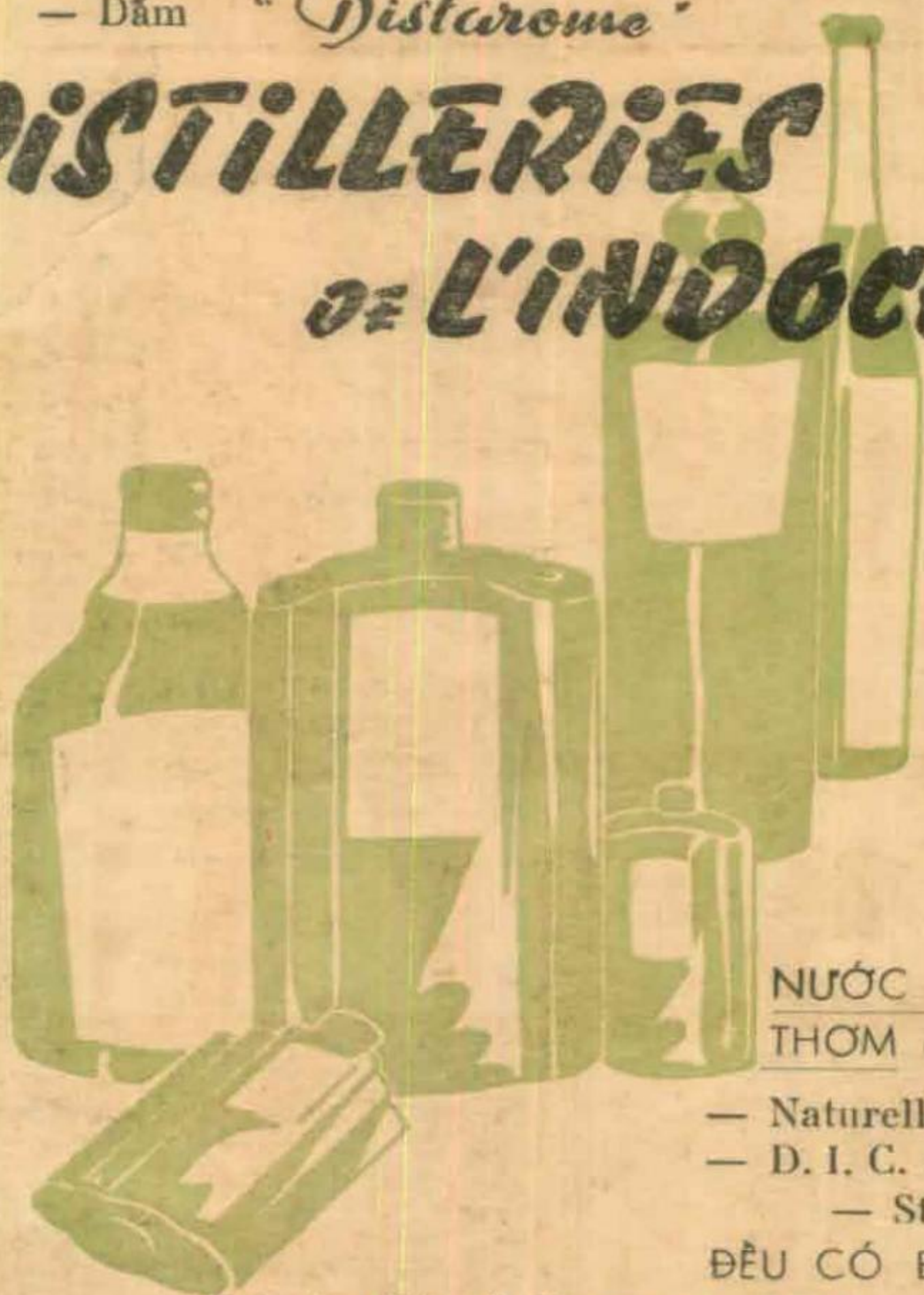
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm " *Distarome* "

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

Ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

Ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Eén Bạch-Đặng — ĐÀ-NẰNG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

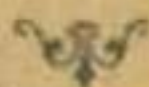
Xin hiện Quý khách
Giá du - ngoạn đặc - biệt
(có giá - trị trong một tuần lễ)

SAIGON — NHATRANG (*khứ hồi*) :

\$ 865 — mỗi người

SAIGON — DALAT (*khứ hồi*) :

\$ 570 — mỗi người



XIN HỎI CHI - TIẾT Ở TỔNG ĐẠI - LÝ

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 21.624-25-26 — 23.446-47

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**
(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

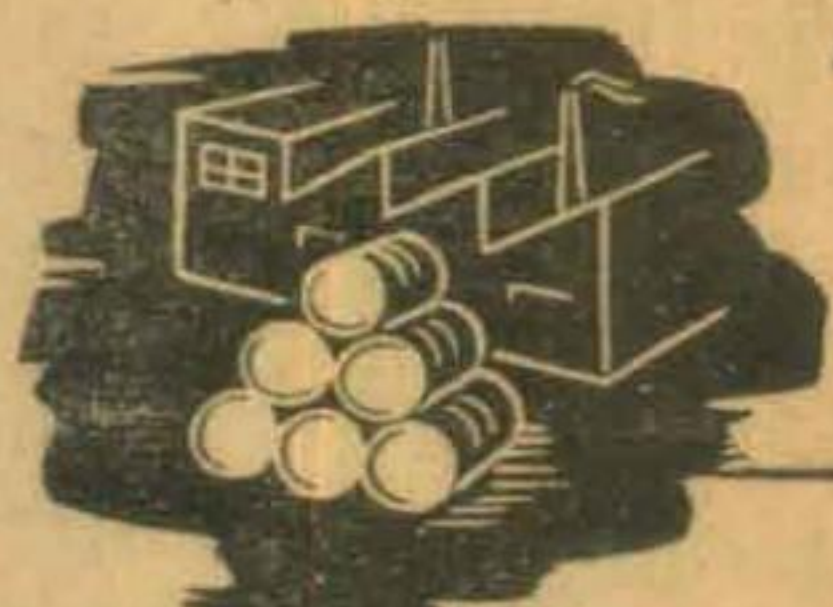
Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẻm Eden, Saigon



TAT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**



BÁCH - KHOA

Số 55 — Ngày 15 - 4 - 1959

	Trang
ĐỨC-THẠC	<i>Cái tinh túy của Không-học</i> 3
NGUYỄN-HIẾN-LÊ và TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH	<i>Nhân đọc bài : « Vài nhận xét về Văn phạm Việt-Nam của Giáo-sư P.J. Honey »</i> 11
PHẠM-HOÀNG	<i>Có « tin » mới « thành »</i> 19
PHAN-VĂN-THIỆT	<i>Ấn tử hình</i> 20
Dương-Tuyên dã-phu PHAN-VỌNG-HỨC	<i>Phùng-Khắc-Khoan lúc Trạng Bùng.</i> 25
PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)	<i>Đức ần khuất của Lão-giáo và đức khiêm nhu của Ki-tô giáo</i> 31
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	<i>Ngô-Thời-Nhậm</i> 38
ĐOÀN-THÊM	<i>Độc tạp chí ngoại quốc</i> 42
PHẠM-HOÀN-MỸ	<i>Lạc-Vương hay Hùng-Vương</i> 49
TRẦN-VĂN-KHÊ	<i>Nhạc sĩ G.F. Haendel</i> 58
NGUYỄN-ANH-LINH	<i>Điểm sách</i> 63
Tôn-nữ HOÀNG-TRẦN	<i>Cảm đề « Thanh-sử Huyền-Trân » (thơ)</i> 74
LÊ-THANH-THÁI	<i>Cái đồng hồ con ngựa (truyện ngắn)</i> 75
NGUYỄN-PHAN-AN	<i>Đêm trăng nhớ bạn (thơ)</i> 83
VŨ-HẠNH	<i>Mối thù của Khoan Ray</i> 84

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

LÊ-LINH
NGUYỄN-HIỂN-LÊ
P. I. N.
TIÊU-DÂN
SONG-AN CU-SĨ

THÁI-VĂN-KIỀM
NGUYỄN-NGỌC-QUANG
NGUYỄN-TỬ-QUANG
THẾ-QUANG
TRẦN-VĂN-KHÊ

NGUYỄN-THIẾU-NGUYÊN
HẢI-MINH
CÔ-LIÊU
PHONG-NGẠN
NGUYỄN
NGUYỄN-PHÚC
LÊ-HÙNG
VÂN-TRANG

- : *Vấn đề nghiện rượu tại Việt-Nam.*
- : *Vấn thể nào là ba lan*
- : *Những sự sai lạc ngày nay*
- : *Vấn đề dân tộc tự quyết.*
- : *Tìm hiểu đường lối chính trị của nước Căm-bốt.*
- : *Những thiếu sinh gương mẫu.*
- : *Thơ Ma.*
- : *Thử tìm xuất xứ bài Vọng cồ.*
- : *Minh minh đức*
- : *Âm nhạc phải chăng là một thứ tiêu khiển ?*
- : *Đặc tính của tiểu thuyết.*
- : *Tin ca nhạc hải ngoại.*
- : *Sinh vật học và con người*
- : *Chiếc áo trên mồ (truyện ngắn)*
- : *Bà mẹ già (truyện dịch)*
- : *Thằng khùng (truyện ngắn).*
- : *Một lời (truyện ngắn).*
- : *Phấn đấu (truyện ngắn).*

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-văn-Lang**
160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

CÁI TINH-TÚY

CỦA

KHÔNG-HỌC

• ĐỨC-THẠC

L.T.S.— Khám phá ra tinh-túy của một học thuyết cũng tương tự như nắm được manh mối của một bí quyết, tìm ra chỗ chủ yếu của một tổ chức, một hệ thống.

Theo tác giả, Trung-Dụng là điểm nhất quán của Không học, dù nguyên lý của nó là « Lễ » hay « Trí ».

Khi cho rằng thuyết Trung-Dụng « làm chậm bước tiến của con người trong phạm vi khoa học... », thiết tưởng tác giả quá nghiêm khắc và có lẽ đã đứng vào thế kỷ thứ 20 để phê bình Không-giáo : thực ra, Âu-châu cũng như Á-châu, thời phong kiến, vẫn khinh miệt nghề tay chân và đề cao vấn đề tu thân tinh đức.

Đàng khác khi tự hỏi : « Tại sao lục địa Trung-hoa, Bắc-hàn, Bắc-việt (những chỗ tiếp giáp với Trung-hoa) đã rơi vào tay Cộng-sản vô thần một cách dễ dàng như thế ? », tác giả không khỏi làm cho chúng ta bối rối. Vẫn hay, khách quan mà nói, thuyết Trung Dung là một thuyết duy nhiên, nên sớm chầy sẽ đưa đến duy vật, « cũng như có thể đưa ta đến nhân bản học toàn diện. » Nhưng từ đó để cắt nghĩa một phần nào công cuộc xích hóa Bắc-việt, thì kết luận hơi vội vàng ! Nước Nga, nước Ba-lan... xưa kia cũng chẳng là một nước Công-giáo đó sao ?

Chúng ta thường thấy những người chịu ảnh hưởng Nho-giáo lại là những người không ưa Cộng-sản. Chúng ta cũng không quên rằng về tôn giáo, thái độ chúng ta khác hẳn thái độ người Âu-châu : chúng ta hay dung hòa, tổng hợp các đạo với nhau, pha trộn Phật-giáo, Không-giáo, Lão-giáo... bất chấp những thắc mắc trừu tượng, chỉ để ý đến cái hay, cái thiết thực của đời sống, tức là luân lý.

Bởi thế, dầu lý thuyết có thể đưa đến duy vật, nhưng thực hành vẫn không dẫn tới kết quả đó.

« Ngô đạo nhất dĩ quán chi » (L.N. 4, 15).

« Dư nhất dĩ quán chi » (L.N. 15, 2).

Đó là hai câu đã làm nát óc những nhà học đạo Không. Không phải ngày nay mới có vấn đề nhất quán. Ngay sinh thời Không-Phu-Tử, các môn đệ của ông đã tự hỏi : Cái điều độc nhất mà Không-Tử đã dùng để quán tất cả đấy là gì (hà vị dã) ?

Nhưng khổn nạn, không một ai đã dám đương nhiên hỏi chính Không-Tử. Không có một câu chính thức nào của Không-Tử thích nghĩa hai chữ nhất quán. Như thế chúng ta có thể biết được ý tưởng của ông không ?

Ở đây chúng tôi thử tìm một câu trả lời cho vấn nạn đó.



Một hôm, Không-Phu-Tử bảo Tăng-Sâm :

« Sâm này, đạo thầy chỉ cần lấy một điểm cũng có thể thấu được suốt cả » (Sâm hồ, ngô đạo nhất sĩ quán chi — L.N. 4, 15).

Tăng-Sâm vừa trong nhà thầy bước ra, các bạn đồng môn liền kéo lại hỏi ông, định ninh rằng ông đã hiểu, bởi vì lúc này nghe thầy nói, Tăng-Sâm đã vâng dạ một cách ngoan ngoãn. Theo quan điểm riêng của ông, Tăng-Sâm trả lời các bạn :

« Đạo thầy chỉ gồm trong hai đức trung và thứ thôi » (L.N. 4, 15).

Chữ Trung đây không phải là trung dung mà là trung thành, trung tín : hết lòng với vua với nước với bạn bè. Còn Thứ chỉ là đức nhân diễn rộng ra : đối xử với người như đối xử với chính bản thân : kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân (L.N. 15, 23).

Nhưng tại sao Không-Tử nói một, Tăng-Sâm lại bẻ làm đôi, lại nói hai ? Vì lý do gì Tăng-Sâm dám quả quyết rằng hai đức ấy chỉ là một (nhất dĩ) ?

Có lần Chuyên-tôn-Sư (Tử-Trương) lại muốn đồng hóa lẫn lộn hai quan niệm trung thành và nhân mà gọi người trung là

người nhân ; Không-Tử đã vặn hỏi ông : « Tại làm sao lại gọi được là nhân ? (5, 18).

Phần đông các tác giả sau này đều cho nhân là nguyên lý nhất quán. Nhưng, như trên ta đã thấy, đức nhân chưa có thể bao trùm nội đức trung. Không-Tử còn cho ta thấy nhân cũng không thể bao trùm (quán) nội dũng, trí và thánh thiện. Bởi vì :

« Người dũng chưa chắc đã có nhân » (L.N. 14, 5) ;

« Trí thuộc về thể động, còn nhân thuộc về thể tĩnh, » (L.N. 6, 21) ;

Sau cùng, con người hay thí thố ân đức cho đồng loại, cứu trợ tương tế mọi người, con người như thế đã vượt xa người nhân. (6, 28). Với những lời lẽ rõ ràng ấy, người ta có thể nhận thấy rằng đức nhân chưa có thể gọi là quán chi được.

Đề tìm trong đạo Không cái nguyên lý nhất quán ấy, ta nên giải thích rõ ràng hai chữ nhất quán.

Hai chữ nhất quán, như ta đã thấy, chỉ là thành ngữ tóm tắt hai câu nói của Không-Tử mà tôi đã trưng ra trên đầu bài này (nhất dĩ quán chi). Chữ Quán có nghĩa là sợi dây. Trước kia, hồi tiền tề

Danh ngôn, danh lý

THỰC TẾ

- ★ Người thực tế không đề mất thì giờ than phiền khuyết điểm của người mà cố gắng dùng người theo khả năng của họ.

còn phần nhiều bằng kim khí như đồng, kẽm, mỗi đồng tiền đều có lỗ vuông hay tròn ở giữa ; nên dễ tiện bề tính toán và chuyên chở khuân vác, người ta xỏ tiền vào một sợi dây gai, dây đay hay cói ; sợi dây đó gọi là *quán*. Thế rồi, ngày xưa, lúc chưa có kỹ nghệ làm giấy, người ta viết sách vào mảnh tre mỏng mỏng (trúc giản) ; dễ đóng lại thành từng quyển, từng tập (trúc thư), dĩ nhiên phải dùng dây : sợi dây đó gọi là *quán*.

Đề chỉ cái nguyên lý nâng đỡ tất cả hệ thống tư tưởng của ông, Khổng-Tử đã dùng tiếng *quán* một động từ — nhưng nó đã gọi lại cái hình ảnh của sợi dây — một danh từ — linh động trên kia. Sợi dây không xuất hiện ra ngoài bao nhiêu, nhưng nó nâng đỡ và kết cấu tất cả các yếu tố của toàn khối lại thành một thứ gì *Duy nhất* : một hệ thống hoàn toàn.

Đề có thể gọi được là *nhất quán*, nguyên lý đó phải được áp dụng một cách hiệu quả vào bất cứ một hành động nào của con người trong hai khu vực lý thuyết và thực hành, siêu hình và thực nghiệm, trừu tượng và cụ thể ; phải là một nguyên tắc mà dù người trí, dũng, trung, nhân hay thánh hiền đều phải dùng tới.

Nguyên lý đó thiết tưởng chỉ có Trung dung. Bởi vì chỉ có nguyên lý trung dung là thấu nhập tất cả các khu vực hành động vừa kể trên ; và hiểu được quan niệm trung dung tức là đã nắm được đầu mối học thuyết của Khổng-Tử : nghĩa là đã hiểu được lý do tồn tại hệ thống tư tưởng của ông. Ngoài ra, cũng chỉ dựa trên nguyên lý trung dung, ta mới có thể thấy được những ưu điểm và nhược điểm của hệ thống tư tưởng ấy.

Vậy *Trung-Dung* là gì ?

Thực là sai lầm nếu cho rằng *Trung-dung* là một điểm ở giữa, không xê dịch (invariable milieu), như tâm điểm của vòng tròn hay như điểm giữa của một vật dài chia đôi. Ngay cái quan niệm tuyệt đối không di dịch đã trái với lý thuyết *vô khả vô bất khả* (LN. 18,8) của Khổng-Tử rồi. Sau này Trình-Tử (tức Trình-Di) đã phạm lỗi đó khi ông định nghĩa hai chữ trung dung như thế này : « *Không nghiêng lệch là trung, không đòi dòi là dung* » (TD. Châu-Hi tựa).

Theo nghĩa đen, trung dung có nghĩa là mức giữa bình thường ; vì thế theo nghĩa đầy đủ, *trung dung* là cái thể quân bình mà lương trí mọi người có thể nhận thấy ; cái mức quân bình giữa hai thái cực : thái quá và bất cập ; cái thể quân bình có lý, thích đáng và theo lẽ phải của con người (milieu convenable, milieu du bon sens, du sens commun). Xét rộng ra, trung dung là khu vực quân bình thích đáng trong tất cả mọi sự vật và con người, trong bất cứ một tác động nào của vũ trụ : vũ trụ không có lý trí cũng như vũ trụ của những vật có lý trí. Bởi vì những nguyên lý cấu thành mỗi vật cũng như mỗi tác động của nó đều là âm dương hay do âm dương mà phát sinh. Khi giữ nổi thể quân bình — quân bình không phải tất nhiên là cân nhau — của hai yếu tố ấy, mọi vật đều sinh sôi nảy nở đều hòa, và các tác động của chúng không làm tổn hại đến sự sống còn của vũ trụ. Trái lại một khi cái thể quân bình ấy mất : nghĩa là cân đã *ngiên quá* về một bên nào, thì tình trạng lệch lạc không chóng thì

chày sẽ diễn ra, trước hết là ở nơi sự vật thiếu quân bình, rồi dần dà lan tràn ra toàn thể vũ trụ.

Dựa trên nền tảng vũ trụ học siêu hình này, Không-Tử cũng áp dụng lý thuyết trung dung trong địa hạt luân lý đạo đức. Vì cho rằng Không-Tử đã không xây dựng hệ thống đạo đức của ông trên nền tảng trung dung, nên dĩ nhiên người ta phải cho rằng hệ thống luân lý của ông thiếu nền tảng siêu hình. (*Dépourvue de base métaphysique, la morale de Confucius sera simplement fondée sur les faits sociaux. R. Grousset : Histoire de la philosophie orientale, Paris 1923, 320*).

Cũng vì cái nền tảng trung dung của vũ trụ quan mà Không-Tử cho rằng : từ việc tu thân cho đến việc bình thiên hạ, phải bắt nguồn bằng việc tìm hiểu sự vật và vũ trụ (*Trí tri tại cách vật. Vật cách nhi hậu tri chi... ĐH. đoạn mở đầu ; TD 20,3*). Biết đạo trời, biết muôn vật, tức là biết lối hành động của trời đất và vũ trụ ; mà tất cả trời đất cũng như những vật thể chứa đựng trong đó, đều do thể quân bình và sự điều hòa của hai nguyên tố (*principes primordiaux*) âm dương mà thành. Biết được cái bí quyết ấy tức là con người đã biết cách phải sống, đã gồm thâu vũ trụ trong một mối (nhất quán).

Thể quân bình, hòa nhịp của vũ trụ là Trung-Dung.

Xin đan cử ra đây một câu của Không-Phu-Tử đã lược tóm ý tưởng đó.

Sau khi đã chán nản vì những thất bại luôn luôn gặp trong khi đi vận động với các vị vương-bá thời đó để thực hiện

hệ thống đạo đức của ông, lúc về già, Không-Tử đã thốt ra lời than tuyệt vọng sau đây :

« Đạo ta không thực hiện nổi; ta biết thế, bởi vì người có trí thì hay đi quá, còn kẻ ngu dốt thì không theo kịp. Đạo ta không sáng tỏ nữa, ta biết thế, vì người hiền thì quá trốn, còn người chưa tỉnh ngộ thì lại không tới kịp » (TD.4).

Đạo lý của Không-Tử không thực hiện được, không phải là người ta thiếu nhân, thiếu dũng hay thiếu lễ trí tín, mà chỉ vì người ta không biết và không hiểu trung dung, để đến nỗi đi luẩn quẩn mãi trong hai cái hố thái quá và bất cập. Nếu cứ thế, người ta sẽ trọn đời là tiểu nhân, chứ không bao giờ có thể trở thành quân tử được. *Tiểu nhân* không phải là con người ít nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, mà là con người phản trung dung, con người không biết kiêng nể gì cả ; trái lại *quân tử* cũng không phải là người hiền, dũng, nhân, trí, mà là người biết thực hiện trung dung trong chính bản thân (*Quân tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung. Quân tử trung dung đã, quân tử nhi thời trung ; tiểu nhân phản trung dung đã, tiểu nhân nhi vô kỷ đoạn đã. TD.2*).

Trung Dung là nguyên lý nhất quán của triết học Không-Phu-Tử.

Đã là nguyên lý thì dĩ nhiên phải trừu tượng. Nhưng thực hành đòi hỏi một cái gì cụ thể hơn, để khi người ta sống theo cái tiêu chuẩn cụ thể đó, người ta có thể tự hào được là đã sống theo nguyên lý trung dung, nhất là trong phạm vi luân lý. Đời sống luân lý hoàn toàn có thể gọi là đời sống trung dung, đời sống quân bình.

Chữ *nhân* — hay đúng hơn quan niệm nhân — như chúng tôi đã nói lần trước, không thể gọi là nguyên lý nhất quán được.

Nhân có thể có hai quan niệm :

1) Trước hết với một nghĩa bao quát, nhân có nghĩa là một *trạng thái nhân đức* đã kiện toàn (*in facto esse*). Chữ nhân ở đây không có tính cách riêng biệt một đức nhân. Con người có nhân có thể đồng nghĩa với người có một đời sống quân bình, và như thế có thể đồng nghĩa với người trung dung (*un homme vertueux : un homme équilibré*).

2) Thế rồi nếu xét theo chính nghĩa của nó, *nhân* là một đức trong muôn vàn đức khác mà người quân tử phải có : một đức xã hội. Vì thế trong cái trạng thái chuyển thành (*fieri-devenir*) của đức ấy cũng như của các đức khác, cần phải có trung dung để chế ngự cho khỏi đi đến chỗ quá trớn như quan niệm *kiêm ái* của Mặc-Địch, hay khỏi dừng lại chỗ không kịp như *vị-ngã* của Dương-Châu (cf. *MT* chương : *Đề-Công-Vấn* hạ, tức là q. 3b, 9). Nhưng luân lý đạo đức đâu có phải chỉ là cuộc sống đụng chạm với người khác (chữ nhân kép bởi hai chữ : nhân là người và nhị là hai) ; đời sống luân lý còn là *tiên tu kỷ thân, tiên chính kỷ tâm, tiên thành kỷ ý*. Nghĩa là đời sống luân lý phải bắt đầu tại chính bản thân : *cố quân tử tất thân kỷ độc*. Đọc kỹ những sách của Khổng-Tử, người ta phải công nhận rằng : việc tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, nghĩa là đời sống đụng chạm với người khác mình, chỉ là hậu quả tất nhiên của đời sống tu thân. Đức nhân tự nó không phải đề tu thân toàn diện. Trái lại nguyên

lý trung dung mới giúp con người chỉnh đốn mọi hành động, ngôn ngữ và tư tưởng. Nhưng nguyên lý đó trừu tượng nên phải nhờ đến một quan niệm cụ thể hơn, là : *lễ tiết*. Đây chúng tôi xin trích hai câu của Khổng-Tử có thể coi là điển hình cho tư tưởng nói trên về đời sống có lễ xét về phương diện cá nhân cũng như xã hội ;

« Những điều gì không hợp lễ thì đừng xem, đừng nghe, đừng nói, đừng làm » (phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động. LN. 12,1),

« Cung kính mà không có lễ chỉ nhọc thân, cần thận mà thiếu lễ là nhút nhát, mạnh mẽ mà thiếu lễ thì sẽ loạn, ngay thẳng mà thiếu lễ sẽ thành gắt gỏng cố chấp » (cung nhi vô lễ tắc lao, thận nhi vô lễ tắc ti, dũng nhi vô lễ tắc loạn, trực nhi vô lễ tắc giáo. LN. 8,2).

Lễ ở đây có phận sự tiết chế giữ vững thể quân bình trong mọi tác động của con người. Muốn trở nên người hoàn toàn, con người phải lấy lễ làm tiêu chuẩn, để tư tưởng, lời nói và việc làm của mình phù hợp với nguyên lý trung dung. Vì thế ta mới có thể hiểu tại sao lễ đóng một vai trò quan trọng trong giáo lý của Khổng-Tử.

Nhưng thực ra lễ là gì ?

Đọc các văn kiện nói tới quan niệm lễ, nhà học giả có thể nhận thấy hai ý nghĩa, hay hai khía cạnh của chữ lễ theo tư tưởng Khổng-Tử :

1.) Trước tiên lễ là sự thích hợp, thích đáng với lương tri (*bon sens*) hay lễ thường (*sens commun*) của con người ; vì thế mà khi ở một mình, con người đã

phải giữ lễ rồi, chứ không cần phải đợi khi ra giao tiếp với người khác. Trừu tượng hơn ta có thể gọi là đức khôn ngoan tự nhiên của con người. Đó là phần cốt yếu : phần mô thức của quan niệm lễ.

2.) Thế rồi, cụ thể hơn, lễ là tất cả những hình thức, ước định, nghi tiết, tập tục bên ngoài nó làm nên phẩm hạnh con người. Đây là khía cạnh xã hội : khía cạnh chất thể của quan niệm lễ.

Vậy nên cũng có lần Không-Tử đã nói : « Đạo đức nhân nghĩa mà không có lễ thì chẳng nên trò trống gì... Bởi thế mà người quân tử dung mạo phải cung cần, trong bụng phải kính trọng, giữ gìn, lui nhường để làm rõ lễ » (Đạo đức nhân nghĩa phi lễ bất thành... Thị dĩ quân tử cung kính, tôn tiết, thoái nhượng dĩ minh lễ — LK *Khúc lễ nhượng*).

Thực ra những thủ tục, nghi lễ hình thức bên ngoài cũng thực hiện theo sự khôn ngoan của lương tri, nếu không, chúng sẽ trở thành những sự cầu nệ rỗng tuếch và làm tổn thương đến giá trị con người (cf. LN. 3,18 và 17,11).

Như thế ta có thể kết luận rằng : xét cho cùng ra, trong đời sống luân lý, tư riêng cũng như chung chạ trong xã hội, lễ là phương tiện để đi đến trung dung ; hay đúng hơn, lương tri và lễ thường (dung) của con người là tiêu chuẩn thực hiện trung dung. Vì những lý do trên, thiết tưởng muốn dịch sát nghĩa hai chữ *Trung dung*, ta nên dịch là *mức giữa theo lẽ thường*, theo lương tri, chứ không phải là mức giữa không hề xê chuyển,

Hiểu như thế, Trung dung sẽ là nguyên lý chỉ phối đời sống cá nhân bằng cách

điều hòa các tư tưởng, cảm tình, điều hòa sự phát biểu của chúng cho đúng mức và đúng thời (quân tử chi thời trung) ; trung dung cũng chỉ phối đời sống xã hội bằng cách điều hòa những liên lạc giữa người với người tùy theo bốn phân và địa vị.



Đến đây chúng tôi tưởng nên vạch lại và làm rõ nghĩa một vài vấn nạn chống lại học thuyết của Không-Phu-Tử :

— Thuyết Trung dung phản tiến bộ.

— Thuyết Trung dung dưới khía cạnh tùy thời của nó đã làm tổn thương đến những giá trị khách quan của nền luân lý.

Sau đây chúng tôi thử tạm phác một vài nét đề tìm hiểu những chỗ có lý cũng như những chỗ vô lý của hai vấn nạn trên.

I. Vừa thấy Không-Tử chủ trương trở về nguồn, người ta đã vội la ó lên rằng phản tiến hóa. Nhưng phải xét tình trạng suy đồi của chế độ phong kiến thời ấy để đánh giá chủ trương của ngài. Nếu đem so sánh thời đại của ngài với những thời đại Thuần, Nghiêu, dĩ nhiên Không-Tử, hay bất cứ một người nào có chút lương tâm, phải nhận rằng thời xưa vẫn tốt hơn. Nhận thấy thế không phải là Không-Tử không biết tới *khả năng tiến triển* của con người. Không-Tử vẫn cho rằng : « *Hậu sinh khả úy* », và những người sinh sau vẫn có thể hơn người sinh trước được (*yên tri lai giả chi, bất như kim dã ?*). Chỉ có cái là Không-Tử đã hạn hẹp cái khả năng ấy vào khoảng 50 năm, nếu quá 50 tuổi mà không làm trò trống gì thì không đáng sợ nữa (L.N. 9, 22).

Tuy thế, có lẽ chúng ta cũng phải nhận rằng, nếu không trực tiếp cản trở sức tiến thì là gián tiếp, lý thuyết trung dung cũng làm chậm bước tiến của con người trong phạm vi khoa học cũng như luân lý : có những lời lẽ của Khổng-Tử làm cho ta có cảm tưởng rằng ngài quá đề cao giá trị của những thời đã qua, quá tôn trọng những hiệu quả của luân lý hay học sách thánh hiền đề tu đức, đến nỗi không cần nghĩ đến những khoa học thực nghiệm, những nghề nghiệp thường thức ; theo ý ngài thì nguyên việc học thánh hiền và tu đức đã làm cho con người đủ sống rồi (phù như thí, tắc tứ phương chi dân, *cưỡng phụ kỳ tử nhi chí hỹ. Yên dụng giá ?* LN. 13,4. Học giả, lộc tại kỳ trung. LN. 15,31. Ngô thiếu giả tiện, cổ đa năng bỉ sự. Quân tử đa hồ tai ? *Bất đa dã.* L.N. 9,6). Ở đây ta thấy phảng phất mùi chế độ quan liêu bàn giấy (bureaucratie).

Xét nguyên về mặt luân lý, dựa vào nguyên lý biến đổi của vũ trụ luận, nên hình như Khổng Tử không muốn có một tác động luân lý nào đi đến chỗ toàn thiện của cường độ (ultimum potentiae — tốt hết sức) ; bởi vì nếu đến chỗ toàn thiện cực độ đó, thì thế nào tác động, và cả trạng thái nữa, cũng phải xoay chiều ; có khi chiều đó là chiều trái ngược lại (tốt đổi ra xấu).

Quan niệm quân tử chỉ là một quan niệm kiểu mẫu trung bình.

2.— Xét theo quan niệm tổng quát về Đạo của Khổng-Tử, thì thuyết tùy thời của ngài không có trực tiếp làm tổn thương đến giá trị khách quan và mô thức của luân lý. Nhiều lần Khổng-Tử đã quả quyết rằng : Đạo — toàn thể

những giá trị luân lý — không thể nào bỏ qua, không thể nào hy sinh đi được ; con người không thể nào rời bỏ Đạo trong khoảnh khắc được (TD 1 và 13). Đức nhân cũng có một giá trị khách quan như thế (LN. 4,5).

Nhưng dù sao, đi đôi với lễ tiết như ta thấy trên kia, quan niệm tùy thời cũng có thể đi hại một cách gián tiếp cho những nguyên tắc luân lý. Bởi vì :

Nếu lễ chỉ là lương tri hay lễ thường thì chỉ là phần thực nghiệm của lý trí. A. Franck cho rằng lương tri chỉ là lý trí trong trạng thái thô sơ mộc mạc, không suy luận, không khoa học (*Il est... la raison à l'état brut, la raison sans réflexion, sans science*). Như thế học thuyết của Khổng-Tử kém hẳn về mặt suy lý (*spéculation*).

Tất cả những nguyên tắc đạo đức cấu thành nền luân lý trung dung dựa trên một nền tảng cát trôi (*sable mouvant*) hết sức co giãn (tùy thời, lễ, lương tri) thì những giá trị khách quan của nó cũng rất co giãn. Vì thế mà trong Khổng học mới (Néoconfucéisme) chủ nghĩa tương đối đã sinh sôi phát triển mau lẹ.

Nếu Khổng-Phu-Tử đầy xa hơn nữa cái quan niệm lễ từ chỗ lương tri thông thường đến chỗ lý trí hoàn toàn (như Aristote đã đi từ *atsthesis* đến *orthos logos*. cf. VI Eth. de Nicom. ch. XIII, 3-5) thì thuyết Trung Dung mới đứng vững và không bị những kẻ đến sau xuyên tạc. Tóm lại là phải xây trên nền tảng nhân bản toàn diện, phải tận dụng cái năng lực lý trí mà Tạo-hóa đã ban cho con người.

Khuyết điểm trong Không học là thiếu một quan niệm rõ ràng, một trí thức hệ về mặt lý thuyết, một sự phát triển đầy đủ về ý niệm lễ (lương tri, lý trí).

Người ta vẫn cho rằng Không học là một phần cốt yếu của nền văn hóa Trung-hoa, và cùng với dân tộc Trung-hoa, Không học đã thẩm nhập vào những dân tộc phụ cận : Việt-nam, Đại-hàn, và một phần dân tộc Nhật-bản. Nếu thế ta thử kiểm điểm lại đà tiến của những dân tộc ấy thì đủ biết một phần nào cái ảnh hưởng của Không giáo. Nhật-bản chịu ảnh hưởng văn hóa Trung-hoa ít hơn Đại-hàn và Việt-nam, nên ta cũng có thể nhận thấy sự khác biệt, ít ra về tâm lý và hành động trên bình diện khoa học và kinh-tế. Và tại sao lục địa Trung-hoa, Bắc-hàn Bắc-việt (những chỗ tiếp giáp với Trung-hoa) đã rơi vào tay cộng sản vô thần một cách dễ dàng như thế ? Chắc hẳn không phải tình cờ, cũng không phải vấn đề biên giới ; không phải là tình cờ ít

là đối với những người đã nhận thấy rõ ràng cái trào lưu tư tưởng hướng về chủ nghĩa duy nhiên, phiếm thần, duy vật từ Tuân - Tử trở đi, rồi đến Thiệu - Ung, Trình-Di, Chu-Hi thời Ngũ-Đế. Dĩ nhiên là không phải cái gì xấu đều do Không-giáo cả, cũng như không phải bất cứ cái gì tốt trong văn hóa và nền luân lý Đông phương đều do Không-giáo cả.

Có khi ta chỉ có thể cho Không-giáo là một khoa hay một chủ nghĩa nhân bản tự nhiên (humanisme naturel) ; mà chủ nghĩa này có hai khả năng : có khả năng đưa con người đến duy nhiên (naturalisme) rồi từ duy nhiên đến duy vật (matérialisme), và cũng có thể đưa ta đến nhân bản học toàn diện (humanisme intégral) trong đó bản vị con người được phát triển về cả hai phương diện tự nhiên và siêu nhiên. Dĩ nhiên là để có thể đi đến chỗ đó, nhân bản học của Không-Khâu cần phải được bổ túc rất nhiều.

ĐỨC THẠC

★ Dụng nhân như dụng mộc.

★ Đá giũa ngọc, muối đánh vàng, có nhiều vật tầm thường làm tốt được cho vật quý báu. (Tiềm-phu)

Tự khinh, tự hủy, tự phạt

Một người có tự khinh trước, rồi kẻ khác mới khinh mình sau ; một nhà có tự hủy trước, rồi kẻ khác mới hủy nhà mình sau ; một nước có tự phạt trước rồi kẻ khác mới phạt nước mình sau.

Thiên Thái-Giáp trong Kinh Thi có chép :

« Trời làm tai ách còn tránh được ; tự mình làm ra tai ách thì không thể nào sống được. »

MẠNH-TỬ

« Vài nhận xét về Văn Phạm Việt-Nam »

của Giáo-sư P. J. HONEY

Nguyễn-Hiến-Lê và
Trương-Văn-Chỉnh

Văn Hóa Á-Châu số 10, tháng 1-1959, có đăng bài diễn văn giáo sư P. J. Honey đọc tại trường Đại học văn khoa Sài-gòn ngày 29-11-1958, đầu đề là « *Vài nhận xét về văn phạm Việt-nam* ». Chúng tôi rất cảm động thấy Giáo sư Honey đã dày công nghiên cứu một môn học của ta còn phôi thai, và cứ xem quang cảnh giảng đường trường Đại học Văn khoa buổi Giáo sư nói chuyện, chúng tôi có cảm tưởng rằng giới trí thức của ta đã chú ý rất nhiều về « văn phạm » tiếng ta, và ai nấy khi ra về đều muốn tỏ lòng cảm tạ giáo sư.

Để tỏ chút tình với Giáo sư, chúng tôi xin góp thêm vài ý kiến về bài diễn văn nói trên. Nhưng, trước khi cùng Giáo sư thảo luận về môn học chúng tôi đang nghiên cứu, chúng tôi muốn cùng với độc giả đính chính về vấn đề dùng danh từ « văn phạm ». Chúng ta có nên theo Ô.

Trần-Trọng-Kim mà dùng danh từ « văn phạm », hay theo người Trung - Hoa mà dùng danh từ « văn pháp » để chỉ môn học mà người Pháp gọi là *grammaire*, và người Anh gọi là *grammar* không ?

Grammaire là môn dạy những phép tắc để nói và viết cho đúng (1), vì thế mà chúng tôi muốn gọi là *ngữ pháp*, chứ không gọi *văn pháp* hay *văn phạm*. *Ngữ* và *văn* khác nhau thế nào ?

Nói ra thành lời là *ngôn ngữ*, viết ra thành chữ là *văn tự*. Loài người có ngôn ngữ trước, rồi mới đặt ra dấu hiệu để ghi lời nói, tức là *văn tự*. Vậy thì :

(1) La grammaire est l'art qui enseigne à écrire et à parler correctement. (P. Guiraud, *La grammaire*).

La grammaire (enseigne) les règles qu'il faut connaître pour parler et écrire une langue correctement et suivant le bon usage d'un pays (Cl. Augé, *Grammaire*).

— a) văn tự chỉ là hình thức của ngôn ngữ, văn tự phụ thuộc vào ngôn ngữ ;

— b) ngôn ngữ không những là thanh âm của văn tự, chính là bản chất của văn tự ;

— c) tuy rằng phân biệt ngôn ngữ với văn tự, thực ra ngôn ngữ và văn tự cùng là phương tiện để diễn tả tư tưởng.

Vì có ngôn ngữ trước, rồi mới có văn tự, vì ngôn ngữ chính là bản chất của văn tự, nên ngôn ngữ có thể dùng để chỉ cả lời nói lẫn câu viết, mà văn tự không có nghĩa rộng như vậy (2). Tỉ dụ, ta nói : « Tôi học Hoa ngữ. » có thể hiểu hai cách : hoặc chỉ học nói theo lối truyền khẩu mà không học chữ viết, hoặc là học cả tiếng nói lẫn chữ viết của người Trung-hoa.

Ngôn ngữ có thể dùng thay cho văn tự, nên ta có thể nói :

Từ nay các công văn phải viết bằng Việt ngữ.

Ông này cũng đọc được Việt ngữ.

Trong hai câu đó ta dùng Việt ngữ thay cho Việt văn. Nhưng trái lại, văn tự không thể dùng thay cho ngôn ngữ theo nghĩa là tiếng nói, nên ta không thể nói : « Ông này cũng nói được Việt-văn. » mà phải nói :

Ông này cũng nói được Việt ngữ.

Ngôn ngữ có nghĩa rộng, gồm cả lời nói lẫn câu viết, nên chúng tôi dùng ngữ pháp, chứ không dùng văn pháp như người Trung-hoa (3). Nói văn pháp chỉ

(2) Tiếng *langue* của Pháp và *language* của Anh cũng có nghĩa rộng như ngôn ngữ của ta.

(3) Bộ Từ Hải định nghĩa văn pháp là trình thức của lời nói câu văn (vì ngữ văn chỉ trình thức đã) và thêm rằng : tiếng Anh gọi là *grammar*.

là nói phép tắc viết văn cho đúng mẹo luật, mà hàng ngày chúng ta dùng lời nói để diễn tả tư tưởng nhiều hơn là văn tự. Và lại, văn còn dùng theo nghĩa là văn chương (4), như nói văn nô, văn chữ Hán, văn vắn, văn xuôi, phép làm văn, v.v... Một thí dụ :

Lối văn (truyện Phan-Trần) chải chuốt êm đềm, có nhiều đoạn không kém gì văn truyện Kiều (Dương-Quang-Hàm).

Vậy nói văn pháp hay văn phạm có thể hiểu là phép tắc (pháp) hay khuôn phép (phạm) làm văn, và sách văn phạm còn có thể hiểu là cuốn văn tuyển gồm những bài có thể coi làm mô phạm để viết văn.

Huống hồ Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục cũng đã dùng danh từ ngữ pháp để dịch chữ *Grammaire* (xem bản Chương trình Trung học 1958, mục Chương trình Pháp văn, trang 31) (5) thì ta còn ngần ngại gì mà không bỏ luôn danh từ văn phạm đi.

Vậy chúng tôi xin phép đọc giả dùng danh từ ngữ pháp để thay văn phạm, và từ đây trở đi, chúng tôi mới bắt đầu thảo luận về những nhận xét của Giáo sư Honey.



(4) Nói sao viết vậy là văn tự ; văn chương là văn tự viết thành bài thành sách, có điều luyện, có nghệ thuật. Truyện Kiều là một áng văn chương, còn như bức thư thường ta viết hỏi thăm bạn chỉ là văn tự. Văn tự gắn với lời nói thông thường hơn văn chương ; nhưng dù lời nói, văn tự hay văn chương thì cũng phải theo một ngữ pháp.

(5) Mặc dầu là dùng một cách chưa quả quyết vì ở mục Chương trình Quốc văn (trang 16) và mục Chương trình Anh văn (trang 21) vẫn gọi là văn phạm.

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với Giáo sư rằng phần đông những người nghiên cứu ngữ pháp Việt-nam từ trước tới giờ đã phỏng theo sách Pháp, nên những sách viết ra đã làm cho người đọc « lạc hướng », và như vậy, không những « khó hiểu » mà còn « vô giá trị » nữa.

Chính vì những sách đó sai lầm ngay về phương pháp nghiên cứu cách cấu tạo tiếng Việt, nên mới xảy ra tình trạng dưới đây mà Giáo sư Honey đã nhận định rất đúng :

— a) hiện nay còn nhiều người Việt vẫn chưa có quan niệm gì về ngữ pháp Việt-Nam cả ;

— b) nhiều người ngoại quốc cho rằng tiếng Việt-nam không có ngữ pháp.

Sở dĩ nhiều người Việt chưa có quan niệm gì về ngữ pháp tiếng mình là vì sách viết về ngữ pháp chưa có cuốn nào hợp với đặc tính của tiếng ta và lột được tinh thần tiếng ta, thành thử :

Người viết sách muốn viết một cuốn sách xứng đáng gọi là Văn phạm Việt-nam, nhưng thật ra chỉ mới nghĩ nhiều đến chỗ ảnh hưởng rất tốt của văn phạm Tây phương vào tiếng nước mình. Người học sách, nếu chưa biết chút văn phạm Tây phương nào, thì thấy cuốn sách cầu kì và có nhiều tính cách Tây phương khó hiểu; nếu đã biết đôi chút rồi thì chỉ muốn soát lại chỗ đôi chút ấy để tự túc tự đại, chứ không tin rằng có thể nhờ cuốn sách mà tăng tiến được về các điều đã biết. Người không đọc sách thì cười ồm lên khi nghe thấy có người nhắc lại cho biết rằng cuốn sách đã dạy chúng ta : « Trong một câu hỏi, khi có tiếng có ở trên thì phải có tiếng *không* ở dưới ». Người ấy vừa nhảm lại như ông Giu-

đăng trong hài kịch Molière : « Anh có muốn ăn không ? » vừa cười khi khi, rồi nhẹ lòng tin ngay rằng cuốn sách chỉ có thể dùng để dạy tiếng Việt-nam cho người Pháp.

(Nguyễn-Giang. *Cách đặt câu*)

Chính vì các sách ngữ pháp hiện hữu của ta quá mô phỏng ngữ pháp của Pháp mà thành ra cầu kì khó hiểu, nên không những người ngoại quốc, mà cả đến người Việt-nam, nhiều người cho rằng tiếng ta không có ngữ pháp. Một số người khác, quá quen với ngữ pháp Tây phương, gặp những câu như :

*Rượu cúc, nhãn đem, hàng biếng quây ;
Trà sen, mượn hỏi, giá còn kiêu,
Bánh đường, sắp gói, e nồm chảy ;
Giò lụa, toan làm, sợ nắng thiêu*

(Tứ-Xương)

*Chỉ có ngọn gió mát ở trên sông, cùng
là vầng trăng sáng ở trong núi, tai ta
nghe nên tiếng, mắt ta trông nên vẻ, lấy
không ai cấm, dùng không bao giờ hết ;
đó là kho vô tận của Tạo hóa và là cái
thú chung của bác với của tôi.*

(Phan-Kế-Bình)

Hôm nay chủ nhật.

không thể phân tích theo ngữ pháp Pháp được, nên cũng cho rằng tiếng ta không có ngữ pháp.

Nói như vậy không được ! Một ngôn ngữ dù chất phác giản dị đến mức nào chẳng nữa, hễ nói ra mà hiểu được nhau, là đã có ngữ pháp rồi. Tiếng ta tất phải có ngữ pháp, chẳng qua chúng ta chưa tìm ra được đấy thôi. Ta không thể nói : *tôi cha mẹ, áo cái hay con trắng ngựa ;* mà phải nói : *cha mẹ tôi, cái áo, con ngựa trắng*, thế là ta nói theo ngữ pháp

rồi đấy. Tiếng ta phải có ngữ pháp, và ngữ pháp của chúng ta có những đặc điểm không có trong ngữ pháp Pháp, cũng như ngữ pháp Pháp có nhiều điều không thể áp dụng vào ngữ pháp của ta được.



Trong bài diễn văn, giáo sư Honey có đề cập đến hai vấn đề trong ngữ pháp Việt-nam, là : định nghĩa tiếng lẻ, đơn vị của Việt ngữ, và phân từ loại.

Tiếng lẻ, chúng tôi gọi là *từ*. Chúng tôi đã cho đăng trong báo *Đại Học* số 4-5 (tháng 9-1958) và số 6 (tháng 11-1958) một chương nhan đề là *Từ và ngữ*, rút ở cuốn *Khảo luận về ngữ pháp Việt - nam* (sắp xuất bản), và chúng tôi xin phép không nhắc lại ở đây nữa. Chúng tôi chỉ xin tóm tắt rằng chúng tôi đã phân biệt *từ* (đơn vị của ngôn ngữ) với *tự* (chữ) và *âm* ; chúng tôi cũng đã phân biệt *từ đơn*, *từ kép* với *ngữ*. Giáo sư Honey gọi là *âm tự do về vị trí*, thì chúng tôi gọi là *từ* ; và nếu chúng tôi không hiểu lầm thì đơn vị mà giáo sư gọi là *âm bị giới hạn về vị trí*, tức là *âm lót* theo lối gọi của chúng tôi hay *tiếng đệm* theo lối gọi của Trần-Trọng-Kim. Giáo sư gọi là *chữ giản dị*, thì chúng tôi gọi là *từ đơn* ; giáo sư gọi là *chữ phức tạp*, thì chúng tôi gọi là *từ kép*.

Giáo sư Honey định nghĩa *chữ phức tạp* là « một hệ thống nhỏ của các đơn vị trong đó ít nhất thì có một đơn vị giới hạn ». Nhưng, trong những từ kép điệp ý của ta, như *sức lực*, *danh tiếng*, *tranh giành*, *tùy theo*, *tìm kiếm*, *ngủ ngon*, v.v., không có âm nào là âm lót, hay nói như Giáo sư Honey, không có âm nào là « bị giới hạn » cả.

Còn như nói *dai nhách*, tiếng *nhách* không phải là âm lót, nó là *từ*. *Dai nhách* là do thành ngữ *dai như cháo rách* mà ra, và *nhách* (= như cháo rách) thuộc vào hạng chúng tôi gọi là « tiếng riu ».

Dai như cháo rách (= *dai nhách*) là thành ngữ thuộc vào hạng « lời nói ví », cũng như : *đắng như bồ hòn*, *trắng như trứng gà bóc*, *thẳng như ruột ngựa*, *láo nháo như cháo với cơm*, *nói như đánh đống cột*, *yếu như sên*, *khoẻ như trâu*, v.v... Vậy thì *nhách* (= như cháo rách) chỉ có thể đi với *dai*, và định nghĩa « một chữ là một thể tự do » không có căn cứ vững chắc. (*Nhách* là một từ, mà không thể « tự do » dùng với bất cứ tiếng nào.)



Theo cách định nghĩa tiếng lẻ và phân từ loại, thì phương pháp của giáo sư Honey thuộc môn ngữ pháp gọi là *grammaire fonctionnelle* hay *grammaire structurale*, còn có người gọi là *grammaire descriptive*, đối với ngữ pháp cổ điển gọi là *grammaire logique* hay *grammaire normative*.

Trong bài này, chúng tôi không có mục đích so sánh hai phương pháp nghiên cứu ngữ pháp nói trên ; chúng tôi chỉ xin nhắc qua với độc giả rằng phương pháp cổ điển phân từ loại theo nghĩa mỗi tiếng có chứa trong từ điển, mà định tiếng ấy là *nom*, *verbe*, *adjectif*, v.v... Tỉ dụ tiếng *cheval* chỉ một vật là *nom*, tiếng *courir* chỉ một động tác là *verbe*, tiếng *noir* chỉ một trạng thái là *adjectif*. Còn phương pháp mới thì trái hẳn, không lấy nghĩa của tiếng lẻ làm tiêu chuẩn, mà cũng không cần biết đến nghĩa của tiếng

lẽ. Nhà ngữ pháp lựa một câu làm điển hình, rồi tùy theo vị trí mỗi tiếng trong câu mà định từ loại. (6) Tỉ dụ, lấy câu :

Le chien noir dort.

Câu có bốn tiếng. Nhà ngữ pháp dùng phương pháp « chuyển hoán » (permutation), mà lấy trong ngôn ngữ tiếng nào có thể thay tiếng *le* nghĩa là cùng có vị trí như tiếng *le* thì cho vào một loại, tiếng nào có thể thay cho *chien* thì cho vào một loại, tiếng nào thay cho *noir* được thì cho vào một loại, và tiếng nào thay cho *dort* được thì cho vào một loại khác. Như vậy, dùng một câu trên, nhà ngữ pháp định ra bốn loại sau đây gọi là loại *a*, loại *b*, loại *c*, loại *d* :

— thuộc loại *a* : *le, ce, mon, quel, v.v.*

— thuộc loại *b* : *chien, chat, garçon, v.v.*

— thuộc loại *c* : *noir, vieux, grand, v.v.*

— thuộc loại *d* : *dort, court, mange, v.v.*

Nhà ngữ pháp còn nhận định ra rằng :

1) loại *c* (*noir, vieux, v.v.*) có thể bỏ, và ta có thể chỉ nói : *le chien dort* ; và lại, loại *c* có thể đặt trước loại *b* (*chien, chat, v.v.*), nhưng sau loại *a* : như vậy loại *c* có quan hệ mật thiết với loại *b*, và phụ thuộc loại *b* ;

2) loại *d* (*dort, court, v.v.*) không thể bỏ được ; loại *a* và *b* cũng không thể bỏ được ;

3) loại *a* (*le, ce, mon, v.v.*) bao giờ cũng đi với loại *b*, và không thể đi với loại khác được ; loại *a* đặt trước loại *b*, và có thể dùng loại *b* không có loại *a*, nhưng

(6) All Words that (can) occupy the same « set of positions » in the patterns of (...) single free utterances must belong to the same part of speech. (Fries, trang 74.)

không thể dùng loại *a* mà không có loại *b* ; loại *a* cũng phụ thuộc loại *b* ;

4) hai loại *a + b* đi mật thiết với nhau, và có thể chuyển hoán với một loại khác gọi là loại *b'* (*il, celui-ci, quelqu'un dort*) ;

5) hai loại *a + b* đặt trước loại *d*, và ta chỉ có thể xen vào giữa một tiếng thuộc loại *c*. Nói tóm lại : *ab + d* (*le chien dort*) hay là : *(ab + c) + d* (*le chien noir dort*).

Tỉ dụ trên rút trong sách *La Grammaire* của Pierre Guiraud (7). Chúng tôi muốn dẫn một tỉ dụ khác rút trong cuốn *The structure of English* của Fries (8).

Fries lấy ba câu điển hình này :

(A) The concert was good always.

(B) The clerk remembered the tax suddenly.

(C) The team went there.

mà định ra bốn từ loại chính. Những tiếng có thể thay cho *concert*, hoặc *clerk*, hoặc *tax*, hoặc *team*, xếp vào một từ loại gọi là *class 1* ; những tiếng có thể thay *was*, *remembered* hay *went*, xếp vào một từ loại gọi là *class 2* ; những tiếng thay *good* được xếp vào một từ loại gọi là *class 3* ; và những tiếng thay cho *always*, *suddenly* hoặc *there* được xếp vào một từ loại gọi là *class 4*. Còn những tiếng có thể thay cho *the* xếp vào một từ loại nữa gọi là *group A*.

Đó là đại cương, thực ra môn ngữ pháp mới còn phiền phức hơn nhiều. Theo P. Guiraud, cuốn *Système grammatical de la langue française* (tác giả : G. Gougenheim)

(7) Presses universitaires de France, Paris : collection « Que sais-je ? ».

(8) Harcourt Brace and Co, New-York.

chia tiếng Pháp ra 11 từ loại (9). Còn Fries chia tiếng Anh ra hai loại lớn gọi là *class* và *group*, rồi chia ra bốn *class* (*class 1, class 2, class 3, class 4*) và 15 *group* (từ *group A, group B, v.v...* đến *group N, group O*).

Chúng tôi không biết đối với người Pháp, người Anh, phương pháp mới có giúp cho họ hiểu rõ tiếng của họ không, nhưng chúng tôi thấy rằng phương pháp mới không thỏa mãn chúng tôi vì hai lẽ này:

1) Cuốn *The Structure of English* không giúp ích gì cho chúng tôi để hiểu thêm cách cấu tạo một câu tiếng Anh ra sao. Chúng tôi muốn biết khi nào thì một tiếng thuộc *class 3* đặt sau một tiếng thuộc *class 1*, và khi nào thì đặt trước, mà phương pháp của Fries không thể giảng cho chúng tôi được điều đó.

2) Không đặt tên cho các từ loại, mà chỉ gọi là *catégorie a*, hay *class 1*, hay *group A*, nghĩa là lấy số đếm hay chữ cái để cho từ loại, không hợp với chủ trương muốn « *chính danh* » của chúng tôi. Không đặt tên cho từ loại, chẳng khác gì bỏ hết các danh từ trong ngôn ngữ đi, và gọi con chó chẳng hạn là vật số 1, con mèo là vật số 2, con ngựa là vật số 3, v.v..., hay cái bàn là đồ A, cái ghế là đồ B, cái giường là đồ C, v.v...

Sở dĩ nhà « ngữ pháp mới » không đặt tên cho các từ loại và chỉ nhận định cách cấu tạo của ngôn ngữ, là vì họ chủ trương chỉ miêu tả ngôn ngữ, không cần chế định ra phép tắc:

(9) Chúng tôi tiếc rằng chưa được đọc cuốn sách của G. Gougenheim: thư viện trung ương không có, mà gửi mua nhưng sách chưa về. Còn cuốn *Grammaire* của Guiraud không phải là sách chuyên viết về môn ngữ pháp gọi là *fonctionnelle*.

The point of view in this discussion is descriptive, not normative or legislative. (Fries, tr. 3)

Nhưng người ta có thể nào không chế định phép tắc mà nhận định được cách cấu tạo của một ngôn ngữ không? Ô. Nguyễn-Khắc-Khăm, có lẽ cũng là một nhà « ngữ pháp mới », còn nói rõ ràng hơn rằng lỗi học một ngôn ngữ hiện giờ chỉ cần biết phải nói thế nào, chứ không cần biết vì sao phải nói thế:

At the present time, however, an intelligent student of language as well as a sophisticated language student is concerned only with describing the facts — rather than prescribing the rules — and with learning the « how » instead of the « why » of a tongue. (Bài tựa cuốn *Speak Vietnamese*, soạn giả Nguyễn-Đình-Hòa).

Chúng tôi tưởng rằng thái độ như vậy, trái với tinh thần khoa học muốn tìm tòi nguyên lý của các sự vật.

Và chẳng theo Pierre Guiraud, thì môn ngữ học gọi là « *fonctionnelle* » (cả môn ngữ học chứ không riêng gì ngữ pháp) còn đang ở giai đoạn giả thuyết, nghị luận và nghiên cứu, và chú ý đến ngữ âm nhiều hơn là đến ngữ pháp. Ngoài những lời phê bình môn ngữ pháp cổ điển, cũng chưa thấy đưa ra được cái gì khả dĩ đối lại với những phép tổng hợp rộng rãi của môn ngữ pháp cổ điển.

Le reproche qu'on peut formuler à l'égard de ces travaux, c'est qu'ils en sont encore au stade des hypothèses, des critiques et des recherches; qu'ils ont, d'autre part, porté beaucoup plus jusqu'ici sur l'étude des sons que sur celle de la grammaire; et qu'ils n'ont encore rien à opposer (sinon des critiques) aux vastes synthèses de la grammaire traditionnelle (...). (P. Guiraud, tr 81)

Vì những lẽ kể trên, chúng tôi nghĩ chưa nên vội áp dụng phương pháp mới vào Việt-ngữ.



Giáo sư Honey không phải là người đầu tiên phân từ loại trong tiếng Việt theo phương pháp mới. Trước ông, nhà ngữ học Lê-Văn-Lý cũng đã áp dụng phương pháp mới vào tiếng Việt rồi (xem *Le Parler Vietnamiens*, Hương Anh, Paris — 1948).

Ô. Lê-Văn-Lý phân tiếng Việt ra bốn loại : A, B, B', C. Nhưng ông vẫn còn rụt rè, nên đồng thời cũng đặt tên cho bốn loại ấy là :

- loại A gọi là *noms* (như người, vật, cây) ;
- loại B gọi là *verbes* (như học, ăn, chơi) ;
- loại B' gọi là *adjectifs* (như đẹp, yếu, lớn) ;
- loại C gồm có : *mots personnels* (như tôi, ta,) *mots de nombre* (như hai, ba,) *particules* (như bởi, nên, này, rồi, hử, hu-hu.)

Giáo sư Honey chia tiếng Việt ra 12 loại, đánh số từ 1 đến 12 : tự loại 1, ..., tự loại 12. Cách phân chia như vậy có hợp với tiếng ta không ? chúng tôi sẽ nói sau. Chúng tôi hãy xin phép đọc giả nhắc lại ở đây phương pháp chúng tôi phân từ loại ra sao, để dễ đối chiếu hai phương pháp : của giáo sư Honey và của chúng tôi.

Báo *Đại-Học* số 6 đã đăng sơ lược cách chúng tôi phân loại tiếng Việt : cùng một tiếng chúng tôi phân loại theo hai phương diện khác hẳn nhau : phương diện *từ tính* nghĩa là theo bản chất về ý nghĩa của tiếng, và phương diện *từ vụ* nghĩa là theo chức vụ của tiếng trong một câu.

Phân từ tính chúng tôi chia ra : thể từ, trạng từ và trợ từ. Thể từ là tiếng theo

bản chất về ý nghĩa, dùng để chỉ sự vật, và sự vật gồm cả cái hữu hình, cái vô hình, cái cụ thể và cái trừu thể (hay trừu tượng). Trạng từ là tiếng, theo bản chất về ý nghĩa, dùng để chỉ sự vật ở trạng thái nào, mà trạng thái hiểu theo nghĩa rộng, gồm trạng thái động (như động tác) và trạng thái tĩnh (như tính tình, nết na, tư cách, hình thức, màu sắc, v v...) Còn trợ từ là tiếng không có thực nghĩa, dùng để giúp cho lời nói ý nhị, mạnh mẽ, linh hoạt thêm, hoặc khỏi cụt cần, cộc lốc, như à, ồ, nhĩ, v.v...

Phân từ vụ, chúng tôi chia ra : chủ đề, chủ từ, thuật từ, hạn từ, túc từ và quan hệ từ. Chủ đề là tiếng đặt lên đầu câu, làm đầu đề câu nói. Chủ từ là tiếng chỉ sự vật làm chủ việc diễn tả trong câu. Thuật từ là tiếng dùng để nói (thuật) trong câu ấy chủ từ làm gì hay chịu hoặc nhận cái gì, chủ từ làm sao hay thế nào, chủ từ có gì hay ở đâu, chủ từ là gì. Hạn từ và túc từ là tiếng phụ vào một tiếng chính, nhưng hạn từ đứng trước tiếng chính, mà túc từ đứng sau tiếng chính. Túc từ thêm nghĩa cho tiếng chính, hạn từ không thêm nghĩa, chỉ hạn chế hay hạn định ý nghĩa tiếng chính, hoặc chỉ làm cho rõ nghĩa tiếng chính. Quan hệ từ là tiếng dùng để diễn tả sự quan hệ trong lời nói, như và, ới, tuy, nhưng, v.v...

Trong phạm vi một bài báo, chúng tôi chỉ có thể nói sơ lược chủ trương của chúng tôi về từ tính và từ vụ. Nhưng chúng tôi cũng phải thêm rằng nghiên cứu ngữ pháp Việt-nam, chúng tôi chú ý đến từ vụ nhiều hơn từ tính. (Trong cuốn sách chúng tôi sắp xuất bản, mục từ tính chỉ có vài chục trang, mà phần nói về từ vụ chiếm đến hai, ba trăm

trang.) Chúng tôi xin phép dẫn ra mấy tí dụ, mong rằng dù vắn tắt, độc giả cũng nhận được cách chúng tôi phân từ loại ra sao. Như ta nói:

(A) Chim bay.

(B) Bé ngoan.

(C) Mai tốt.

Trong ba câu trên, theo ý nghĩa thì bốn tiếng *chim*, *bé*, *mai*, *tốt* là tiếng chỉ sự vật, vậy là thề từ; tiếng *bay* chỉ trạng thái động của « sự vật » *chim*, tiếng *ngoan* chỉ trạng thái tĩnh của « sự vật » *bé*, hai tiếng *bay* và *ngoan* là trạng từ. Đây là nói về từ tính. (10)

Về phương diện từ vụ (chức vụ của tiếng trong câu) thì tiếng *chim* chỉ sự vật làm chủ trong việc *chim bay*; *bé* là sự vật làm chủ trong việc *bé ngoan*; *mai* là sự vật làm chủ trong việc *mai tốt*. Vậy *chim*, *bé*, *mai* dùng làm chủ từ. *Bay* là tiếng dùng để nói chủ từ *chim* làm gì; *ngoan* dùng để nói chủ từ *bé* thế nào; *tốt* dùng để nói chủ từ *mai* là gì; vậy *bay*, *ngoan*, *tốt* dùng làm thuật từ.

Trên chúng tôi đã nói *chim*, *bé*, *mai*, *tốt* là thề từ, và *bay*, *ngoan* là trạng từ; vậy *chim*, *bé*, *mai* là thề từ dùng làm chủ

(10) Trong ngôn ngữ của ta, muốn biết một tiếng theo từ tính là thề từ hay trạng từ, phải đặt tiếng ấy vào một câu mới có thể định từ loại được. Tí dụ, ta nói:

Anh Giáp lấy *cước* ra *cước* vườn.
tiếng *cước* trên chỉ đồ vật, là thề từ, tiếng *cước* dưới chỉ anh Giáp làm việc gì, là trạng từ. Ta chỉ có thể phân biệt như vậy khi nào ta biết đích xác nghĩa hai tiếng *cước*, mà muốn biết rõ tiếng *cước* là thề từ hay trạng từ, phải đặt trong một câu. Tiếng *cước* đứng một mình, không đặt trong một câu, thì không thể vó đoán mà cho nó là thề từ hay trạng từ được.

Nói như vậy, tức là chúng tôi chủ trương ngôn ngữ của ta không có quan niệm tiếng biến tính như trong ngôn ngữ Pháp có tiếng *nom* biến ra *adjectif*, hay tiếng *verbe* biến thành *nom*, v.v...

từ, *tốt* là thề từ dùng làm thuật từ, và *bay*, *ngoan* là trạng từ dùng làm thuật từ.

Đáng lẽ nói: « *Chim bay*. » ta nói:

(D) Hai con chim non đang bay là-là ngoài sân.

thì chủ từ không phải là một tiếng *chim*, nhưng là cả tổ hợp hai con chim non. Hai con chim non làm gì? — đang bay là-là ngoài sân. Vậy thuật từ không phải là một tiếng *bay*, mà gồm cả tổ hợp đang bay là-là ngoài sân. So sánh hai câu A và D ta thấy rằng trong tổ hợp hai con chim non, tiếng *chim* là tiếng chính; trong tổ hợp đang bay là-là ngoài sân tiếng *bay* là tiếng chính, còn những tiếng khác đều là tiếng phụ cả. Ta lại nhận thấy tiếng phụ có tiếng đứng trước tiếng chính, có tiếng đứng sau. Theo ngữ pháp của ta, tiếng phụ đứng trước hay đứng sau tiếng chính, là có chức vụ khác. Tiếng đứng trước, chúng tôi gọi là hạn từ; tiếng đứng sau chúng tôi gọi là túc từ:

hạn từ	tiếng chính	túc từ
hai, con đang	chim bay	non là-là, ngoài sân.

Con hạn chế nghĩa khái quát của *chim*, hai hạn chế nghĩa tiếng *chim* về lượng, đang hạn định nghĩa tiếng *bay* về thời gian. Trái lại *non* thêm nghĩa cho *chim*, là-là và ngoài sân thêm nghĩa cho *bay*.

Chủ đề là tiếng đặt lên đầu câu, dùng làm đầu đề câu nói. Tí dụ ta nói:

(A) Ai để gói thuốc lá đây?
thì chủ từ là *ai*, thuật từ là để gói thuốc lá đây. Nhưng ta nói:

(B) Gói thuốc lá, ai để đây?
thì chủ từ vẫn là *ai*, thuật từ là để đây; còn gói thuốc lá chúng tôi gọi là chủ đề, chứ không coi là túc từ đảo trí.

(còn tiếp)

NGUYỄN-HIỆN-LÊ và TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH

thác mắC

Có « tín » mới « thành »

Xây dựng là chúng ta gặp khó khăn.

Ai cũng công nhận như vậy. — Song nguyên nhân từ đâu?

Có người cho nguyên nhân chính là tại người Việt chúng ta hay nghi ngờ lẫn nhau, thậm chí coi sự tin nhau là điều ngu ngốc.

Nhưng tại sao chúng ta nghi ngờ lẫn nhau?

Phải chăng bởi tại chúng ta đã lừa gạt nhau quá nhiều và chính chúng ta đã tự tay gieo rắc cái mầm của mọi sự nghi ngờ là sự dối trá.

Nhưng tại sao chúng ta dối trá?

Phải chăng bởi tại chúng ta muốn che đậy cái dã tâm tạo lập hay duy trì quyền lợi riêng, nhiều khi bất chính của chúng ta bằng mọi cách, nhất là bằng những cái mà thường được mệnh danh là « thủ đoạn ».

Bởi chúng ta ích kỷ nên chúng ta dối trá; bởi chúng ta dối trá nên chúng ta nghi ngờ; bởi chúng ta nghi ngờ nên chúng ta không thể xây dựng gì được.

Cổ nhân có nói : « Tín dĩ thành chi » có « tín » thì mới « thành tựu », mà sở dĩ « thành tựu » được là nhờ « tín » vậy.

— ÁN TỬ HÌNH —

- MỘT CUỘC TRANH LUẬN KÉO DÀI NGÓT
NGÀN NĂM ĐÃ SÁP KẾT LIỀU CHƯA ?

PHAN-VĂN-THIỆT

(Xin coi Bách-Khoa từ số 54)

Người ta có quyền xử tử hay không ?

Một hình phạt không ngăn cản được tội ác và không cần thiết cho sự an ninh có một tên riêng, ấy là một sự « trả thù ». Sự muốn khó dần, dùng máu mà rửa máu ăn sâu vào trí não con người, và mỗi khi có sự bất bình thì lại bùng bột lên. Vì vậy mà ở các cửa phòng xử tòa đại hình (nhất là ở các nước da trắng) thường nghe công chúng la : « hãy xử tử, hãy xử tử ! »

Công lý chỉ biểu diễn tình cảm tảo bạo ấy, một di sản của luật « mắt với mắt, răng với răng ». Sự xử tử phải bù lại sự sát nhân đã phạm.

Ấy là sự áp dụng trể nài của thuyết hân vệ chính đáng. Anh Obrecht, phụ tá cho ông Deibler (Vệ Phược của nước Pháp), cậy mai nói con gái một vị nghiệp chủ kia làm vợ. Vị nghiệp chủ ấy từ nan, viện lẽ ông chống với thuyết xử tử

cho nên không thể có một chàng rể giám sát bao giờ. Anh Obrecht viết cho ông ấy một bức thư, có những hàng như sau đây :

« Ông chống với án tử hình cho nên « ông không thể gả con gái cho một viên « giám sát chăng ?

« Việc ấy chỉ là một quan điểm mà « thôi. Nếu, nói ví dụ, bữa kia khi về « nhà, ông thấy vợ ông bị sát hại, con « gái ông bị vạ cồ và đứa sát nhân « còn ở trong nhà ông, ông sẽ làm sao ? « Nếu ông có một cây súng lục trong « túi, tôi xin hỏi : ông sẽ bắn nó hay không ? »

Nhưng, nhân cuộc điều tra to tát của báo Le Figaro hồi năm 1953, một vị độc giả đã trả lời về quyền xử tử ấy bằng lời lẽ hết sức nhân đạo :

« Mới đây, tôi đau đớn mất một « người chí thiết bị một tên trộm giết

« một cách tàn nhẫn. Đứa sát nhân đã bị
 « bắt và sắp đem ra xử. Thực thì tội ác
 « của nó quả là không có tình trạng giảm
 « khinh chi cả. Tuy nhiên, nếu tôi là
 « một trong những phụ thẩm nhân dân,
 « tôi sẽ không xử tử nó. Vì lý do gì ?
 « Lương tâm tôi phản kháng luật trả thù.
 « Tất cả « tin lành » hình như đánh đổ sự
 « trả thù ghê gớm ấy, trong đó người ta
 « thay vào Chúa để xử đoán một cách
 « không tha thứ ».

Bây giờ, chúng ta hãy xây qua các vị
 thần học và các nhà luân lý mà hỏi :

— Xã hội có quyền giết hay không ?

Linh mục Tesson, giáo sư Luân lý thực
 hành tại đại học đường Paris đáp :

— Xã hội có quyền bình vực tài sản
 chung và xử tử kẻ nào làm hại đến trật tự
 xã hội một cách nặng nề.

Nhưng ông lại nói thêm : « không có
 cái chi trong giáo thuyết của đạo Thiên
 Chúa chống lại với sự bãi bỏ hình phạt
 ấy. Nếu nhờ sự tiến triển ý tưởng và
 những kỹ thuật tâm lý, sự bình vực xã hội
 có thể bảo đảm bởi những biện pháp nhân
 đạo hơn thì Đạo của tôi sẽ trước hết lấy
 làm mừng rỡ đón tiếp... »

Mục sư Tân giáo Marc Boegner đáp :

— Chỉ có Chúa là làm chủ sự sống của
 chúng ta, Xã hội không có quyền thay
 Chúa để quyết định — bởi sự trung gian
 của một tòa đại hình — chấm dứt sự sống
 ấy.

Vị giáo sĩ Do thái Jakob Kaplan đáp :

— Tính cách chánh đáng của án tử
 hình là liên hệ với sự công hiệu của nó.
 Nhưng, chiếu theo những bản thống kê của
 các nước đã bãi bỏ án tử hình thì số sát

nhân không có gia tăng. Vậy thì còn duy
 trì tử hình làm chi nữa ? Tốt hơn là bãi
 bỏ nó đi để tránh sự nguy hiểm ghê gớm
 có thể xử lầm một người vô tội. Lại nữa,
 kẻ phạm tội có thể cải quá, diêm này rất
 là quan trọng về mặt tôn giáo và luân lý.

Như thế, Công lý còn lý do gì để tranh
 biện nữa không ? Hình như chỉ còn một
 lý do chốt là : tình cảm, hết sức là dân
 chủ, biểu diễn ý muốn của công chúng khi
 đưa một người lên đoạn đầu đài.

Nhưng văn sĩ Albert Camus cãi lại một
 cách rất đúng đắn rằng : theo định nghĩa,
 pháp luật không thể vâng theo những thể lệ
 của tạo hóa. Nếu sự sát nhân ở trong tính
 tự nhiên của người thì pháp luật không thể
 lập ra để nhái hay biểu diễn tính tự nhiên
 ấy. Pháp luật phải có nhiệm vụ sửa đổi
 tính tự nhiên ấy.

Sự ngộ phán

Bãi bỏ án tử hình để tránh sự xử tử lầm
 một người vô tội lý do này có thể kể
 là một trong những lý do quyết liệt của
 phái bãi bỏ. Một khi xử tử lầm một
 người vô tội, làm thế nào để bồi bổ lại sự
 sai lầm ấy ?

Trong lịch sử tư pháp nước Pháp có
 biết bao nhiêu trường hợp sai lầm đáng
 tiếc như vậy ? Trong vụ « chiếc xe thơ
 đi Lyon » có diễn trên màn bạc, chỉ vì
 giống với một đầu đảng bọn cướp mà một
 người lương thiện đã phải chết oan trên
 đoạn đầu đài.

Cũng trong thế kỷ 19 ấy, có vụ người
 bất hạnh hàm oan Baragnon, bị chặt đầu
 năm 1809 mặc dù luôn luôn anh vẫn không
 hề chịu tội. Một buổi chiều năm ấy, anh
 ta đi bộ đưa một người bạn về nhà, bạn

anh tên Monteil. Khi anh vừa từ già người bạn trong một con đường hẻm tối tăm thì một tên bợm vẫn theo rình Monteil đã lâu, từ trong bóng tối nhảy ra đâm anh nãy để đoạt của. Nạn nhân la lên bằng thứ tiếng địa phương thông dụng ở miền nam nước Pháp : « *Baragnon, me tuavu* ». Tất cả những người bằng cận đều mở cửa sổ ra xem. Khi nghe bạn mình la lên như vậy thì anh Baragnon — đã đi được vài mươi bước — lập tức quay trở lại để cứu bạn. Người ta bắt anh, cho rằng anh là kẻ sát nhân. Anh bị xử tử. Người ta xử như thế là vì dựa vào tiếng la nói trên của nạn nhân, vì câu « *Baragnon, me tuavu* » vừa có nghĩa « Baragnon giết tôi » vừa có nghĩa « Baragnon, người ta giết tôi ».

Mười năm sau, một kẻ kia sắp lìa trần, sám hối với một vị cố đạo rằng chính mình là kẻ sát nhân của lão Monteil. Chính ông Biện lý thu nhận lời trối của tên sát nhân ấy. Và nhờ sáng kiến của ông mà Baragnon được phục quyền và, nghĩ chỗ hàm oan của anh nầy, đô thị Toulouse lấy tên anh mà đặt cho con đường nơi đã xảy ra tấn thảm kịch ấy.

Bên Anh, hồi năm 1950, người ta có treo cổ anh Timothy Evans về tội giết vợ. Ba năm sau, tên Christie, người bằng cận của Evans, thú nhận giết sáu người trong số ấy có bà Evans. Té ra lão Evans đã bị xử tử một cách rất oan ức !

Bên Hoa-Kỳ, mới đây, có anh tài xế xe cam-nhông tên Paul Pfeffer bị Tòa xử tử về tội cố sát một tên thủy thủ. Cùng trong ngày xử, sở Cảnh-sát có bắt một tên Francis Roche, anh nầy thú nhận nhiều cuộc sát nhân và chịu rằng đã lỡ tay đánh chết tên thủy thủ. Dùng máy tìm sự nói

đối đối với anh ta thì máy chứng minh rằng anh nói đúng sự thực.

Trên đây là nói chuyện ở xứ người, còn ở xứ mình, đã có xảy ra sự xử tử oan hay không ? Hẳn không thể nào không có được và tôi nhớ như ngày hôm qua câu chuyện sau đây mà ông cố đạo Tricoire tuyên úy Khám Lớn Saigon đã thuật cho chúng tôi — một nhóm nhỏ tù chánh trị — nghe hồi năm 1941 tại nơi ấy.

Nhân đi dự một cuộc hành hình tội nhân bị xử tử bên góc khám (góc đường Lê-Lợi và De Lattre de Tassigny bây giờ), khi xong rồi, cha Tricoire đến thăm phòng nhốt tù chánh trị (chỉ có 6,7 người chi đó), cha vui miệng mới thuật lại cho chúng tôi nghe. Bữa ấy, chém hai người cùng một vụ. Sau khi chém người thứ nhất rồi, cha mới hỏi người thứ nhì xem có chịu cho cha làm lễ rửa tội để ra mắt Chúa hay chẳng ? Thì tên tội tử hình nầy, với một vẻ mặt hết sức đau thương, hỏi Cha :

— Thưa Cha, Chúa có công bình không ?

— Dĩ nhiên Chúa là đấng công bình một cách tuyệt đối.

— Thưa Cha, trước kia tôi cũng tin như vậy và tôi tin như vậy đến phút trước phút cuối cùng. Nếu Chúa quả thực là công bình thì Chúa không hề khi nào nỡ để cho tôi chết một cách vô cùng oan ức như vậy. Thằng kia (chỉ người tội tử hình vừa bị chém) nó có cướp của giết người, chết đã đành, chí như tôi không hề nhúng tay vào vụ ấy, hoàn toàn vô can, và vô tội, tại sao cũng chết ? Trước kia, khi bị tòa xử tử, tôi vẫn lạc quan,

nghĩ thế nào rồi Trời công bình vô tư cũng xét thấy rõ chỗ oan của tôi mà khiến cho tôi được ân xá. Tôi hy vọng cho đến ngày hôm qua, nói cho đúng hơn cho đến năm giờ sáng hôm nay, Chúa đã không công bình, tôi không tin Chúa !

Cha Tricoire nói tiếp : « Thế là hai phút sau, kẻ bất hạnh kia đã thành người thiên cồ ! Chuyện ấy thực hay không thực, tôi không hề quả quyết, chỉ biết rằng mấy lời của tên tội tử hình ấy nói làm cho cả bọn chúng tôi hết sức là cảm kích, nhất là ông Biện-ly Bouin. Trên con đường về, chúng tôi nín lặng, không ai nói một lời gì và mặc dù lúc bình minh, khí trời còn mát mẻ mà tôi thấy ông Biện lý rút khăn tay ra lau mồ hôi âm ỷ trên trán ông ! »

Đành rằng Công Lý nhân tạo tuy không toàn thiện toàn mỹ nhưng cũng còn khá hơn sự độc tài độc đoán, nhưng sự bất toàn thiện toàn mỹ ấy, có thể chịu được đối với những hình phạt thường, chứ với tử hình thì làm sao mà dung túng cho được ?

Tâm phân học lại xen vào...

Một bác sĩ Pháp kiêm giám định viên tại tòa án, ông Robert Micoud có nhiều ý kiến sôi nổi về tính gây tội ác của bị cáo nhân. Theo ông thì kẻ nào giết một người đồng loại mình tức là đã làm một việc do bệnh hoạn sai khiến. Đành rằng kẻ ấy thường không phải là người điên như bộ Luật hình đã nói nhưng người ta không thể cho y hoàn toàn trách cứ được. Y bị thúc đẩy bởi một lực lượng vô hình làm tràn ngập trí não và ý chí của y đi.

Một bữa nọ, một vị thẩm lý nói giữa phiên xử đại hình : « Chúng tôi không cần biết tại sao bị cáo nhân này đã giết người ? »

Câu nói ấy làm cho bác sĩ Micoud giật nảy mình, trả lời với một giọng chậm rãi :

— Đề bảo vệ cho xã hội, không phải chỉ chặt đầu kẻ phạm tội là đã đủ. Phải moi móc cho ra, phải quật lên cái lý do sâu xa, có thể vô tình nào đã xui giục bị cáo nhân làm một việc phản xã hội như vậy. Luôn luôn, người ta cho rằng kẻ can phạm vì lợi mà gây nên tội ác, nhưng, nếu xét kỹ, người ta thấy rằng thường thường lợi ấy rất nhỏ nhen. Vậy thì phải có cái gì khác hơn cái lợi chứ ? Đó là nhiệm vụ phải trả lời của bác sĩ giám định chuyên môn bệnh thần kinh.

Bác sĩ Micoud tin rằng đại đa số tội nhân, lúc thơ ấu, đều có bị chạm thần kinh hệ. Một người cha đánh đập con mình và cứ lặp đi lặp lại « mày là một thằng vô dụng về sau cũng phải ngồi tù » đã xâm phạm một cách trắng trợn những luật lệ sơ yếu nhất của tâm lý học. Ấy chẳng khác gì y đã gieo mầm giống bất lương vào đầu óc của đứa con mình vậy.

Nếu kẻ can phạm không hoàn toàn bị trách cứ thì y cũng không hoàn toàn hư bỏ, vô phương cứu vãn đâu ! Do đó, bác sĩ Micoud là một người chống hẳn án tử hình mà ông không nhận sự « làm gương » chút nào.



Nếu máy chém, ghế điện và trụ treo cổ không chặn bàn tay của kẻ sát nhân lại được, nếu cái chết của người can phạm không hữu ích gì cho sự an ninh của chúng

ta, nếu khám đường vừa có thể cho phép chúng ta cải chính chỗ sai lầm của một ngộ phán vừa có thể cho phép chúng ta cảm hóa một đứa bạo tàn quái gở, xin hỏi : còn ích lợi chi mà duy trì án tử hình thêm nữa ?

Án tử hình chỉ là một sự trả thù mà các nhà luân lý học và thần học đều phản kháng. Và lại, điều chúng ta đáng để ý là những người bên vực án tử hình luôn luôn tìm một lý do này hay một lý do khác để không cho công bố tên mình trên báo chí.

Duy nhất trong hàng đại gia văn sĩ, ông Jules Romains, trong nhật báo L'Aurore, đã đứng ra bên vực án tử hình. Chống lại với ông, có vô số những luật sư trứ danh, những lương y tên tuổi, những ký giả lỗi lạc đã không ngần ngại gì mà đánh đổ các lý thuyết của ông.

Trong số văn sĩ hữu danh công khai chống lại chế độ án tử hình, chúng tôi xin kể đại (không lựa chọn) một số ít như sau đây : Antoine Blondin, Louis Ferdinand Céline, Béatrix Beck, Georges Duhamel, Thierry Maulnier, Marcel Jouhandeau, François Mauriac, Jean Schlumberger, Louis Pauwels, Jean Paulhan, Jean Cocteau, vân vân...

Tất cả đều có thể kết luận cùng với văn sĩ giải thưởng Nobel, Albert Camus như vậy :

« Trong quả tim của con người cũng như trong phong tục của xã hội, không thể có cuộc hòa bình bền vững được nếu sự chết không bị đưa ra ngoài vòng pháp luật. »

PHAN-VĂN-THIỆT

✧ Một mình trông, không bằng cùng trông với nhiều người, sáng hơn ; một mình nghe, không bằng cùng nghe với nhiều người, suốt hơn (Hàn-thi ngoại truyện).

Quý người quý, tôn người hiền

Ông Thuấn thượng kiến vua Nghiêu. Vua Nghiêu mến ông Thuấn, gả công chúa cho ông và đưa ông về ở cung thất thứ hai là cung thất dành riêng cho vị phò mã. Rồi từ đấy hai bên đi lại thăm viếng nhau, cùng lấy lễ tân chủ mà đãi nhau. Đó là thiên-tử kết bạn với thất phu vậy.

Dưới kinh trên, đó gọi là quý người quý ; trên kinh dưới, đó gọi là tôn người hiền, quý người quý, tôn người hiền, hai cảnh tuy có khác nhau, nhưng nghĩa chỉ là một.

MẠNH-TỬ

PHÙNG-KHẮC-KHOAN

TỨ C

Trạng Bùng

(THỂ KÝ THỨ XVII)

Dương - Tuyên dã - phu
PHAN-VONG-HÚC

(Xin xem Bách-Khoa từ số 53)

ÔNG Phùng-Khắc-Khoan giúp việc quân cơ quốc-chánh về việc văn thư, được thăng đến chức Công-bộ Tả Thị Lang.

Năm 1591 Tân-mão, quân nhà Lê diệt được họ Mạc, bắt sống được vua Mạc-Mậu-Hợp trong một ngôi chùa hạt Phượng-nhơn (nay thuộc Chí-linh) đem về giết đi, em Mạc-Kính-Điền là Mạc-Kính-Chỉ đang đóng quân ở vùng Đông Triều được tin Mậu-Hợp bị giết, bèn đem quân về phủ Nam-sách (Thành-lâm) tự xưng làm vua, chiêu mộ quân sĩ, thanh thế đã to, có em Mạc-Mậu-Hợp là Mạc-Toàn cũng theo về giúp, chẳng bao lâu bị quân nhà Lê đánh tan, và Kính-Chỉ cũng bị bắt, nhà Mạc mất ngôi từ đây.

Năm Bính-thân 1596, vua Lê sai hoàng thân Lê-Cạnh, Lê-Lựu, cùng Công-Bộ Tả-thị-lang Phùng-Khắc-Khoan dẫn mười người kỳ mục, và đem quốc thú,

phương vật sang Tàu giao thiệp với nhà Minh, yêu sách nhà Minh công nhận Lê để làm Vua lãnh đạo nền độc lập nước Nam, lại trả cả quả ấn An-nam Đô-thống-sứ của nhà Minh phong cho Đăng-Dung ngày trước. Nhà Minh yêu sách nhiều điều, bắt vua Lê phải thân sang hội tại cửa Nam-quan, vua Lê-Thế-Tôn sai tướng Hoàng-Đình-Ái đem một vạn quân đi hộ giá, nhưng quan nhà Minh không chịu đến hội, vua Lê lại trở về.

Nguyên năm 1527 khi họ Mạc cướp ngôi, đã hàng phục và chịu tước phong An-nam Đô-thống-sứ của nhà Minh, coi như một chức quan địa phương của Tàu, chịu nộp cống khoản và chịu mất nhiều quyền lợi, nên nhà Minh đối việc vua Lê phục quốc này :

- không nỡ diệt nhà Mạc,
- phải trả độc lập nước Nam,
- mất nhiều quyền lợi.

Bởi thế, nên ý nhà Minh muốn nhân cơ hội chia đôi nước Nam, phong cho cả hai họ Lê, Mạc, và vẫn chịu quyền thống trị của mình.

Việc bang giao không kết quả, tháng tư năm 1598 Mậu - tý, nhà Minh lại sai sứ sang mời vua Lê lên hội ở Nam-quan, lần này quan Thái-úy Hoàng-Đình-Ái đem 5 vạn quân đi hộ giá, Vua Lê phó hội, khi hồi loan, sắc cho ông Phùng-Khắc-Khoan làm Chánh-Sứ, quan Thái-thường Tự-khanh Nguyễn-Nhân - Thiêm làm phó, sang tận Yên-Kinh để giao thiệp với Minh-triều, ông Khoan là nhà ngoại giao giỏi, học thức uyên thâm kim cồ, có tài biện bác. Thấy nhà Minh đã công nhận vua Lê nhưng chỉ phong cho tước Đô-thống-sứ, ông Khoan không nhận sắc phong, dâng thư kháng nghị tâu rằng : « Vua Lê là dòng dõi vua Lê-Thái-Tổ, vì quốc nạn, nay đứng lên dựng lại nền Độc-lập cho nước, lý phải phong vương, còn chức An - Nam Đô-thống-sứ là quan chức phong cho họ Mạc, và yêu sách Minh-triều phải để cho nước Nam độc lập vua Lê chính vương vị, để lãnh đạo nước Nam. Nước Nam vốn do Thiên-Thư đã định, cương thổ rành rành, trải mấy ngàn năm văn hiến, qua những triều đại Thục, Triệu, Trưng, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê ; nước nhỏ tôn kính nước lớn là thuận thiên mệnh, ngày trước có những việc binh qua, thời xưa đã có các vị anh hùng như Lý-Thường-Kiệt, Trần-Quốc-Tuấn và Lê-Thái-Tổ, nếu nay sự bang giao gián đoạn, thời bình loạn sau này không biết bao giờ yên nghỉ, mà cũng không phải là hạnh phúc cho bình dân, hai nước »..... Vua tôi

nhà Minh hội nghị mãi, sau phải trả hẳn nền độc lập cho nước Nam, do vua Lê lãnh đạo, còn sắc phong Vương thời hứa kỳ hội sứ sau sẽ sách phong. Nhưng thương tình họ Mạc thời để cho một đất nhỏ ở Cao-Bằng để phụng thờ tiên tổ, cho hợp tình kẻ, tuyệt hợp đạo cồ nhân, việc phong sứ lần này ông Phùng-Khắc-Khoan đã thắng lợi lắm.

Sau khi bang giao đã ổn định, ông Khoan hết sức giúp giáp chỉnh đốn công việc hành chính, xã hội, văn học, làm cho nước Nam có kỷ cương như cũ.

Ông Phùng-Khắc-Khoan lại tâu xin vua Lê để nhớ ơn những quân, dân, đã tử nạn trong khi dẹp loạn an dân, nên ông đã phong mệnh cho truy tặng các công thần, và tướng sĩ tử trận, giúp đỡ cho con cháu các vị ấy. Ông lại cho lập một ngôi chùa rất lớn ở địa phận làng Mỹ-Trạch, tổng Bình-an, phủ Bình-giang, tỉnh Hải-dương, là nơi trung độ ở miền Đông, để thờ Phật và phối hưởng nhớ công lao của các binh dân trận vong, mua 40 mẫu ruộng làm tự điền, hàng năm cúng tế, dựng tượng đá, bia đá, bia này ông đứng soạn văn bia và cùng các công hầu là Nguyễn-Hữu-Liêu, Hoàng-Đình-Ái, ghi chức tước tính danh đứng hưng công. Chùa này nghiêm nhiên thành một đài kỷ niệm và danh lam, nên miền Hải - dương có câu phong dao rằng : « Ai ơi nên đến xứ Đông ; Xem chùa làng Mỹ, xem tông làng Chằm » (Mỹ là Mỹ-trạch chùa kỷ niệm, Chằm là làng Mộ-trạch nhiều tiền sĩ, dân làng này có 4 Trạng nguyên, nhiều tiền sĩ, họ Vũ và họ Lê phát đạt lắm). Vật đời sao đời, trải bao

binh biến, thiên tai, tự khi Nguyễn-triều về sau, không lưu tâm tu sửa, nên chùa bị đồ nát, chỉ thu hẹp lại một ngôi chùa rất nhỏ, tượng gãy, bia vỡ, trơ giữa tà dương, hồi 1938, khi tôi về coi công vụ hạt Bình-giang, nhân có việc qua nơi chùa này, giữa cánh đồng lúa xanh gió lướt, thấy cảnh như vậy, nên đã bàn với kỳ hào chức dịch làng Mỹ-trạch lưu tâm bảo cồ, thời năm 1939 Kỷ-Mão, dân làng đã dời tượng Phật và bia về ngôi chùa mới cất ở trong dân cư làng này (gần đình). Còn sở ruộng tự điền thời đã do hành chính địa phương dùng làm ruộng văn từ hàng huyện đã lâu rồi.

Ông Phùng-Khắc-Khoan vốn biết cha, con họ Trịnh lộng quyền, thiện hành phế lập, đề chuyên chính, xong đứng trước quốc nạn, ông đã trọn cái hại nhỏ mà lợi to, và gắng sức làm cho trọn nghĩa lớn, và lấy lại nền độc lập cho đất nước ở tay nhà Minh, đề cứu dân ra khỏi nước sôi nhà nóng, còn như xã tắc và ngôi vua là truyện sau, nhưng cũng vì cái khí tiết của ông, nên có đôi khi vì trung trực mà thõ lộ ra lời nói hay việc làm, và cũng vì bọn gian nịnh bắt tài gièm pha, khiến cho chúa Trịnh đề ý.

Năm Nhâm-Thân, niên hiệu Hồng-phúc, vua Lê-Anh-Tôn yết tế giao, vua dâng lô hương cầu trời xong, lô hương tự nhiên lăn xuống đất, bèn cải nguyên là Hồng-phúc, đến tháng mười năm ấy, Vua thấy chúa Trịnh uy quyền thái trọng, và ý thể hống hách, vua lấy làm lo, tháng mười năm ấy, bèn mưu với Lê-Cập-Đệ đề trừ họ Trịnh, chúa

Trịnh giả như không biết, cùng luôn luôn ban thưởng cho Đệ nhiều vàng, Đệ đến phủ chúa bái tạ, bị Tùng cho phục đao phủ ở bên màn giết chết. Đình-Ngạn mật tâu vua rằng chúa Trịnh uy quyền rất lớn khó mà tính lập, nên vua sợ hãi, đương đêm đem bốn hoàng tử là Bách, Lưu, Ngạnh, Tùng, trốn vào Nghệ-an. Tùng cho lập hoàng-tử thứ năm là Duy-Đàm mới bảy tuổi lên làm vua, hiệu là Thế-Tôn. Tùng lại sai Nguyễn-hữu-Liêu đuổi theo vua Anh-Tôn, thấy vua ở trong vườn dưa: Liêu dùng bốn con voi đưa vua về đến làng Đô-xá, huyện Nông-cống, thì sai Đức-Vị đến giết vua, rồi sai thân binh là bọn Sơn, Cầm, 12 người đưa di hài Vua về táng ở gần làng Hoa-trung (Thanh-hóa) đây là nhắc lại một việc lớn trong các việc bạo lộng của chúa Trịnh tự khi chưa bình hãn họ Mạc.

Khi ông Phùng-Khắc-Khoan sang Tàu, nhân giao thiệp về truyện văn chương, nên có thân giao với một nhà Khoa-giáp bộ Lễ kiêm quốc-sử-giám nhà Minh, vị quan ấy bảo với ông Khoan rằng: « Tôi xem tướng và tài của ông, tuy có thanh danh, nhưng sau ắt bị nạn » vì ban văn chương trượng thức, hứa sau này đến việc sẽ lưu ý cứu cho và biên cho hai chữ lại cắt nghĩa cho nghe, dặn rằng sau này cứ y thể mà trả lời là được.

Khi ông Phùng - Khắc - Khoan danh thành thân phải đầy lên Mai-châu, thì bên nhà Minh cho Sứ-bộ sang đưa quốc thư cho triều đình nhà Hậu-Lê, trong Sắc-thư có hai chữ « Thanh Thúy », vua Lê chúa Trịnh cho họp các quan Triều đề hỏi, không ai biết nghĩa hai

chữ ấy là thế nào, ý thế nào, đình nghị mãi không xong, chúa Trịnh phải tâu vua cho chiếu chỉ đi đón ông Khoan về đề hỏi, khi sứ giả đến nơi tuyên đọc ý chỉ, ông Khoan làm lễ phụng chỉ xong, lúc sắp lên đường về Kinh-đô, ông có ngâm một bài thơ nôm cảm tác như sau :

Hành ta thời phải kiện ta.

Tưởng rằng mùi húng lại là mùi tỏi,

Vì dấm cho húng phải lui

Xương sông, lá lốt, có mùi gì đâu.

Khi ông về tới kinh, vào bái kiến vua Lê và ra mắt chúa Trịnh, rồi nội các vâng chỉ đưa bản quốc-thư của Minh-triều cho ông xem, và truyền chỉ tiếp kiến sứ bộ đề giải thích ý nghĩa hai chữ Thanh Thúy, ông vốn biết đây chỉ là cái mưu ở bên Minh cứu mình ra khỏi tai nạn, vì cái nghĩa của hai chữ ấy người bạn của ông đã nói cho ông nghe khi đi sứ ở triều Minh trước kia. Vua Lê vốn vẫn có lòng quyền chú, nên ban lệnh cho chúa Trịnh lượng tình xét công mà tha tội cho ông, trả ông quan trước cũ, cho ông được giúp việc vào bộ Lễ.

Vua ra ngự triều, chúa Trịnh, các quan Thượng-thư đại thần, nội các và ông Khoan có đến dự đề cùng sứ bộ nhà Minh hội họp, ông gặp quan sứ nhà Minh lại là người bạn văn chương ở Minh-triều khi trước, lòng những mừng vui, hai bên tỏ ra rất thân thiện, rồi ông tâu vua rằng : hai chữ Thanh Thúy là ý Minh-triều báo bên An-nam nên hội tiểu ở biên giới, và ngày tháng chạp phải có quân đội án ngữ biên giới, đề diệt trừ thổ phi quấy nhiễu biên cương, vì binh cơ thân mật không thể tiết lộ phòng khi điệp văn sứ bộ đem đi

đường bị giặc biết chăng, hoặc cần phải giữ kín ngay tại Minh-triều đề phòng gián điệp. Nghĩa chữ Thanh là thập nhị nguyệt; chữ Thúy là xuất tốt. Nam triều theo như thế mà y ước với sứ bộ nhà Minh, đề xuất binh ra biên cương hội tiểu, việc bang giao nhờ ông mà được giao hảo hơn trước. Và ông Khoan từ đây lại được trọng dụng.

Những văn chương của ông rất hay và có khí phách một bậc tể thế, xin trích mấy bài như sau :

Cửu hạn vọng vũ thi

Nhất nguyệt toàn vô nhất thối âm

Hạn phùng cam vũ vọng di thâm

Hành vân vị thức lồi công thủ.

Đất ẩm hàm kỳ thiên hạ tâm.

Săn dã canh phu kỳ tế bạn

Phó nham trúc tầu vọng vi lâm

Ngọa long chỉ vị xương sinh khởi

Khẳng khởi Nam-đương báo tất ngâm.

dịch :

Thơ đại hạn lâu mong mưa

Tháng tròn chẳng chút mây đen,

Nắng lâu dân đợi được phen mưa rào.

Lôi công chưa gặp mây cao,

Khát lâu dân những ước ao đêm ngày.

Canh Săn, Y-doãn hết cày.

*Non Nham Phó-duyet sao hay đắp
tường*

Nghĩ dân cơ cực càng thương

*Ngọa-long sao nỡ Nam-đường ngâm
nga.*

(Dương-Tuyền đã phụ)



Vọng vũ ký đặc thi

Thiên thời nhân sự lưỡng tương tham,
Cửu hạn hân phùng báii vũ cam.
Lực khước hành vân tam trượng thoát
Tây thi ơn đức vạn phương đàm
Hữu vân long phấn thiên môn cửu
Đặc vũ ngự đẳng vũ cấp tam
Dục thức quản sinh như thử lạc
Tu ngôn thánh đức đẳng bao hàm

dịch :

Thơ mong mãi nay đã mưa
Thiên thời, nhân sự hòa hai,
Nắng lâu mưa xuống ai ai chẳng mừng.
Mây đầy ba trượng chút xong.
Muôn dân đội đức hóa công thấm
Cửa trời rộng lượn chín tầng.
Vũ-môn cá vượt ba lần lên cao.
Muốn hay trăm họ mừng sao,
Hãy ban khánh đức đôi dào bốn
phương.

(Dương-Tuyền đã phụ)



Tự thuật

Nhĩ mục thông minh nam tử thân,
Định tri nho sự bất trường bần.
Truyền gia vị dẫn thi thư mạch
Vi học thường kỳ trung hiếu nhân.
Phi thị thể gian, Kim-ngục-thốc.
Đã ưng thiên thượng, thạch kỳ lân.
Trượng phu khởi dĩ cùng đạt luận.
Cửu khước ưng tri tất đạt thân.

dịch :

Làm trai tại mắt ở đời,
Lo chi nghèo khó, vốn nời nho gia.

Thi, thư, vốn sẵn nếp nhà,
Hiếu trung trọn vẹn mới ra con người,
Nếu không long, phượng, ở đời,
Cũng là giống quý trên trời kỳ lân,
Trượng-phu há kè khước, thân,
Bĩ lâu rồi hẳn đến tuần thái lai.
(Dương-Tuyền đã-phụ)



Hạ phục thân thất thập thọ

Lục thập niên cường, thất thập giao,
Lãng lãng đạo đức ngưỡng di cao.
Kiêm tam thiên hạ đạt, tôn, lão,
Đệ nhất qua lưu quán thế hào,
Vy-thủy diệu hoành kỳ Thượng-phụ
Ngu-đình chưng đức mại Cao dao.
Cồ lai tích thiện thiện kỳ phục
Hà tất giao trì túy bích đào.

dịch :

Mừng phụ-thân thọ 70 tuổi

Sáu mươi chúc thọ ngày nào,
Bảy mươi tiệc thọ xiết bao vui vầy.
Ngửa trông đạo cả, đức đầy,
Mừng nào sánh được mừng này cho cân.
Tuổi trời lại có quân ân.
Đạt, tên, gồm đủ mười phân vẹn mười.
Thanh danh đệ nhất với đời,
Ai ai cũng mến, người người suy tôn,
Ngọc-Hoành câu chốn nước non,
Vy-giang thượng phụ tiếng còn đến nay.
Đức đầy gặp hội rồng mây.
Đường-triều cao sĩ tỏ bày sử xanh,
Làm lành trời tựa phúc lành
Động tiên đâu phải lên tranh bích đào.
(Dương-Tuyền đã-phụ)

Sau khi được triệu về kinh đô phục chức, ít lâu sau ông cáo hưu lui về quê nhà, nhân du và dạy học. Ông Phùng-Khắc-Khoan thọ 70 tuổi và mất tại quê nhà tại làng Phùng-xá.

Ông làm đến chức Hộ-Bộ Thượng-Thư kiêm Quốc-Tử-Giám-Tể-Tửu, tước Mai-Quận-Công, tặng Thái-Tề, khi chết được phong Phúc-Thần. Dân làng Phùng-xá có thờ ông ở đình, cho đến năm 1945, bức họa chân dung ông do người Tàu vẽ khi ông đi sứ vẫn còn.

Ông lại là người mang nghề dệt lụa đầu tiên về Việt-Nam, nhân khi sang xứ Tàu ông học nghề này và đem truyền cho dân làng. Hiện nay lụa Bùng (tên nôm của làng Phùng-xá) là thứ lụa tốt nhất ở Bắc.

Đền thờ ông Phùng-Khắc-Khoan ở làng Phùng-xá được nhiều danh nhân, xử sĩ bốn phương đến thăm viếng, để thơ. Trong những bài đó, có bài của một nhà nho ở miền Đoài ghi lại tấm lòng tưởng nhớ « Người xưa » giữa thời kỳ vong quốc (vào hồi Pháp mới chiếm Bắc-Hà, cuối thế kỷ 19), và lúc chí khí của các nho sĩ Cần-Vương đang mạnh. Đó là bài thơ của cụ Tinh-Nguyên Phan-Thái-Cân, một nhà xử sĩ ở miền núi Tản sông Đà.

*Đạo đức cung lương lễ nghĩa môn
Chánh vênh cổ miếu thụ hoa thôn
Kinh yên phụng sự cô thần tráng
Hồng lạc thư công dịch diệu tồn
Nhất diêm đan chiêm huyền nhật nguyệt
Thiên thu di tượng đối càn khôn
Thủy giang tình đầu truyền phong phạm
Nhập miếu linh nhân lẫm mẫm hồn*

Phan-Thái-Cân

Dịch :

*Sân Trình cửa Khổng là đây
Hoa thôn cổ miếu đến đây còn nguyên
Bắc-Kinh sử tiết còn truyền
Nam-Bang sử sách ghi tên muôn đời.
Tấm son ghi mãi tháng ngày
Ngàn năm di tượng lâu dài càn khôn
Tiếng truyền bền với Đầu, Giang (1)
Miếu đường qua lại người càng tôn
cung.*

Dương-Tuyền Dã-phu

Lịch-Sơn trang, cuối năm Mậu-Tuất

Dương-Tuyền Dã-Phu
PHAN-VỌNG-HÚC

(1) Đầu : sao Bắc Đầu.

Giang : Sông Dương-Từ-Giang.

★ Người thực tế không chịu thừa nhận một nguyên tắc trước khi xét xem nguyên tắc ấy có còn thích hợp với hoàn cảnh hiện tại không đã. Mỗi trường hợp thường phải có một giải pháp riêng. Chỉ có hạng người thừa hành mới ưa dùng những giải pháp sẵn có thích hợp với mọi hoàn cảnh, nghĩa là hạng người không dám vì không biết gì cả.

HỒN TRUNG-HOA VÀ KI-TÔ GIÁO.

(Xin coi Bách-Khoa từ số 48)

F. HOUANG

Phan-Khoang và
Hoàng-minh-Tuynh (dịch)

Đức ần-khuất của Lão-giáo

và đức khiêm nhu

CỦA KI - TÔ - GIÁO

KH I một người Ki - tô - giáo nghiên cứu Lão-giáo, họ thường muốn so sánh đức ần khuất nếp mình của giáo này với đức khiêm nhu hạ mình của Ki-tô-giáo (1). Nhiều tác giả đã làm công việc nghiên cứu so sánh ấy, nhưng chưa được đầy đủ. Có người đã đối chiếu lý tưởng của một triết gia Lão-giáo lãnh đạm, thần nhiên, tự ý ần mình trong bóng tối để tránh trớ thiên hạ như Trang - tử đã miêu tả trong nhiều bức chân dung cảm kích, với lý tưởng Ki-tô-giáo của một Chúa Trời khiêm nhu hạ mình chịu chết trên cây thập ác, vì thương yêu loài người, để rồi nêu lên sự sai biệt giữa hai quan niệm ấy (2). Có nhiều người khác, trái lại cho rằng hai bên giống nhau rõ rệt, và nhận thấy trong Đạo đức kinh của Lão-tử gồm chứa chính lời Chúa Ki - tô phán dạy về đức khiêm nhu (3). Để chúng ta có

một ý kiến rõ rệt hơn về liên hệ thật sự giữa đức ần khuất của Lão - giáo và đức khiêm nhu của Ki-tô-giáo, chúng ta thử đem đối chiếu hai đức tính của hai giáo ấy, mong nêu lên những chỗ tương đồng và dị biệt giữa hai bên.

Khi bắt đầu trình bày, chúng tôi nhận thấy rằng đức ần khuất của Lão-giáo, như Lão-tử đã trình bày trong sách Đạo đức kinh của ông, có thể gọi là « khiêm nhu », nhưng đối với Trang-tử thì không thể nói như thế được.

(1) Diễn thuyết ở Collège philosophique ở Paris ngày 6-3-1954.

(2) Wiegier : Histoire des croyances religieuses et des opérations philosophiques en Chine, 1922, trang 152-153.

(3) Legge. The religions of China, Confucianism and Tavisim, described and compared with Christianity, 1880, trang 220-224, Parker : China and religion, 1910, trang 49, 50.

Trong chương thứ 33 của sách mà người ta bảo là của Trang-Tử, khi xác nhận rằng giáo-lý của Lão-Tử thiên về sự khiêm nhu, sự yêu mến cái hạ tiện, tác giả cũng ý thức sự sai biệt giữa Lão-giáo của Lão-Tử và của riêng mình. Vậy để giữ được thái độ khách quan và công bình, chúng tôi tưởng cần phải so sánh quan niệm về đức khiêm nhu của Ki-tô-giáo với tư tưởng của Lão-Tử, chứ không phải của Trang-Tử.

Tuy vậy, ngay bây giờ đây, chúng ta nên nói rằng sự so sánh ấy, dẫu hứng thú, nhưng cũng rất khó khăn, bởi vì giữa học thuyết hữu thần của Ki-tô-giáo và siêu hình học phiếm thần của Lão-Tử, không có một tiêu chuẩn chung. Cho nên chúng tôi bắt buộc phải qui vào đức khiêm nhu Ki-tô để xem xét những điểm tương đồng và tương dị của nó đối với đức khiêm nhu Lão-giáo của Lão-Tử.

Nhưng chính vấn đề khiêm nhu của Ki-tô-giáo cũng là một vấn đề phức tạp. Nó được trình bày dưới nhiều trạng thái khác nhau. Sự khiêm nhu ấy được giải thích khi thì như sự chống đối với tính kiêu ngạo, khi thì như sự thừa nhận lẽ hư không của con người trước Thiên Chúa, khi thì như sự tự ý hạ mình của một nhân vật bề trên đối với kẻ bề dưới mình. Vậy chúng ta phải xem xét thử có nhận thấy các trạng huống ấy trong tư tưởng của Lão-Tử không; nếu có, phải xem ở trạng huống nào tư tưởng của Lão-Tử gặp được giáo-lý Ki-tô một cách thật sự. Chỉ khi nào chúng ta tìm được chỗ tương đồng trọng yếu chúng ta mới có thể đưa ra ánh sáng

những điểm khác nhau cũng không kém phần trọng yếu.

I

Trước hết, chúng ta xem xét coi trong tư tưởng của Lão-tử có sự bài xích tính kiêu căng không, sự bài xích này là điều căn bản trong đức khiêm nhu của Ki-tô-giáo.

Hình như, về điểm này, tất cả giáo lý Ki-tô có thể tóm tắt trong tư tưởng này của Chúa Ki-tô: « Tất cả cái gì người đời cho là cao sang, trước mắt Thiên Chúa, đều là điều đáng ghê tởm (1) ». Tính kiêu căng, tức là sự ham thích quyền thế, chỉ là một ảo tưởng của con người, bởi vì trước mắt Thiên Chúa mọi quyền thế, tôn quý của loài người chỉ là hư không của tạo vật. Vì đó, Chúa Ki-tô đã đuổi ra khỏi nước của ngài những người Pha-ri-siêu (Pharisiens) là những người tự cho mình đạo đức hơn người (2), cùng những người Do-thái tưởng mình thuộc một giống người được hưởng đặc ân (3) và một vài vị học giả hay khinh bỉ hạng người hèn mọn, tầm thường. (4)

Ngài còn nguyên hạng người giàu có và quyền thế ở thế gian (5), bởi vì sự cao sang làm phát sinh tính kiêu ngạo, và người hèn mọn nhất trong vương quốc của Ngài cũng hơn người tôn quý nhất ở trên trần thế (6).

(1) Luc, 16, 15

(2) Luc 18,9; Matth, 6, 5; Matth, 23, 5; Luc, 17, 20 — 48; Matth, 21, 22.

(3) Matth 8, 11 — 12, Luc 4, 25...; Matth, 20, 1 — 16; Matth, 21, 33

(4) Luc, 11, 45 — 52, 18, 15 — 17.

(5) Luc, 6, 24,-6

(6) Matth. 21, 11, Luc. 7, 28

Còn hơn những lời nguyên của Chúa Ki-tô, gương sáng của Ngài phòng giữ cho tín đồ Ki-tô khỏi mắc phải tính kiêu ngạo. Từ lúc Ngài ý thức sứ mạng của mình cho đến khi lên cây thập tự, Ngài đã không ngớt chiến đấu chống lại sự cám dỗ để trở thành một đấng Cứu thế vinh quang.

Ở Lão-tử, chúng ta cũng tìm thấy sự bài xích tính kiêu căng như thế, ấy là theo luật liên hệ của những cái tương phản, sự luân lưu giữa dương và âm. Dương là một động lực, khi đạt đến cực độ rồi thì tất nhiên sẽ trở lại chỗ tương phản là âm, ở thể thụ động. Tính kiêu căng, hậu quả của sự hoạt động của loài người, theo luật luân lưu của âm, dương ấy, tất nhiên sẽ làm phát sinh mọi sự khốn khổ. Ở Lão-tử, sự trừng phạt người kiêu căng là một thứ luật tự nhiên. Ông nói : « một cơn gió lốc không thể lâu quá một buổi mai ; một cơn mưa rào không lâu quá một ngày. » (Phiêu phong bất chung triêu, sậu vũ bất chung nhật) (1) ; và « đạo binh mạnh (kiêu căng) không thắng được, cây mạnh (cao lớn) sẽ bị đổ » (binh cường tắc bất thắng, mộc cường tắc cộng) (2) Chương 24 của Đạo-đức-kinh giải thích vì sao tính kiêu căng là điềm báo trước sự sụp đổ :

« Nhón chân lên (cho cao) thì không đứng vững được,

Vọt, nhảy không thể đi đường dài,

Tự phô trương không làm cho mình chói sáng,

Cho mình là phải, không vẻ vang được,

Tự phụ tài năng sẽ không lập được công khó,

Kiêu căng thì không lớn thêm được.

(1) Đạo đức kinh, chương 23

(2) Đạo đức kinh, chương 76

Các điều ấy đối với Đạo,

Cũng như thức ăn quá độ (đối với bao tử), trấp dịch thừa thái (đối với thân thể), ai cũng chán ghét,

Người có Đạo không làm như vậy. »

(Chi giả bất lập, khoa giả bất hành, tự hiện giả bất minh, tự thị giả bất chương, tự phạt giả vô công, tự căng giả bất trưởng. Kỳ ư Đạo giả, viết dư thực nhuế hành vật hoặc ố chi. Cổ hữu Đạo giả, bất xử)

Với luật tự nhiên bài xích tính kiêu căng này, thái độ căn bản của Lão-tử vẫn gần với thái độ của Chúa Ki-tô.

Cũng như Chúa Ki-tô đem nước của Thiên Chúa đối chọi với nước của trần thế, Lão-tử đem Đạo của Trời đối chọi với đạo của người. Ông nói : « Đạo Trời bớt chỗ có dư bù vào chỗ thiếu, đạo của người thì chẳng làm như thế, bớt của người (nghèo) thiếu để phụng sự người (giàu) có dư » (Thiên chi đạo tồn hữu dư nhi bổ bất túc, nhơn chi đạo tắc bất nhiên, tồn bất túc dĩ phụng hữu dư) (3) Về sau, một môn đồ của Lão-giáo là Liệt-Tử còn nói Đạo Trời là đạo khiêm nhu (nhu nhược), Đạo người là đạo kiêu căng (cang, cường) (4). Vì vậy, Lão-Tử không bao giờ dụ dàng, mềm mỏng với hạng người giàu, sang ở thế gian này. (5)

(3) Đạo-đức-kinh, chương 77.

(4) Liệt-Tử, chương 2.

(5) Chương 53, Đạo đức kinh, Lão nói : « Chỗn Triều-đình sang trọng thì đất ruộng bỏ hoang, kho dựn trống không » (triều thậm trù, điền thậm vu, thưng thậm hư), và « Phục sức đồ thù thừa, mang gươm sắc bén, ăn uống thỏa thuê, của cải dư dả, ấy là bọn trộm cướp, không phải là Đạo » (phục văn thái, đới lợi kiếm, yếm ẩm thực, tài hóa hữu dư, thị vị đạo, phi Đạo giả tai.)

Thái độ Ki-tô-giáo và thái độ Lão-giáo đối với tính kiêu căng tuy giống nhau lạ lùng, nhưng hình như đó không phải là bản chất của hai tôn giáo ấy.

Trước hết, quan niệm tiêu cực về tính kiêu căng không phải là độc sáng của quan niệm Ki-tô-giáo cũng như của quan niệm Lão-giáo về đức khiêm nhu. Ki-tô-giáo đã kế thừa của It-ra-en (Israël), còn Lão-giáo thì kế thừa của tôn giáo thái cồ của Trung-hoa.

Cho nên, dờ Tân-ước ra, người ta nhận thấy dễ dàng đây là tiếng dội của cựu truyền It-a-en. Như bài kinh Tạ ơn (Magnificat) của Đức Mẹ đồng-trình giữ hương vị của Cựu-ước, Cựu-ước mà các sách đều chú trọng đức công bằng của Thiên Chúa và sự trừng phạt tính kiêu căng; bởi vì từ Ba-ben (Babel) (2) đến Na-buy-cô-dô-nô-xo (Nabuchodonosor) (3), những bài học của lịch sử và trực giác của các đấng tiên tri đều đồng thanh xác nhận châm ngôn này của Sách Tục ngữ (Livre des Proverbes): « tính kiêu căng đưa đến suy đồi và tính ngạo mạn đưa đến sự sụp đổ. » (4)

Phải chăng đó là nguyên nhân tư tưởng này của Chúa Ki-tô: « Cái gì người đời cho là cao sang, đối với mắt Chúa Trời đều là điều đáng ghê tởm » ?

Chúng ta hãy nghe nhà tiên tri I xai (Isaïe):

Đức Gia-vê (Yahweh) là Chúa các đạo quân một ngày kia

Sẽ chống lại mọi sự kiêu ngạo và mọi sự cao sang,

(1) Luc, 1, 46-55

(2) Genèse, 11, 1-9

(3) Daniel, 2, 3

(4) Proverbes, 16, 18

Và tất cả cái gì tự đưa mình lên để hạ Ngài xuống ;

Chống lại tất cả những cây bá hương cao ngất,

Chống lại tất cả các núi cao ;

Và chống lại tất cả các đồi cao ;

Chống lại mọi đài, tháp nguy nga,

Và chống lại mọi thành quách vững mạnh ;

Chống lại tất cả các chiến thuyền của Tarsis,

Và chống lại tất cả cái gì làm cho mắt người vui thích. » (!)

Chúa Ki-tô đã nhấn mạnh vào phương diện luân lý của tính kiêu ngạo hơn, và đã lấy đức nhân từ mà hòa hoãn sự công bằng của Thiên Chúa, điều ấy thật đúng như vậy. Nhưng theo Ngài, tính kiêu ngạo cũng không khỏi bị hình phạt nghiêm khắc.

Điều này làm cho chúng ta nghĩ đến học thuyết của Lão-tử: « sự kiêu căng đưa đến tai họa » (phú quý nhi kiêu tự di kỳ cự) (5). Nhưng lý thuyết này của Lão-tử về tính kiêu căng cũng đã vốn sẵn có trong truyền thống Trung-hoa từ trước. Kinh dịch đã dạy rằng Dương (là giống đực là cái tích cực, cái khẳng định) tự nhiên đưa đến âm (là giống cái, cái tiêu cực, cái phủ định). Vì vậy, theo sách này, cái gì đến cực độ thì phải trở lại cái cực độ của cái trái của nó, như thành công hay tự phụ thái quá tất nhiên sẽ đưa đến sụp đổ, suy đồi. Người ta có thể tự hỏi phải chăng lý thuyết « âm dương luân chuyển » ấy đã do sự quan sát nhận nài những liên tượng thiên nhiên và những sự kiện lịch sử mà

(5) Isaïe 2, 12-16.

(5) Đạo đức kinh, chương 9

sinh ra. Mặt trời khi đến tuyệt điểm rồi thì bắt đầu lặn, ngọn thủy triều dâng lên cao là báo trước nó rút xuống, đó là những hiện tượng tự nhiên chắc đã gợi ý cho tác giả Kinh Dịch, nhưng ở trong sách này, người ta cũng thấy phác họa một triết lý về lịch sử hình như căn cứ trên sự tin tưởng chắc chắn của Trung-hoa thái cổ về sự nguy hiểm do tính kiêu căng và sự thành công của loài người gây ra, vì hai điều này là động lực phát sinh sự bất mãn của Thượng-đế. Trong cổ sử Trung-hoa, có rất nhiều ví dụ thuyết minh sự thật ấy. Như trường hợp của một vị Vua kia khi nghe tin đạo binh của mình chiến thắng, thu được hai thành, thì buồn bã, than thở vì ông thấy trong sự thành công bất ngờ ấy dấu hiệu giận dữ của Thượng-đế và điềm báo trước sự thất bại sắp đến của mình (1). Lại chuyện một vị quan to kia thấy con mình thành công rực rỡ quá, khiến Vua tướng thưởng, triều thần khen ngợi, dân chúng hoan nghênh thì buồn rầu, vì sợ sự thịnh vượng thái quá ấy sẽ đem lại suy sụp của gia đình mình chăng ?

Những điều chúng tôi vừa trình bày đã đủ để chứng tỏ rằng sự bài xích tính kiêu căng mà Ki-tô-giáo thừa kế của It-ra-en, còn ở Lão-giáo thì bắt nguồn ở những tín ngưỡng xưa cũ của Trung-hoa, không phải là điểm giống nhau trọng yếu hơn cả giữa hai tôn giáo này. Hơn nữa, trong phần nhiều các tôn giáo lớn xưa kia, người ta cũng thấy sự trừng phạt kẻ kiêu căng như thế. Đức Chúa Trời đổ kỷ của It-ra-en hay là Thượng-đế bình đẳng của Trung-hoa thái cổ luôn luôn làm chúng ta nghĩ đến các vị Thần Hy-lạp bao giờ cũng ghen ghét sự thịnh vượng và sự tinh xảo của con người, bởi vì hai điều này là nguồn

gốc sinh ra tinh thần phản loạn và sự xấc xược, vô lễ. Người ta đã biết điều luật danh tiếng về « hybris » và « nemesis » : sự quá độ của người hầu như cần thiết phải gây ra sự báo thù của các thần minh. Trong thời kỳ thần học từ Pindare đến Socrate, cũng là thời kỳ lớn lao của thi ca, sự tin tưởng ở tính ghen ghét của thần minh ấy chi phối tất cả tư tưởng Hy-lạp. Plutarque nói : « Luật Nemesis qui vào những kẻ được sung sướng quá sự xứng đáng của mình, và trong lúc phấn khích của dục vọng và lòng kiêu căng, không biết tự mình kiềm chế lấy mình. » Người ta trông thấy luật Nemesis trong nhiệt tình của thi hứng của Pindare, trong sự khôn ngoan về chính trị của Solon, trong các kịch bản của Eschyle, trong sự biểu minh triết lý của Héraclite, tuy vậy chỉ trong lời Artaban giảng giải với Xerxès của Hérodoté (2) luật ấy mới hòa hài với luật trừng phạt tính kiêu căng ở It-ra-en và ở Trung-hoa thái cổ.

Artaban nói với Xerxès : « Hãy nhìn những vật cao trời, Thần minh sai sét đánh nó, không cho nó phát triển, còn đối với vật nhỏ mọn thì Ngài dừng dừng, lãnh đạm. Hãy nhìn những nhà lớn, những cây cao ; chính luôn luôn đó là nơi Ngài phóng các mũi tên, vì Thần minh muốn bẻ gãy tất

(1) Liệt-tử, chương 8 ; Vua Tương-tử nước Triệu sai Mục-tử đánh rợ Địch, thắng, lấy được 2 thôn lạc, sai người về báo tiếp. Tương-tử đương ăn, nghe tin, mặt liền tỏ vẻ lo âu. Kê chung quanh nói : Một ngày mà hạ được 2 thành, điều ấy ai cũng lấy làm vui, sao Vua lại có vẻ lo âu ? Tương-tử đáp : « Sông ngòi ngập lụt không quá 3 ngày, gió lốc, mưa rào không quá một ngày, nay đức nhà họ Triệu không dầy, không thì thổ ra cho người mà một ngày chiếm được 2 thành, e sự suy vong sắp đến cho ta chăng ? »

(2) Hérodoté VII, 10.

cả cái gì cao cả. Vì vậy những đạo quân đông đúc bị một đội quân ít ỏi đánh tan.

Thần minh đổ kỵ làm cho đạo quân kia kinh hãi, gây ra sấm vang cho chúng nghe sợ nên chúng bị tiêu diệt một cách khốn khổ. » (1)

Đọc đến đây, chúng ta nhớ lại cảnh I-xa-i (Isaïe) tả những người kiêu ngạo bị sụp đổ như những cây bá hương ở núi Liban, hoặc câu thơ của Lão-tử nói về đạo binh mạnh phải thua và cây lớn bị hạ.

Người ta cũng tự hỏi phải chăng đây là một đề mục chung của văn chương phổ biến. Esopé, La Fontaine trong bài ngụ ngôn Cây sồi và cây sậy (le Chêne et le Roseau), và Shakespeare trong bài « Chừng mực vì Chừng mực » (Measure pour Measure) chẳng đã dùng hình ảnh : « cây lớn bị hạ » để làm mới lại đề mục « kiêu căng bị trừng phạt » đó sao ?

Bởi vì sự xích xích kiêu căng không phải đặc biệt thuộc Ki-tô giáo cũng không phải đặc biệt thuộc Lão-giáo, mà là một đề mục đại đồng phổ biến, vậy không nên tìm ở đó sự tương tự thật sự giữa đức khiêm nhu Ki-tô và đức khiêm nhu Lão-giáo. Hơn nữa, sự bài xích ấy không tất nhiên tạo thành phương-diện tiêu cực của một giáo lý về khiêm nhu, vì nó không làm phát sinh một cách hợp lý đức khiêm nhu.

Như với người Hy-lạp, chỉ có một cách đề tránh khỏi sự đổ kỵ của thần minh là phải cần thận, chừng mực, nhiều hơn là

phải khiêm nhu. Ở dân tộc này, có rất nhiều câu cách ngôn đề cao sự chừng mực : « Tính chừng mực là tốt hơn cả », « Hãy theo sự chừng mực » « Đừng có gì thái quá », v.v... Và Sophocle chú trọng một cách riêng biệt ở tính cần thận này đối với thần minh, Ông nói :

« Hãy tập quen đừng bao giờ buông lời vô lễ xác xược đối với thần minh, đừng bao giờ kiêu ngạo, mặc dầu có hơn được người khác vì sức mạnh, vì giàu có. Chỉ một ngày là làm nghiêng ngã và nâng cao mọi sự vật của con người ; thần minh ưa sự chừng mực và ghét những tính xấu. »

Ở Trung-hoa thái cổ cũng vậy Không-Tử cũng nhắc những tư tưởng truyền thống Trung-hoa như Lão-tử, và cũng bài xích sự kiêu căng một cách nghiêm khắc như thế, nhưng không phải đề đi đến ý niệm khiêm nhu mà đề đi đến ý niệm chừng mực, tiết độ. Người quân tử ung dung mà không kiêu căng, còn người tiểu nhân thì kiêu căng mà không ung dung (2). Chỉ người quân tử khi được cao sang cũng không kiêu căng, vì nhớ mãi lời dạy trong Kinh Thi : « Hãy e sợ, hãy cần thận như đứng trên vực sâu, như đạp trên giá mỏng. »

Nhưng ý niệm chừng mực, vừa phải mà người Hy-lạp và nhà Nho rất quý chuộng ấy đưa đến một lý tưởng làm người hơi khác với lý tưởng của người theo Ki-tô-giáo và Lão-giáo. Khi nhớ đến người cao thượng (mégalo psychos, của Hy-lạp) (3)

(2) Quân tử thái nhi bất kiêu, tiểu nhân nhi bất thái ; Luận ngữ, Tử-lộ XIII.

(3) Aristote, Ethique de Nicomaque IV.

(1) Hérodote VII, 10

hoặc người quân tử của Khổng - giáo, ý thức phẩm giá của mình, tỏ vẻ tự cao với một hạng người này, giữ gìn cẩn thận với một hạng người khác, người ta thấy rõ sự cách biệt giữa người ấy và người khiêm nhu mà Phúc âm và Đạo đức kinh đề cao.

Lý do thật của sự cách biệt ấy có lẽ là vì người Hy-lạp và nhà Nho trước hết lo gìn giữ con người cho khỏi sự trừng phạt của Trời, trừng phạt gây ra bởi sự

quá độ và tính kiêu căng, còn tín đồ Ki-tô-giáo và Lão-giáo thì đặt đức tin và lý tưởng vào một đấng tối cao mà hạng người trên gọi là Chúa Trời, hạng người dưới gọi là Đạo, hai hạng người này tìm kiếm sự phù hợp với ý chí của Thiên Chúa hoặc với luật của Vũ trụ hơn là sự an toàn riêng cho thân mình.

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

- ★ Người chỉ huy phải có tinh thần tỉnh táo, không bao giờ coi công việc của mình là đã hoàn bị và không cần phải sửa chữa gì nữa.
- ★ Hay hỏi thì biết rộng, tự dụng thì hẹp hòi. (Thư kinh)
- ★ Nhiều khi thiết lập một công cuộc dễ dàng hơn là duy trì một công cuộc, vì muốn duy trì một công cuộc phải có tinh thần thích ứng với cuộc sinh hoạt luôn luôn biến chuyển và phải luôn luôn đổi mới quan niệm, để cho quan niệm phù hợp với hoàn cảnh mới.

Tồn vong của quốc gia

Chỉ duy bậc nhân mới đáng ở địa vị cao. Kẻ bất nhân ở địa vị cao, sẽ truyền bá điều ác trong dân chúng. Trên không xét theo đạo lý, dưới không giữ theo pháp luật; triều đình không tin theo đạo lý, người dân không tin theo pháp độ; quân tử thì phạm nghĩa tiết; tiểu nhân thì phạm hình luật. Một quốc gia như thế mà tồn tại được, thật là may mắn lắm vậy.

MẠNH-TỬ

TÌM HIỂU

LẠI BỘ THƯỢNG THU NGÔ-THỜI-NHẬM

• Một anh hùng dân tộc trong đời nhà Tây-Sơn

Nguyễn-thiệu-Lâu

(tiếp theo B. K. số 53)

PHẦN THỨ BA

Nhà thờ và dòng dõi chi Ngô thời

Như đoạn đầu tôi đã nói, chi Ngô-thời chỉ là một trong nhiều chi họ Ngô ở làng Tả-thanh-oai.

Ở cánh đồng, trên xóm dưới, sau đình thờ vua Lê-Đại-Hành, có một nhà thờ họ. Nhà thờ họ Ngô, không biết xây lên từ bao giờ.

Sau khi Ngô-Thời-Nhậm bị đánh chết, nhà thờ này được lệnh quan trấn phải phá hủy.

Quan trấn đây là Nguyễn-Văn-Thành, tổng trấn, có Nguyễn-Văn-Khiêm, Đặng-Trần-Thường và Phạm-Như-Đặng giúp việc.

Nhà thờ họ bị phá hủy, mồ mả có bị phạm chăng?

Dù sao, trước đây mười hai, mười ba năm, đi về làng Tả-thanh-oai, vào xóm giữa, hỏi thăm ngõ cụ Đốc, dân làng sẽ chỉ cho ta một cái ngõ lát gạch. Ngõ này dẫn ta qua hai bên hàng rào ô rô đến một cái cổng con. Một con

đường nhỏ bằng đất len giữa các ao đi vòng tới một cái cổng nhà gạch: ấy là nhà Cụ Đốc Ngô - Giáp - Đậu, thường gọi là Cụ Đốc Tó.

Cụ Ngô - Giáp - Đậu mất vào khoảng năm 1930.

Trước khi vào nhà cụ, đứng trên con đường đất len giữa các ao, nhìn về phía tả, ta thấy một nhà thờ. Đó là nhà thờ chi họ Ngô-thời những cũng thờ cả các đời trước nữa.

Một cái nhà gạch dài độ hai mươi thước, rộng độ năm sáu thước, mái ngói, nền cao. Trước nhà thờ là một cái sân đất, trông ra một cái ao hình bán nguyệt. Qua cái ao này là con đường đất mà tôi đã nói trên, rồi lại đến một cái ao nữa, rồi là đồng ruộng. Nhà thờ trông ra đồng qua hai cái ao. Hai cái ao này hồi trước là một cái đầm và sau cái đầm này, hồi trước có một cái chùa. Ở hai bên nhà thờ có hai ông phỗng đá. Cửa nhà thờ thường khóa.

Vào trong nhà thờ, trước đây ta thấy ở gian giữa một cái bệ đá, một bàn

thờ bằng đá, trên đó có một cái khám lớn, chạm trổ. Hai bên bàn thờ chính này là những bàn thờ cạnh. Dựng vào một bên tường là hai cái song loan, tức là hai cái vồng. Hối ra thời cái khám thờ họ Ngô và hai cái vồng là do người Tàu dâng Cự Đại-vương : không biết khi Ngô-Thời-Nhậm làm trấn thủ Lạng-sơn hay khi làm thượng thư thời Nhà Tây-sơn.

Trước đây độ ba bốn mươi năm thôi, dân cả tổng Thanh-oai, làng nào làng ấy, sôi, lộn, đến ngày giỗ Ngô-Thời-Nhậm, đều đến nhà thờ nói trên. Lễ xong, đem xôi cả mâm, lợn cả con về làng, ăn uống ở đình làng, vì con cháu không lấy phần biếu.

Đây là một cái lệ.

Lệ này có tự bao giờ ?

Sau khi mà Ngô-Thời-Nhậm bị đánh chết, lẽ tất nhiên là dân làng Tả-thanh-oai lo sợ. Các ruộng của họ Ngô bị tịch thu. Chi Ngô-Thời, trong suốt mấy đời, không được đi thi. Rồi sau chi Ngô-Thời đời ra là Ngô-Giáp. Vì vậy cụ Ngô-Giáp-Đậu mới được đi thi, đỗ vào cuối đời vua Tự-Đức và làm Đốc học Nam-dịnh.

Lệ cả tổng đến làm giỗ Ngô-Thời-Nhậm có lẽ đã đặt ra sau thời kỳ mà Nhà Nguyễn khủng bố Nhà Tây-Sơn, sau đời Minh-Mạng. Sự làm giỗ này, do dân tổng bảo nhau làm, khiến cho ta biết công của Ngô-Thời-Nhậm đã không phải là nhỏ.

Bây giờ thời chắc lệ này đã bị bãi bỏ.

Năm 1947, làng Tả-thanh-oai là một bãi chiến trường. Quân Pháp đến đóng ở làng... Toàn làng bị phá.

Chờ trời giữa đám cây rậm, nhìn qua hai cái ao, qua cái lũy tre bị chặt, tới đồng làng bị bỏ hoang là cái bàn thờ bằng đá, bàn thờ Ngô-Thời-Nhậm.

Con cháu ở làng còn đông. Không biết chế độ mới có cho cất lại nhà thờ không ?

Dù sao, ở Đồng-dăng, tồn tại với non sông đất Việt là động Tam-thanh :

*Đồng dâng có phố kỳ lừa
Có nàng Tô-Thị có chùa Tam-thanh.*

.....

*Vào chùa thấp một nén hương,
Miệng khấn tay vái bốn phương chùa này.*

*Chùa này có một ông thầy,
Có hòn đá tảng, có cây ngô đồng.*

.....

Đã có những câu ca dao thuộc về động Tam-thanh.



Ngô-Thời-Nhậm là một người sống trong thời Nhà Lê suy vi. Cách mệnh, nổi lên, liền đem tài ra gánh vác việc nước. Nguyễn-Huệ là người biết trọng tài và Ngô-Thời-Nhậm đã là một người văn võ toàn tài trong thời cách mệnh Nhà Tây-Sơn : nào là quân sự, nội trị, ngoại giao. Nguyễn-Phúc-Ánh đem quân Pháp về... Sự thế như thế nào, chúng ta đã biết.

PHỤ CHÉP

Một giả thuyết về cái chết của Ngô-Thời-Nhậm.

Cụ Trần-Trọng-Kim có viết trong *Bộ Việt-Nam Sử lược*, trang, 410, bản in Tân-Việt rằng :

« Đến tháng bảy năm Nhâm tuất 1802, Thế Tổ (tức là vua Gia-Long), về kinh, đem vua tôi nhà Tây sơn về làm lễ hiến phù ở đền Thái miếu. Rồi đem ra tận pháp trường xử trị. Lại sai quật mả vua Thái đức Nguyễn-Nhạc, và vua Thái-Tổ Nguyễn Huệ lên, đem vớt thây đi còn đầu thời đem bỏ giam ở trong ngục tối.

Nhưng bọn văn thần Nhà Tây sơn như Ngô-Thời-Nhậm, Phan-Huy-Ích ra hàng đều phải đem về kinh, sau lại giải ra Bắc thành, đem nọc ra đánh ở trước Văn miếu rồi tha cho về. Lúc bấy giờ có Ngô-Thời-Nhậm vì trước có hiềm với Đặng-Trần-Thường cho nên đến khi đánh ở trước Văn miếu, Đặng-Trần-Thường cho người đánh chết ».

Bộ Chánh biên là chính sử Nhà Nguyễn đã ghi là Ngô-Thời-Nhậm ra hàng. Cụ Trần-Trọng-Kim căn cứ vào đó mà chép lại.

Có thật Ngô-Thời-Nhậm ra hàng không ?

Bộ Chánh biên chép rằng :

« Quan Bắc thành tâu rằng :

Ngụy quan ra thú thời tha, đã có minh chiếu rồi, xin tha cho bọn Ngô-Thời-Nhậm khỏi giết, nhưng phải đánh đòn để cho biết xấu. »

Ý nghĩa câu này không rõ.

Khi vua Gia-long cho giải Ngô-Thời-

Nhậm... ra Bắc thời án đã xử như thế nào ?

Giết hay tha cho sống ?

Câu « xin tha khỏi giết » có thể nghĩa là vua Gia-long đã xử án trầm, sẽ thi hành bản án tại Thăng-long.

Vậy thời quan Bắc thành xin tha cho sống và chỉ xin đánh đòn mà thôi.

Riêng Ngô-Thời-Nhậm « bị đánh chết ! »

Cụ Trần-Trọng-Kim căn cứ vào đầu mà bảo là do tư thù của Đặng-Trần-Thường ? Phải chăng cụ căn cứ vào đôi câu đối truyền khẩu mà người ta đã gán cho Đặng-Trần-Thường và Ngô-Thời-Nhậm ?

Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai để biết ai ?

Thế chiến quốc, thế xuân thu, gặp thời thế thế thời phải thế.

Đôi câu đối này về văn chỉ là một cuộc chơi chữ một cách tuy oái oăm nhưng tầm thường. Về ý thời về trên tỏ Đặng-Trần-Thường là tiểu nhân đắc thế sinh ra kiêu hãnh, về dưới tỏ ra Ngô-Thời-Nhậm là quân tử cố cùng sinh ra hèn. Hai vị có thật như thế không ?

Kết luận :

1) Có phải bọn Ngô-Thời-Nhậm ra đầu hàng để xin sống không hay đã bị bắt tại trận hay vì bị phản ?

2) Quan Bắc-thành phi báo về Kinh, Vua Gia-long bảo phải đóng cũi giải về Kinh để xử. Có thể vì lý do muốn thu nạp tìn đảng Tây-sơn, để dễ việc trị an, nên quan Bắc-thành mới tâu là đã ra đầu hàng. Theo chiếu có tính cách chung thời Nhà vua nên tha chết nhưng chỉ đánh đòn qua loa mà thôi.

3) Vua Gia-Long đã có thể xử trảm, cho xử tại Thăng-long để làm gương cho người khác. Quan Bắc - thành có thể tâu lại. Nhà vua ân xá tội chết cho Phan-Huy-Ích và Nguyễn-Gia-Phan vì hai vị này xét ra để sống có lợi chứ « Ông Đại Vương » Ngô-Thời-Nhậm, nguyên Trấn thủ Lạng - sơn, nguyên Tham tán cho Ngô - Văn - Sở, nguyên Thượng thư nhà Tây-sơn, Ngô-Thời-Nhậm không nên để sống. Nhưng giết thời phải giết một cách khéo : đánh nhưng không phải là đánh làm phép mà đánh cho chết, thật là nhất cử lưỡng tiện.

4) Tội đánh chết Ngô - Thời - Nhậm đặt lên đầu Đặng-Trần-Thường. Còn câu đối ở trên, một thầy đồ nho nào làm mà chẳng được ?

Giả thuyết trên này có đúng không ? Dù sao ta nên để nghị ra.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Chú thích :

Nhiều vị đã nhầm. Và cho rằng động Tam thanh có tượng thờ Ngô-Thời-Sĩ.

Sự thực tượng khắc trong đá là tượng Ngô-Thời Nhậm.

★ Người chỉ huy có quyền muốn sự tiến bộ nếu do kinh nghiệm và nghiên cứu xét thấy đó là điều cần thiết cho công việc được tiến triển. Quá khứ có thể dùng để soi sáng hiện tại, song không thể để nó trói buộc những người muốn xây dựng tương lai.

Triều tam mộ tứ

Người xưa, có người tên gọi Thư-công nuôi khỉ (con thư). Ông ta cho khỉ ăn chỉ có hạn và nói với đàn khỉ rằng : « Ta cho bay ăn trái tợ, buổi sáng ba, buổi chiều bốn có được không ? » Bầy khỉ đều giận. — Ông ta lại hỏi : « Buổi sáng bốn, buổi chiều ba có được không ? » Bầy khỉ đều vui mừng. Bầy khỉ khi giận, khi mừng, nhưng thực ra được ăn trước sau trong một ngày chỉ có bảy trái.

Do đấy, người đời thường dùng bốn chữ « triều tam, mộ tứ » (sáng ba chiều bốn) ám chỉ trá thuật dùng để lừa dối kẻ ngu.

Đọc tạp-chí ngoại-quốc

● ĐOÀN-THÊM

Đã lâu, Liên hay đọc tạp chí ngoại quốc, ưa đến nỗi gần như nghiện ; cuối tuần nào cũng tới các nhà sách lớn để đón mua vài số mới, và cũng như nhiều bạn, lắm khi phải sốt ruột đợi chuyến tàu bay hoặc tàu thủy đưa báo tới Saigon.

Vì ngoài mục đích giải trí, Liên còn muốn theo dõi tình hình thế giới ngày nay, chăm chú như bạn Xoang nghiên cứu về thời xưa qua các bộ sách cổ. Theo Liên, chúng ta là dân hậu tiến, cần phải dẫn bước ; nên mặc dầu tôn trọng cổ học, Liên hướng về hiện tại cùng tương lai nhiều hơn, để cố biết mà theo kịp đà tiến hóa của nhân loại.

Nhưng Liên cũng nhắm một mục tiêu thiết thực : chọn hẳn một hai tạp chí đáng đọc, cho mình và vợ con : dĩ nhiên

túi tiền và thời giờ đều có hạn ; lại chưa chắc gì 210 tờ tạp chí nhập cảng từ Anh, Pháp, Mỹ, v.v... đều có ích hay hợp với gia đình mà Liên biết rõ nhu cầu và sở thích (1).

Mục tiêu đó vẫn chưa đạt hẳn, vì báo nào cũng có ưu, khuyết điểm : khổ tâm nhất, là quá nhiều tờ rất đáng ưa, vì lý do này hoặc lý do khác.

Song ít ra, sự tìm kiếm cũng đưa lại cho Liên một ý niệm về khuynh hướng đọc giả ngoại quốc, nhất là về sự cố gắng của các báo để chiều ý người ham đọc ; đồng thời cũng giúp Liên nhận thức rõ hơn chính mình cần và muốn gì.



(1) Không kể những báo khô khan, nghiên cứu về tài chánh, kinh tế, luật pháp, chánh trị, v.v... do một vài cơ quan chánh quyền mua để cho mượn : 62 thứ hàng tuần, hàng tháng, v.v.... (Thơ-viện Trung-ương) 240 thứ (Học-Viện Quốc-gia Hành-chánh).

ĐOÀN-THÊM

Sau nhiều ngày đọc lung tung, Liên thấy cần thống kê và phân loại để tìm, với những tài liệu nhặt nhạnh ở các nhà sách, hoặc đã ghi nhận dần dần mỗi khi đọc một thứ báo mới :

LOẠI	TỈ DỤ	SỐ (thấy bán)
Phổ thông (Thông tin, chánh trị, văn hóa, v.v...)	Paris-Match Look, Life Noir et Blanc, v.v...	từ 15 đến 20 thứ
Phổ thông (khổ nhỏ bỏ túi)	Reader's Digest English Digest Coronet, v. v...	từ 5 đến 7 thứ
Văn chương và nghệ thuật	Revue de Paris Arts et Spectacles v. v...	16 thứ
Mỹ thuật (Khiêu vũ, âm nhạc v.v...)	Danses Disques Musica v.v...	15 »
Sử ký, địa dư	Historia Geographia Miroir de l'Histoire v.v...	5 »
Khoa-học phổ thông	Sciences et vie Sciences et voyages Mécanique populaire v.v...	8 »
Kỹ-thuật	Radio Scooter, Les Ailes v. v...	từ 20 đến 22
Y-học thường thức	Votre santé Médecine pour tous Guérir, v. v...	6
Thể thao	Sport et vie Muscle Builder v. v...	7
Đời sống gần thiên nhiên	Naturalia Vie à la campagne La Mer, v.v...	6
Điện ảnh	Ciné-Photo Revue Movieland v.v...	8
Gia đình nội trợ	Arts Menagers Maisons et Jardins Le Bricoleur, v.v...	9
Phụ nữ	Elle L'Echo de la Mode Marie Claire v.v...	từ 36 đến 38
Nhi đồng	Mickey Spiriou Bimbo v.v...	từ 30 tới 34

Sau khi lập bảng kê khai, Liên thấy có thể giải quyết một phần nào sự khó khăn : trong rừng báo rậm rạp, đã trông rõ lối đi vào những phạm vi ưa chuộng.

Nhưng muốn chọn cho vợ con, ít nhất cũng phải đọc qua 76 thứ ! Mà nhiều báo dày bằng nửa Điện thoại niên giám, rộng dài ít ra 25×35 cm : trung bình, « Femme Pratique » 226 trang, « Marie Claire » 178 trang, « Ladies House Journal » 162 trang, v.v...

Nếu tự giới hạn khu vực thám hiểm, có lẽ mất nhiều lý thú : Vì lắm khi có những truyện vui dí dỏm, trong « La Chasse » dành riêng cho các vị thích săn bắn ; có những bài bình luận rất linh hoạt về chính trị hay ngoại giao trong « Journal des Finances » hay « Entreprises », tuy thoạt trông, Liên ngỡ rằng các báo đó khô khan và chỉ liên quan tới mấy vị tai mắt trong giới kinh tế tài chánh mà thôi ; có những báo hài hước không được các vị đạo mạo thường thức, nhưng Liên cũng thử đọc : Flirt, Marius For Men Only, v.v... để tự mình xét thực ra có hại gì không ? Tóm lại, đã không vướng mắt thì thôi ; đã thấy, thì sự tò mò mạnh hơn cả lợi hại. Những ông chơi chim còn biết 120 giống, thì Liên nghiền báo cũng như mọi bạn nghiền thứ khác, tìm dở hay, hà tất ngại công phu ?

Vả chẳng, Liên không băn khoăn về số và loại báo : trong thực tế, ở mỗi mục đã kê khai, nhiều báo rất giống nhau về hình thức cũng như nội dung, lắm khi tưởng cùng do một tòa soạn hoặc một nhà in, tỉ như các tạp chí chuyên về tiểu thuyết điểm tình : Nous deux (Đôi ta), Rêves (Mộng

xuân), Confidences (Tâm sự), v.v... những truyện nhi đồng : L'intrépide, Zorro, Big Boy v.v...

Liên bắt chấp cả khối lượng kích thước : vì ít nhất $1/3$, $1/2$, hay có khi $3/4$ số trang dành cho quảng cáo. Lắm bận, lật mãi từ đầu qua hàng chục tờ chưa thấy bài. Giữa mục bình luận về tình hình Cận-đông, nhẩn rảnh cười một chú Chà đen mời uống rượu Byrrh ; đầu trục của Krouchtchev tròn xoe cạnh ảnh hề chào mua bột lửa Myon ; đoạn so sánh hai thứ hỏa tiễn Mỹ Nga, cách bảy trang sau, ở dưới chân một bà phô trương kiểu áo tắm 1958.

Số hai phần trang dư lại, bị tranh ảnh chiếm mất nhiều quá nhiều, bất cứ ở loại báo gì : phổ thông như Radar, Life, Epoca ; — chuyên môn như Les Ailes (phi cơ), Electronic (điện) ; — nghiêm nghị như Ecclesia hay Missi (Công-giáo) ; và nhất là các báo phụ nữ, nhi đồng ; nhiều truyện kể bằng tranh ảnh, phần chữ chỉ đề chú thích văn tắt hoặc ghi câu nói của các vai trò (Mon Film, Bonjour Bonheur, Tintin, v.v...)

Như thế thì phần chữ, dĩ nhiên chẳng còn bao nhiêu : So với trước hồi Đại-chiến thứ II, số bài ở mỗi báo càng ngày càng ít, càng ngắn. Những bài dài mấy chục trang, những câu dài bằng gang tay, đã biến từ lâu ; nhiều bài của những tác giả trứ danh như André Maurois hay W. Lippmann, độ hai trang Bách-khoa ; ý kiến của H. Truman đối với cả chế độ Tổng-thống Hoa-kỳ qua các thời đại, thu hẹp vào độ hai trang B.K., cạnh hai trang mười bức ảnh (Look — 20-11-58) ; — một vấn đề chủng tộc quan trọng đã chia

rẽ dân Mỹ, như Little Rock cũng độ hai trang B.K., với bốn trang tranh ảnh (Life — 8-12-58)...

Nhờ những đặc điểm kể trên, Liên mới đọc được khá nhiều. Công việc tìm kiếm, lựa chọn không những thành dễ dàng, còn đầy hứng thú, và Liên phải thành thực công nhận tánh cách hấp dẫn của các báo đó.

Cứ nhìn hoặc dò qua các tập báo, Liên đã thấy ư th ch. Chữ in mỗi ngày thêm rõ và to, một điều kiện dễ lôi cuốn khách, vì kẻ ham đọc, lại hay kém mắt : thời kỳ chữ in bằng con kiến theo lối Meilleurs Livres, ít ra là đối với báo phổ thông, thực đã qua rồi, để dành chỗ cho những nét sừng sủa rộng rãi, khiến độc giả đỡ chau mày, dễ in vào óc, và đỡ tốn thời giờ.

Chính vì thời giờ rất quý báu trong đời sống ở ạt hiện tại, mà người « đọc » báo ít hơn người « xem » báo : Tranh ảnh màu sắc thành ra tối cần (1). Rất ít khi còn thấy toàn giấy trắng mực đen, và đến báo Noir et Blanc cũng phải ra những số

(1) « Con người hiện nay càng ngày càng thay « thể tư tưởng trừu tượng bằng tranh ảnh. Tranh « ảnh không những là một cách tô điểm, mà còn « là phương tiện thông tin, là phần cốt yếu của « tờ báo. Thời kỳ màu sắc đã tới ; màu sắc nhất « định đã bước vào báo giới... » (Bác-sĩ Binkowski — tờ trình Đại-Hội Báo-chí Tây-Đức).

(L'homme moderne remplace de plus en plus la pensée abstraite par la représentation en images. L'image n'est plus une simple illustration de notre temps, elle constitue une information, une partie intégrante du journal... L'ère de la couleur commence en ce moment... La couleur a certainement fait son entrée dans notre vie...)

Dr. Binkowski — Congrès du Bundesverband Deutscher Zeitungsverleger. Techniques de Presse — Décembre 1958).

đủ màu. Báo chuyên khoa về y học như « Guérir » cũng có ảnh phụ nữ ngoài bìa, lộng lẫy không kém mình tinh báo điện ảnh. Và ngay các trang quảng cáo cũng rất ngoạn mục, sanh đỏ tím vàng như ghế phòng khách tối tân, hoặc xe hơi kiểu mới, nhiều khi khó phân biệt với tranh ảnh thuộc bài báo : những chùm nho xanh, trái cam bên cạnh chiếc ly pha lê, chẳng phải là tranh phong cảnh « nature morte » của danh họa nào, chỉ là quảng cáo cho rượu ngọt Liqueurs de France.



Tất cả các sự cạnh tân kể trên về phương diện hình thức, đều có mục đích hiển nhiên lôi cuốn độc giả, một điều kiện tối yếu cho sự sống còn hay thịnh suy của tờ báo.

Song nhu cầu và sở thích của con người, chẳng phải là hoàn toàn chính đáng cả. Vậy thì các tạp chí phương Tây có phân biệt hay là chỉ nhắm vào chỗ yếu của quần chúng, và mặc ảnh hưởng xấu tốt ? Liên cần biết để lựa chọn.

Đứng về phương diện trí thức phổ thông ở hậu bán thế kỷ 20, nhất là đối với người ít được dịp xuất dương du lịch quan sát như Liên và các bạn hữu, Liên nhận một cách tổng quát rằng tạp chí Âu Mỹ, đã giúp ích nhiều, nhờ ở sự cải tiến không ngừng về kỹ thuật : phổ biến có hiệu quả, những điều cần biết về tình hình thế giới, những vấn đề nan giải chung cho nhân loại, những sáng kiến, phát minh, cải cách, hoạt động có ảnh hưởng sâu rộng, một điều tối cần trong thời buổi mà đời sống tiến mạnh tới sự quốc tế hóa.

Tạp chí Âu Mỹ, cũng như điện ảnh, khiến cho độc giả, hay khán giả tin ngay, hiểu chóng, và lắm khi áp dụng được những điều đọc thấy. Trong giai đoạn mà sự phổ biến thường đi đôi với sự tuyên truyền ở khắp hoàn cầu, những bài viết thường bị ngờ là tin vọt: nhưng không có thiên phóng sự nào về vụ nội loạn ở Irak hoặc vụ khởi nghĩa Hung-Gia-Lợi, có thể kích động hơn những bức ảnh vua Fayçal bị giết ngã gục, hoặc khói lửa mịt mù ở thành phố Budapest; giảng về nguyên tử năng cho đại chúng, là một sự vô cùng khó khăn: song tranh ảnh đã thay lời nói ở các báo khoa học, khiến các cháu Liên ở trình độ trung học cũng lý hội được dễ dàng; nhờ có những bức họa được chụp lại để chứng dẫn phê bình, nên Liên mới hiểu nổi những báo Mỹ thuật như Jardin des Arts hoặc Connaissance des Arts; nhiều ông thợ may, hay đóng đồ gỗ, uốn tóc cho phụ nữ, chẳng tốt nghiệp trường nào cả, nhưng xem báo, rồi cũng cắt được y phục theo kiểu « Adam », làm bàn ghế đúng như trong « Ameublement et Décors », soạn những mớ tóc theo đầu các bà, các cô ở báo « Coiffure de Paris »; — chính vợ Liên vẫn coi mẫu ở « Broderie Lyonnaise » và « Tricots nouveaux » để thêu và đan cho mình và các con.

Sự phân loại của nhiều báo, còn đáp lại nhu cầu riêng của từng giới, từng hoàn cảnh, để giải quyết giúp những vấn đề sanh hoạt hàng ngày. Xin bạn đọc những tờ như « Cuisine de France » nếu muốn làm bếp giỏi, « House and Garden », nếu thích có nhà cửa đẹp đẽ; « Muscle Builder » hay « Vigor » để theo phương pháp luyện bắp thịt, « Santé d'abord »

để phòng hay chữa bệnh... Có lẽ bất cứ bạn cần hay ưa gì, đồ chữ, ca nhạc, tập đóng đồ dùng trong nhà, câu cá, bắt cáo bắt cầy, sửa chữa máy phát thanh, dùng xe scooter hay máy bay, v.v... bạn cũng có thể tìm thấy báo thích hợp.

Theo đà tiến hóa chung, thì học hỏi, doanh nghiệp, hoặc cả giải trí, đều đi tới sự chuyên môn hóa để hợp với sức mỗi người và để cải thiện; trình độ trí thức càng cao, thì cuộc đời sẽ được hay cần được tổ chức dần dần theo phương pháp hợp lý cho có quy củ và được thuận tiện hơn; nên vấn đề gì cũng đòi hỏi sự nghiên cứu tường tận, dù là dạy trẻ, đi săn, đọc sách, giữ sức khỏe, tìm nghề,... ngay về sự ăn uống, có những bài viết về lịch sử cây rau cần hoặc món nấm Truffe từ đời La-Mã, do những ông có chân trong « Hàn Lâm Viện nấu nướng » (Académie des Gastronomes)!

Ý niệm rõ rệt nhất mà Liên nhận thấy và nhớ lại mỗi lần đọc tạp chí Âu-Mỹ, là sự ham muốn thay đổi để tiến bộ không ngừng về mọi mặt.

Vì thế, các báo chí thịnh thoảng mới đưa ra những đề tài về thời cồ, nhưng hướng mạnh về ngày nay và ngày mai. Mỗi sáng chế, phát minh như hỏa tiễn, hay nhân vật mới xuất hiện như Fidel Castro, lãnh tụ Cuba, được nêu rõ bằng các đầu đề rất lớn. Báo văn chương nghệ thuật chú ý nhiều hơn tới tác phẩm hoặc tác giả mới, tới bác sĩ Jivago hay Prix Femina, hoặc Françoise Sagan hay Brigitte Bardot hơn là Victor Hugo hay Sarah Bernhardt, tới Picasso hay những lối vẽ kỳ dị tối tân (Art Fantastique) hơn là Léonard de Vinci.



Sự cần thiết theo khuynh hướng đó, nếu đã thúc đẩy các báo thi đua cải tiến cho vui đẹp hơn và thỏa mãn tính hiếu kỳ của quần chúng phương Tây, cũng đã đưa tới một vài sự trạng mà thức giả phương Đông chưa chắc sẵn lòng tán thưởng.

Mỗi ngày, thấy phô trương đầy dẫy dưới mọi hình thái, những sắc đẹp quá lộ liễu của ca nhĩ vũ nữ, có khi cả các bà các cô thượng lưu quý phái. Những tấm thân ngà ngọc của « Cover Girl » in lớn ngoài bìa xanh đỏ, được dùng để quyến rũ khách tìm... báo, để chiêu hàng cho rượu, máy hát, bật lửa, xe hơi, hoặc những thứ quần áo lót mình đáng cất kín trong ngăn tủ hơn là in lớn bên cạnh những bài nghị luận. Liên ước mong một cách trình bày trang nhã lịch sự hơn, cho xứng với cơ quan ngôn luận văn hóa.

Lại có những tờ, hầu hết bằng tranh vẽ, hài hước rất thú vị, và trận cười mười phút cũng đáng 15 đồng của bạn. Song nhiều khi mượn cớ giải trí để đưa tới những câu truyện lẳng lơ, chỉ đạt kết quả khiêu gợi đối với những tâm hồn sẵn sàng truy lạc. Liên đã trót đọc đề biết, thấy nực cười, và nghĩ rằng sự hèn ố trí não còn đáng trách hơn là sự sa ngã chốc lát của thân xác. Những vấn đề sinh lý, nếu cần, thà cứ xét phân minh trong các báo khoa học, hoặc mò xẻ hết góc cạnh trên lập trường hạnh phúc gia đình như thường thấy ở « Reader's Digest », chớ không nên dùng làm đề tài mua vui; nếu trình bày vấn đề này một cách sai lạc, không đúng chỗ, tất chẳng khỏi ảnh hưởng xấu đối với phong tục chung, và hạnh kiểm cá nhân.

Xét về phương diện này, Liên đã thấy rõ những gì cần tránh, và sự lựa chọn báo cho vợ và các con, cũng dễ dàng hơn.

Tất cả các báo nào có thể tăng kiến thức phổ thông như « Marie Claire » « Revue française », v. v. . . hoặc giải quyết hộ những vấn đề nội trợ và giáo dục, như « Arts Ménagers » hay « Femme Pratique » đều có ích cho vợ Liên cũng như cho phụ nữ nước ngoài.

Song vợ Liên cùng mấy bạn gái, thấy không cần đọc những báo chuyên về mốt tóc, móng chân, dạy cách làm cho đỡ mập, với những dụng cụ cơ giới không thể có ở xứ này (như máy Massage Thermo-actif). Bỏ ra năm lần giá mua số Bách-Khoa để kiếm một số báo ngoại ngữ và học gọi đầu hay nắm cánh tay, thì quả thiệt là vượt quá khả năng ngân sách gia đình, không thể dung hòa với nhu cầu nuôi một đàn con, và cũng khó lòng đưa tới kết quả cụ thể trả lại ngày xanh cho bốn chục cái xuân tàn !

Liên cũng muốn đề vợ giải trí; nhưng đọc sách thì hơn là mất nhiều thời giờ vì những tạp chí đầy tiêu thuyết diễm tình, dù là bài viết hay bằng tranh ảnh. Theo vợ Liên, thì loại báo đó rất có ích trong những trường hợp đặc biệt, khi muốn đỡ sốt ruột: đi máy bay, ngồi uốn tóc, nằm nhà thương, hoặc chờ ở phòng khách đợi Bác-sĩ xem cho 15 bệnh nhân nữa mới tới lượt mình !

Đối với trẻ nhỏ, những báo có tánh cách hài hước thơ ngây, như Mickey hoặc Spirou, khiến chúng ưa thích, tập nhìn kỹ tranh để hiểu rõ chữ. Nhưng Liên không mua cho chúng nhiều báo

khác, mặc dầu cách trình bày vui mắt và truyện cũng ly kỳ, vì hầu hết đều tương tự, và thiên về hảo hán chẵn bờ bên Mỹ: Johnny, Texas, Rodéo, Red Canyon, Bob Colt... Đầu đề của truyện thường là tên nhân vật chính. Phải chăng nhà báo định trưng ra những tấm gương sáng để các bạn tí hon tùy thích mà theo, chẳng Garry thì Kid Carson? Nhưng nếu quả vậy, thì chỉ có những hạng đeo súng bên sườn, và biết ném dây thòng lọng, mới đáng cho thiếu nhi mến phục? Và chẳng lẽ nhân loại hết mất anh hùng hào kiệt rồi sao?



Bàn đi tính lại mãi, rút cuộc vợ Liên bảo:

— Thiếu gì báo hay! nhưng anh lựa chọn mà chỉ nghĩ xa xôi tận đâu đâu,

không đề ý đến túi tiền. Nếu định mua đều đều những thứ anh thích, thì đây nhé: Cahier du Cinéma (bình luận về nghệ thuật điện ảnh) 35\$50. Connaissance du Monde (Hiểu biết thế giới) 63\$90. La Revue Française (Tập chí Pháp) 98\$00, và nhất là Connaissance des Arts (Hiểu biết mỹ thuật) 106\$50... Kiến thức gì mà bán đắt thế?

— Thẻ thì đành mua một La Pensée Française (Tư tưởng Pháp) có 28\$40, Life (Đời sống) có 9\$00, và Jardin des Arts (Vườn Mỹ thuật) 35\$50. Chớ không lẽ chỉ đọc « thời sự » chậm bốn hay năm tháng qua những báo 10\$00 về đường thủy!

— Nhưng trước hết cần dành tiền và thời giờ để mua và đọc một số tạp chí Việt-Nam!...

D. T.

- ✱ Không gì nguy hiểm cho quốc gia hơn là những kẻ muốn quản trị quốc gia bằng những châm ngôn lấy ở trong các sách vở. (Richelieu)
- ✱ Trăm lần nghe, không bằng một lần trông thấy (Triệu-Sung-Quốc truyện)

Thượng đức, thượng lực, thượng mưu

Nhà làm sử Trung-hoa thường cho rằng đời thượng cổ quý trọng đạo đức, nên gọi là đời « thượng đức »; đời trung cổ quý trọng sức mạnh, nên gọi là đời « thượng lực »; đời hiện tại quý trọng quyền mưu, nên gọi là đời « thượng mưu ».



(Anh đền Hùng-vương — Tỉnh Phú-thọ)

NHÂN NGÀY GIỖ TỔ

18 VỊ VUA DỰNG NƯỚC TA

LÀ

LẠC-VƯƠNG

HAY

HÙNG-VƯƠNG ?

PHẠM-HOÀN-MĨ

(Bài tiếp)

Ông Vũ-Ngọc-Phan « **đáp lại** »
ông Nguyễn - Văn - Tố về bài
« **Lạc-vương với Hùng-vương.** »

(...) « Đến câu chuyện « **Lạc-vương
với Hùng-vương** » mới là câu chuyện
to tát.

« Câu chuyện to tát, vì đã trải qua
biết bao thế kỉ, toàn dân Việt-Nam chỉ
biết ông tổ nước nhà là Hùng-vương,
đến bây giờ mới được Nguyễn tiên-sinh
chỉ bảo cho biết là Lạc-vương, không
nên gọi là Hùng-vương. Mà sở dĩ ông
Nguyễn muốn đính chính điều sai lầm ấy,
chỉ vì ông đã căn cứ vào một đoạn khảo
lược của ông Henri Maspéro !

« Trong bài « **Lạc-vương với Hùng-
vương** » ở tạp chí *Tri tân*, ông Nguyễn
đã viện Langlois, Seignobos và Monod

ra để nói đến phương pháp viết sử. Như
vậy, có lẽ nào ông Nguyễn lại không
nhớ rằng muốn viết sử, phải tra xét tài
liệu, tra xét các nguồn của những việc
mình định viết. Những nguồn ấy rất phức
tạp, nó có thể là những đền đài, cung
diện xưa, những tấm bia, những đồ mĩ
thuật, những đồng tiền cổ, nó lại có thể
là những lời truyền tụng, những chuyện
huyền, những câu phong dao, những bài
hát, nó lại có thể là những giấy tờ của
chính phủ hay của tư gia mà lúc viết ra
không phải có cái mục đích lưu truyền
hậu thế. Nghĩa là sử gia phải căn cứ
cả vào những thứ không phải là sử sách.
Vậy nếu từ đời Hồng-Bàng đến đời
Trần, ta chưa có quyền sử nào thì lẽ tự
nhiên là ta phải căn cứ vào các lời

truyền tụng và các văn thư khác đề tra cứu mấy chữ « Hùng-vương » và « Lạc-vương » :

« Riêng cái việc đời nọ qua đời kia mọi người đều truyền tụng « Hùng-vương » là Hùng-vương » cũng đã có cái ý nghĩa và cái lực lượng to tát của nó rồi ; những sách như *Việt điện u linh*, *Lĩnh-nam trích quái* do ông Lê-Dư kê ra, đề chứng « Hùng - vương là Hùng - vương », ông Nguyễn - Văn - Tố bảo đó là những « chuyện hoang đường, kì quái, không thể viện vào đây mà tin là có thực » ; nhưng ông Nguyễn cũng nên thành thật mà nhận rằng sở dĩ ông Lê-Dư viện những sách ấy ra chỉ cốt tra cứu lấy hai chữ « Hùng vương », chứ có viện những chuyện hoang đường trong ấy ra đâu.

« Ông Henry Maspéro bảo phải bỏ hai chữ « Hùng-vương » và phải gọi « Lạc-vương » mới đúng, vì ông đã căn cứ vào một quyển sách Tàu — sách *Giao - châu ngoại vực kí* — trong ấy người ta chỉ nói đến Lạc-vương, không nói đến Hùng-vương. Theo lời ông Maspéro, chữ Lạc ấy (một bên các 各 một bên duy 佳) với chữ Hùng (một bên cổ 古 [có người cho là : hữu 右,] một bên duy 佳) hơi giống nhau cho nên dễ lẫn. Thì ra tự cổ chí kim, tất cả dân Việt-Nam đã đọc lầm vì hay chữ lỏng, nên mới đi gọi ông tổ nước mình là Hùng-vương !

« Nhưng sự thật thì ông Maspéro đã lầm, cái lầm của ông do ở cách lập luận đặc biệt của ông. Ông Maspéro xướng lên một giả thuyết, rồi ông cứ theo giả thuyết ấy mà diễn dịch, nên ông đã đi xa nơi căn cứ quá.

« Chữ Lạc 洛, 洛 chỉ vào đất nước ta trong thời cổ, vậy người ngoại quốc —

như người Tàu — có gọi vua Hùng là Lạc-vương, cũng không có gì lạ. Hai chữ « Lạc-vương » đối với họ chỉ có nghĩa là : ông vua đất Lạc, cũng như Sở-vương là ông vua đất Sở, hay Việt-vương là ông vua đất Việt thôi. Còn ta nên nhớ rằng Hùng-vương là tên hay là hiệu của ông vua đất Lạc.

« Về chữ Lạc là tên nước ta, ông Lê đã căn cứ vào những sách *Châu lễ hạ quan chức phương chí*, (4) *Mạnh-tử Hán-thư*, kết luận rằng : « Từ đời Chu, đời Chiến-quốc, cho đến đời Hậu-Hán, đều đã nói đến hai chữ Lạc 洛, 洛, là nước ta. » Ông Lê cử hai chữ Lạc này ra, vì hai chữ Lạc này không thể nào lẫn với chữ Hùng 雄 được ; còn chữ Lạc 洛 mà ông Maspéro rút ra ở một quyển sách Tàu kia và bảo là dễ lẫn với chữ Hùng thì theo sự tra xét của ông Lê, nó « chỉ là tên một con sông, chứ có phải là tên nước Việt ta đâu. »

« Cái lý trên này của ông Lê - Dư rất chắc chắn : ông đã đi từ cái giả thuyết lầm chữ của ông Maspéro đề tra cứu riêng về chữ và so sánh riêng về chữ ; vậy không hiểu tại sao, sau khi đã cắt đầu cắt đuôi đoạn trên này của ông Lê-Dư (5), ông Nguyễn Văn-Tố lại còn có thể viết được rằng : « như thế thì bỏ chữ Hùng, theo chữ Lạc mới phải » ?

(4) Về cái nhan đề này, có quyền đề là chí, có quyền đề là thị, không phải nhất định là chữ thị như lời ông Nguyễn-Văn-Tố.

(5) Và vì e độc giả có thể hiểu lầm về ý chính của toàn bài bởi ông Nguyễn-Văn-Tố chỉ trích có vài đoạn nhỏ, nên ông Vũ-Ngọc-Phan bèn sẽ trích đăng nguyên văn bài ông Lê - Dư ở kỳ sau. Và ông đã giữ lời.

« Thế mới biết trong việc đính chính những điều sai lầm về văn chương và lịch sử, cần phải có óc phẩm bình sáng suốt, nếu không thì chỉ có thể ở trong vòng biên chép vụn vặt, linh tinh. »

Nhơn cuộc tranh luận đề gọi tên mười vị vua đầu của nước ta cho đúng, chúng ta được biết thêm một quan niệm về việc đính chánh những điều sai lầm về văn chương, về lịch sử, cùng phương pháp viết sử. Quan niệm và phương pháp của nhà phê bình họ Vũ không giống với quan niệm và phương pháp của nhà khảo cổ có biệt hiệu Ứng-Hoè.

Một ít bất bình lộ trong chỗ nói về việc ông Tổ « cắt đầu cắt đuôi » đoạn quan trọng của ông Dư, rất nhiều gay gắt chứa trong đoạn kết, khiến chúng ta ngại ngừng thay cho những cuộc hơn thua trên mặt giấy để cố tìm chân lý.

Và hẳn hương hồn mười tám vị vua dựng nước chúng ta mà có hay biết rằng gần năm ngàn năm sau khi nước Văn-lang góp mặt với thế gian này, con cháu mình — vì muốn gọi tên hiệu mình cho đúng — mà phải mất niềm hòa khí, thì chẳng rõ hương hồn các vị tổ ấy sẽ buồn cười hay buồn tủi ?



[Vì muốn bài này được kết thúc trong dịp giỗ Tổ năm nay (kỷ-hội : 1959), nên chúng tôi phải bỏ bớt những đoạn sau đây :

— Người sau cùng : ông Ngô-Đức-Kinh.
— Một kết luận của Phạm-Văn-Sơn.—
Một chú thích của Hoàng-Xuân-Hãn.—
Một sử biện của Tản-Đà.— Vài ý kiến về gốc nguồn chữ « Lạc » : Đào-Duy-Anh, chim hậu điều về loài ngỗng trời ;

Hồ-Hữu-Tường, con chim biết trốn tuyết ;
Hoàng-Thúc-Trâm bác Đào-Duy-Anh và Hồ-Hữu-Tường ; Dân-Tâm thêm một chữ « lạc » nữa và bác giả thuyết hai họ Đào, Hồ.]

HENRI MASPÉRO : người trước nhất...

« Les premiers rois annamites portaient le nom ou le titre de Hiong wang (Hùng-vương) 雄王. « On rapporte qu'il y eut dix-huit générations de rois qui tous s'appelèrent Hùng-vương », dit le *Việt sử lược*, et un demi-siècle plus tôt, le *Việt điện u linh tập* raconte une légende où il mentionne les rois Hùng-vương. On trouve le nom plus anciennement encore dans le *Tai ping houan yu ki*, qui cite à deux reprises un passage du *Nan-Yue tche* de Chen Houai-yuan : « Le territoire de Kiao tche était extrêmement fertile ; le prince s'en appelait le roi Hiong (Hùng) 雄王 » La tradition remonte ainsi jusqu'au V^e siècle de notre ère, et paraît bien établie. Mais il se présente une difficulté. La même phrase se retrouve dans le *Chouei king tchou* qui la tire non pas de *Nan-Yue tche*, mais du *Kiao-tcheou wai yu ki*. Or cet ouvrage, au lieu de *hiong* (hùng) 雄 écrit *lo* (lạc) 雒. Les deux caractères se ressemblent tellement que la confusion entre eux était facile. Il est évident que l'un d'eux provient d'une faute de copiste ; mais qu'elle est la vraie leçon ? Un troisième ouvrage ancien, le *Kouang-tcheou ki* nous donne heureusement la solution du problème en écrivant le caractère *lo* 雒 (lạc) qui ne prête pas à confusion ». Le nom traditionnel annamite est faux et doit être écarté : il n'y a jamais de rois *hùng*, mais seulement des rois *lạc*.

« Dans ce cas encore, l'erreur dépasse les plus anciens auteurs annamites et remonte jusqu'aux écrivains chinois. Au reste les historiens annamites ont entrevu l'erreur sans oser la corriger. Un commentateur du *Toàn thư* déclare que « le nom de *lạc-tướng* 貉將 fut plus tard changé par erreur en *hùng-tướng* 雄將 » Mais il n'a pas reconnu que la même erreur portait sur le titre des rois : Le *Lĩnh-nam trích quái* en effet, dont ce passage du *Toàn-thư* n'est qu'un abrégé, écrit 貉侯 et 貉將 mais 雄王.

« Notre connaissance de l'organisation politique du Tonkin avant la conquête chinoise se réduit à quelques lignes que les divers ouvrages anciens ou récents recopient à satiété. Le texte le plus ancien, et en même temps le plus clair et le plus développé, le *Kiao-tcheou wai yu kị* du IV^e siècle dit : « Autrefois, au temps où le Kiao-tche n'était pas encore divisé en commanderies et sous-préfectures, son territoire formait les champs lo (lạc) 離田, où l'eau montait et descendait suivant la marée. Les habitants labouraient des champs pour en tirer leur nourriture ; c'est pourquoi on les appelait le peuple lo (lạc). Il y avait le roi lo (lạc) 離王, et les marquis lo 離侯 qui étaient à la tête des commanderies et des sous-préfectures. Dans les sous-préfectures, il y avait beaucoup de chefs lo 離將. Les chefs lo recevaient (au temps des Hán) un cachet de cuivre avec ruban vert ». Le *Kouang-tcheou kị* tel que le cite le *Che-kị so yin* présente le même texte, mais sous une forme tellement abrégée qu'elle est presque inintelligible. Enfin le *Nan-Yue tche* donne

les mêmes faits sous une forme un peu différente. « La terre de Kiao-tche est extrêmement fertile. On y transporte des gens pour la peupler ; ce sont eux qui les premiers surent la mettre en culture. Le sol est noir et meuble ; ses exhalaisons sont viriles, (雄 *hiong, hùng*) ; c'est pourquoi aujourd'hui on appelle ces champs « champs *hiong* (*hùng*) » et ce peuple « peuple *hiong* ». Il y a un chef, 君長, qui est appelé le « roi *hiong* » ; et celui-ci a des fonctionnaires qui sont également appelés « marquis *hiong* ». Le territoire est partagé entre les « chefs *hiong* ».

(*Études d'histoires d'Annam.*
Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient,
tome XVIII, n^o 3 — 1918)

Chúng tôi xin dịch :

« Những vị vua đầu tiên Annam mang tên hoặc hiệu Hùng-vương. Sách *Việt sử lược* nói : « Người ta nói lại rằng có mười tám đời vua đều gọi là Hùng-vương » và nửa thế kỷ trước, sách *Việt điện u linh* thuật lại một chuyện đời xưa trong đó có ghi tên các vua Hùng-vương. Xưa hơn nữa, người ta thấy tên Hùng-vương trong sách *Thái bình hoàn vũ kị* có dẫn chứng đến hai lần một đoạn sách *Nam-Việt chí* của Trầm-Hoài-Viễn : « Đất Giao-chi rất mực phì nhiêu ; vua đất ấy gọi là vua Hùng 雄王 ». Vậy thì truyền thuyết đi ngược lên cho tới hết kỷ thứ V sau Tây-lịch, và truyền thuyết này chắc hẳn là đúng. Song hiện ra một điều khó khăn này. Cũng câu trên kia lại thấy trong quyển *Thủy kinh chú*, và quyển này không phải trích câu trên trong *Nam-Việt chí* mà trong *Giao-châu ngoại vực kị*. Mà quyển này, thay vì viết hùng 雄 lại viết lạc 離. Hai chữ ni

giống nhau đến nỗi dễ lộn chữ này với chữ kia. Rõ ràng là do một người chép lại nào đó chép lộn chữ nọ ra chữ kia ; mà bài học thật sự trong vụ này là sao ? May thay, một quyển sách xưa thứ ba, quyển *Quảng-châu kí* giải quyết vấn đề này cho chúng ta bằng cách viết chữ *lạc* 略 không thể lộn lẫn với chữ khác (14). Cái tên cổ truyền của người Annam thế là sai và cần phải gạt qua bên : không bao giờ có những vị vua Hùng, mà chỉ có những vị vua *Lạc*,

« Trong trường hợp này, sự sai lầm vượt khỏi các sử gia xưa Annam mà còn đi ngược lên tới các sử gia Trung-quốc. Và chẳng các sử gia Annam có thoáng thấy chỗ lầm mà không dám sửa. Một bình luận gia bộ *Toàn thư* nói rõ rằng « tên *lạc-tướng* 略將 sau vì lầm mà biến đổi thành *hùng-tướng* 雄將 (15). Song ông ta lại không nhìn nhận rằng hiệu vua cũng vì cái lầm đó mà biến đổi : quả vậy, phần trích trên chỉ là một đoạn tóm tắt trong quyển *Lĩnh-nam trích quái*, quyển này viết 略侯 : *lạc hầu* và 略將 *lạc - tướng* mà lại viết 雄王 *Hùng-vương* (16).

« Điều chúng ta biết về cách tổ chức chánh trị ở Bắc-kì trước thời Bắc-thuộc chỉ vồn vẹn có mấy hàng mà các sách xưa hoặc nay chép lại đến chán chê. Đoạn văn xưa nhất và cũng là đoạn văn rõ nghĩa nhất và đầy đủ nhất trong quyển *Giao-châu ngoại vực kí* viết ở thế kỉ thứ IV, đoạn văn

(14) « Che-ki » (*Sử ký*), k. 113, 1b. (Tất cả những chú thích trong đoạn trích này đều của ông Henri Maspéro.)

(15) « Đại Việt sử kí toàn thư, ngoại kỉ, q. 1, 3a

(16) « Lĩnh-nam trích quái », q. 1, 15 a

này nói : « Thuở xưa, thời mà đất Giao-chỉ còn chưa chia ra thành thái địa và quận huyện, thì đất đai tạo thành *lạc-điền*, dân tùy theo nước triều lên xuống trong ruộng ấy mà cấy cày để sống ; vì đó mà người ta gọi dân Giao-chỉ là *lạc-dân*. Có *lạc-vương* và *lạc-hầu* cầm đầu các thái địa và quận huyện. Trong các quận huyện, có nhiều *lạc-tướng*. Các *lạc-tướng* (về đời nhà Hán) lãnh một cái ấn đồng với một cái băng xanh (17). » Theo sách *Sử kí sách ẩn* thì sách *Quảng-châu kí* trình bày cũng đoạn văn đó song dưới một hình thức rút ngắn đến nỗi nó thành ra không thể hiểu được. Sau rốt, sách *Nam-Việt chí* đưa ra cũng những sự kiện đó dưới một hình thức hơi khác một chút : « Đất Giao-chỉ rất mực phì nhiêu. Người ta đi dân đến đây ; chính những người dân này là những người đầu tiên khai khẩn đất này. Đất đai thì đen và xởi, hơi dất xông lên hùng dũng 雄 ; nhân thế mà bây giờ người ta gọi những ruộng đó là « *hùng-điền* » và dân đó là « *hùng-dân* ». Có một vị quân trưởng, gọi là « *hùng-vương* », và vị này có những ông quan cũng gọi là « *lạc - hầu* ». Đất nước thì chia cho những « *hùng tướng* ».

(Khảo cứu về Nam-sử. — Kỉ yếu trường Bắc-cổ Viễn-dông, quyển XVIII, số 3, 1918)



Đọc đến đây, chắc các bạn đã thấy mệt, như người bị dẫn quanh đi quẩn lại trong đám rừng già. Vậy, chúng tôi xin tóm tắt hai thuyết trên kia, rồi sau cùng sẽ xin góp ý.

(17) « *Giao-châu kí* » k. 37, 7a. Của Tăng-Còn, sách *Tàu ở cuối thế kỉ thứ IX*.

Theo thuyết LẠC-VƯƠNG :

1.— Sử ta đều căn cứ theo sử Tàu đã có từ lâu ; vậy những gì chép về nước ta trong sử Tàu là đúng hơn.

2.— Hai chữ « **Lạc-vương** » xuất hiện — trong sử Tàu — trước hai chữ « **Hùng-vương** » đến trăm năm.

3.— Chữ « **Lạc** » 貉 với chữ Hùng 右佳, 雄 rất giống nhau, một chữ phai mờ hay bị dán nhầm, thì người chép lại ít học hay sơ ý để lầm chữ **Lạc** ra chữ **Hùng**.

4.— Chữ **Lạc** là chữ tượng hình, chữ **Hùng** là chữ hội ý ; chữ tượng hình có trước, chữ hội ý có sau ; chữ có trước phải là chữ đúng.

5.— Vua cha là **Lạc-Long-quân**, thì các dòng vua con cháu nối tiếp, phải là **Lạc-vương** mới hợp với theo đạo cha (phụ đạo). (18)

6.— Sử của ta ở cuối thế kỷ XV cũng có ghi : « **Lạc-tướng** sau lầm là **Hùng-tướng** (**Lạc-tướng** hậu ngoa vi **Hùng-tướng**). »

7.— Những tên « **Hùng-vương** » hay « **Hùng-Hiến-vương**, **Hùng-Chiêu-vương**, **Hùng-Oai-vương**, **Hùng-Nghị-vương** » là những tên mà sau này những người viết thần tích, viết truyện hoang đường, quái dị, bịa ra.

Theo thuyết HÙNG-VƯƠNG :

1.— Việc nước nào, người nước ấy ghi, người nước ấy khảo, mới đúng. Cũng như tên thuộc về dân tộc nào, thì dân tộc đó nói mới đúng,

(18) Nhưng họ lại quên mất rằng cha của **Lạc-Long-quân** hiện là **Kinh-Dương-vương**.

2.— Chữ **Lạc** mà phát theo thuyết **Lạc-vương** cho là lộn với chữ **Hùng** ấy chẳng phải là chữ **Lạc** 貉 có nghĩa là sông, mà chữ **Lạc** có nghĩa là nòi **Lạc**, viết hai cách : 駱 và 貉, mà hai chữ này thì chẳng thể nào lẫn lộn được với chữ **Hùng** : 雄.

3.— Viết sử, cũng như đính chính những điểm, những tên trong sử, chẳng phải chỉ có tra sách khảo sử là đủ, mà còn phải tìm xem những tài liệu không phải là mực đen trên giấy trắng : đèn đài, ca dao, bài hát, những chuyện truyền tụng trong dân gian...

Mà những tài liệu này đều đồng thanh bảo : **Hùng-vương**.

4.— Sử-gia nước ta vốn học sâu, hiểu rộng, thận trọng, đều ghi **Hùng-vương** (trừ **Lê-Tắc** đã nô lệ sách Tàu và bị xem như người Tàu ; còn một câu bình luận ngắn ngủn trong « **Đại-Việt** sử ký toàn thư », ngoại kỷ : « **Lạc-tướng** hậu ngoa vi **Hùng-tướng** » thì không đủ sức nặng để bầy hai tiếng « **Hùng-vương** ».)

5.— Tiếng nói có trước chữ viết rất lâu ; mà người nước ta từ đời nọ truyền qua đời kia : vua Tồ nước ta là **Hùng-vương**, thì sức mạnh và ý nghĩa của nó quả là chưa có gì hơn được.

6.— Người Tàu họ ghi vào sách sử họ **Lạc-vương**, thì cũng như họ gọi vua chúng ta là **Giao-chỉ quận-vương** hay **An-nam quốc-vương** : vua nước **An-nam**, vua quận **Giao-chỉ**, vua nước **Lạc**, có khác nào **Hán-vương**, **Sở-vương**, **Việt-vương**... Còn **An-nam quốc-vương** đó tên gì, **Giao-chỉ quận-vương** họ chỉ, **Lạc-vương** kia hiệu gì, thì chúng ta : nòi **Lạc**, dân

Giao-chi, người « An-nam », chúng ta phải biết rành hơn họ chứ ?

Vua nước Lạc, vua nòi Lạc tên là Hùng, hiệu là Hùng-vương, sao lại chẳng phải là sự thật ?



Xin gọi là đề kết luận

Chẳng biết các bạn đã quá mệt mỏi hoặc quá bức bối lúc theo chúng tôi cho « đến chốn này » chẳng ? Và đã thờ dài nhẹ nhõm khi thấy mấy chữ « Xin gọi là đề kết luận » này chẳng ?

Chúng tôi cũng thấy trước rằng quả là một chuyện nhỏ nhặt, vụn vặt, tụn mủn,

tần mẫn... Lạc-vương hay Hùng-vương, thì cũng là tên Tồ ta. Chúng tôi cũng đã nghĩ như các bạn. Nhưng là người Việt sống vào thời mà mấy tiếng « **thống nhất đất nước** » nằm ở lòng mọi người, mà mấy tiếng « **thống nhất danh từ** » nằm ở trí mọi người, mà mấy tiếng « **thống nhất cách viết** » nằm ở đầu mọi ngòi bút, mà mấy tiếng « **thống nhất hành động** » nằm ở miệng mọi chánh trị gia, thì *nhân ngày giỗ Tồ*, cố làm con một sách con con đề hiến các bạn một số ý kiến về hai thuyết Lạc, Hùng hầu — nếu các bạn muốn — các bạn dễ bề suy, luận, chọn, bỏ, đặt « **thống nhất tên hiệu mười tám vị vua Tồ đã dựng nước ta** », âu cũng là như ngâm lại một cách khác mấy câu

MỘT TIN MỪNG

Hẳn các bạn còn nhớ năm ngoái, nhằm ngày giỗ Tồ, « Bách-Khoa » số 33 (15-5-58) có đăng bài

« **Cây : cội ; nước : nguồn ; người : ?** »

của bạn *Trần-Hồng-Hưng*. Đề kết luận, bạn mong rằng « *ngày giỗ Tồ phải là ngày quốc lễ* ».

Năm nay, hầu hết các báo đều có bài nhắc nhở đến ngày lịch sử vô cùng ý nghĩa này, mà nồng nhiệt nhất là nhật báo « Cách-mạng quốc gia ».

Cho nên hội « Khổng học Việt-Nam », với sự tham gia của các đoàn thể văn hóa, tôn giáo, chính trị trong nước, đứng ra tổ chức ngày giỗ Tồ tại Thảo-cầm-viên, (mùng 10 tháng 3 âm dương lịch, nhằm 17-4 dương lịch). Ngày giỗ Tồ năm nay hứa hẹn rất mực nghiêm trang và trọng thể, nhất là được sự hưởng ứng nồng nhiệt của toàn thể quốc dân đã mong đợi từ bấy lâu nay.

Thế là báo chí nước nhà đã đạt được nguyện vọng mình phần nào. Chắc rằng, ngày mà *giỗ Tồ thành ngày quốc lễ*, ngày ấy hẳn không xa.

BÁCH-KHOA

ca dao phát ra từ lòng dân từ xưa từ xưa :

« Cây có gốc mới nở ngành xanh
ngọn,

« Nước có nguồn mới bề rộng sông
sâu.

« Ai ơi ! nên phải nghĩ sâu,

« Có tiên tổ trước, rồi sau có
mình. »

— Còn anh ? Anh theo ai ? Maspéro, Nguyễn - Văn - Tố ? Hay Lê-Dư, Vũ-Ngọc-Phan ?

— Thật ra thì chúng tôi chẳng theo ai, mà đã chọn lựa ; và từ lâu.

Chúng tôi cho rằng : trên cả những sách Tàu sách Tây, chắc hơn những tờ a, tờ b, nặng hơn bia khắc mã tô, đậm hơn mực đen giấy trắng, sâu hơn lý này luận nọ, chứng đó cứ đây, quý hơn trống đồng vùi lấp, đèn đài rêu phong, là tiềm thức của người dân Lạc-Việt, từ thừa định cư ở

bờ sông Nhị đến lúc dừng chân ở cửa sông Khung (một tên của Cửu-long-giang.)

Ngưng tận đáy lòng, lắng trong tiềm thức, khắc sâu nơi trí, người dân Việt thường luôn luôn như cây nhớ cội, như nước nhớ nguồn, như chim nhớ tổ này, có phải chăng là những tiếng thiêng liêng : đi lên núi Hùng, đi thăm miếu Hùng, đi hội đền Hùng, đời Hùng-vương thứ ... »

Mực Tàu đen nào, sơn Tây đỏ nào mà bôi mà xóa được những tiếng thiêng liêng, cồ kính, đã khắc sâu nơi trí, đã ngưng tận đáy lòng, đã lắng trong tiềm thức của người dân thường nòi Lạc - Việt từ thuở rất xa xưa ...

Ngày giỗ Tò thứ 2217
(mùng 10 tháng 3 âm dương lịch
năm mậu-tuất)

PHẠM-HOÀN-MI

PHỤ

1.— Tiếng Lạc, tiếng Hùng có bao nhiêu chữ ghi ? Và nghĩa mỗi chữ ?

Chúng tôi đã tra và đã nhờ tra : Hán-Việt từ điển của Đào-Duy-Anh, Việt-Hoa-Pháp tự điển của Eugène Gouin, Khang-Hi tự điển để trả lời hai câu hỏi mà chúng tôi chắc rằng đã đến với các bạn, một khi đọc đến chữ cuối của bài này.

A.— LẠC :

1.— 洛 : tên một con sông ở Trung-hoa, nơi rửa thần hiện.

2.— 貉 : một loài thú, giống con li.

3.— 駱 : một thứ ngựa đen bờm trắng ; lạc-dà ; tên một chủng tộc.

4.— 騊 : một thứ ngựa đen bờm trắng.

5.— 𪚩各 = 各𪚩 : một thứ chim nước, một loại chim mùa (theo thời tiết, tùy khí hậu mà ở, mà đi, mà về).

6.— 𪚩 : một thứ bò vá.

7.— 瑒 : chuỗi ngọc.

8.— 絡 : cuốn dây ở xung quanh.

9.— 落 : nói về cây rụng lá ; rơi...

10.— 烙 : đốt lửa cho nóng.

11.— 樂 : vui mừng.

12.— 躑 : (cũng đọc là lếch) xuất chúng, cao đẳng.

B.— HÙNG :

1.— 熊 : con gấu, tượng trưng cho sức mạnh về binh bị.

2.— 雄 : loài chim đực, chim cha ; loài thú đực ; người có sức mạnh ; đồng cảm.

Khang-Hi tự điển ghi : « Theo sách « Nhĩ nhĩ » thích nghĩa về loài chim thì : khi cánh mặt che đậy (úp lên) cánh trái, đó là *hùng*, khi cánh trái che đậy (úp lên) cánh mặt, đó là *thư* (Điều đực hữu iềm tả hùng, tả iềm hữu thư.)

Chữ *hùng* này gồm : 隹 *chuy* : loại chim cánh ngắn và 厶 mà người thì cho là biến dạng chữ 古 *cô* : cũ, xưa, người thì cho là biến dạng chữ 右 *hữu* : bên mặt.

II.— Trong « *Journal asiatique* », quyển 243, tập 4, xuất bản tại Paris năm 1955,

ông Émile Gaspardone có khảo về « *Lạc-diễn và Hùng-diễn* » (Champ Lo et champ Hiong), và Lạc hay Hùng, sau khi trích dẫn sách Tàu, sách Việt xưa nay, viết : « Để làm sáng tỏ bao nghi ngờ của chúng ta, chỉ còn nhờ địa lí và sử kí. Hai môn này cho chúng ta biết thêm, mà không giải quyết ».

[Il reste, pour éclaircir nos doutes, le recours à la géographie et à l'histoire. Elles nous instruisent sans résoudre. »]

III.— Chúng tôi xin cảm tạ các bạn đàn anh : Lâm-Công-Quận, ở hội Hồng-thập tự Việt Nam, Vương-Hồng-Sên, ở viện Bảo-tàng Việt-Nam, Lê-Ngọc-Trụ, ở Thư viện Nam-Việt, nhà văn Nguyễn-Hiến-Lê, nhà thơ Đông-Hồ, nhà nhạc Lê-Thương, đã chỉ tìm, cho mượn tài liệu và góp ý đề bài này được như thế nì.

PHẠM-HOÀN-MỸ



NÊN THƠ NHƯ BỒ-TÙNG-LINH

nhưng

KHOA HỌC NHƯ EDGAR POË :

TÂN LIÊU-TRAI của PHONG-NGẠN

(Tân-Phong-Hiệp đề tựa)

Quyển sách thứ nhì của nhà

BẾN-NGHỀ

45 truyện ma xây dựng, hấp dẫn từ trang đầu đến trang chót. Một không khí đầy dẫy hồ lí và đầu lâu mà gió khoa-học thổi qua, vén màn huyền hoặc lên, vạch trần những sự thật đau thương hay buồn cười.

Trình bày kỳ lạ chưa từng thấy, công trình của một họa sĩ Anh, thuộc dân tộc sành chuyện ma như thế giới.

● TRẦN-VĂN-KHẾ



TRONG giai đoạn cổ điển, có hai nhạc sĩ mà những người đồng thời và nhất là các nhạc sĩ đời sau đều kính vào bậc tổ sư là Johan-Sebastian Bach (Yo-han - Xê-bát-xơ-tiên - Ba-khơ) và Georg Friedrich Haendel (Jo-jo For-ri-đơ-ri-khơ - Hen-đơl). Hai người đều sanh tại nước Đức cách nhau 27 ngày, Bach (Ba-khơ) tại Eisenach (Ai-zơ-na-khơ) ngày 21 tháng 3 và Haendel (Hen-đơl) ngày 23 tháng 2 năm 1685 tại Halle-sar - Saale (Ha-lơ-xuyệc-Sa-lơ) (1). Hôm nay, nhân cuộc kỷ niệm đệ nhị bách châu niên ngày nhạc sĩ Haendel (Hen-đơl) từ trần, chúng tôi nhắc

NGÀY NHẠC SĨ

G. F. HAENDEL

TỪ TRẦN

17-4-1759 - 17-4-1959.

qua, tiểu sử của người nhạc sĩ sanh tại nước Đức, chết tại nước Anh, để lại cho hậu thế những nhạc phẩm tuyệt vời, đặt nền móng cho lối nhạc cổ điển, người mà các nhạc sĩ Haydn (Hai-đơn) Mozart (Mô-tsát), Beethoven (Bê-thô-fan), Schumann (Su-manh) Listz (Li-tơ) đều tôn là bậc thầy.

Cha của nhạc sĩ Haendel, làm thị vệ chuyên khoa mổ xẻ cho công tước Sasce-Weissenfels (Xắc-xơ - Vai-xơn-fen-xơ). Ông có hai đời vợ. Thuở 20 tuổi, cưới một góa phụ lớn hơn ông 10 tuổi và lúc đúng 60 tuổi, cưới con gái một ông mục sư tại Giebichenstein (Ghi-bi-khiên-S'tai-nơ). Cô này tên là Dorothee Taust (Đô-rô-thê - Tao-xơ-tơ) và nhỏ hơn ông 30 tuổi. Ông được 4 con với bà vợ sau và đứa thứ nhì là Georg Friedrich Haendel (Hen-đơl).

(1) Xin nhắc lại rằng lúc ấy nhạc sĩ Pháp Jean Philippe Rameau (Jăng-Phi-lip-Ra-mô) đã được 17 tháng và nhạc sĩ Domenico Scarlatti (Xơ-cạc-lat-ti) chào đời ngày 25 tháng 10 năm 1685 tại Napoli (nước Ý).

Thuở nhỏ Haendel đã có khiếu về nhạc. Năm lên sáu, đêm đêm đã lén xuống hầm dưới nhà đánh đàn *clavecin* (1) (cờ-la-vơ-xanh). Đàn ấy do một người cô tên Anna cung mà đề cho chớ cha của Haendel muốn cho con học luật. Công tước Sasce thấy đứa bé có khiếu về nhạc nên đã can thiệp với người cha đề cho đứa bé học nhạc. Nhờ thế mà nhạc sĩ Wilhelm Zachow (Vi-lem-Tsa-khơ-vơ) có dịp dạy cho cậu bé *Haendel* đàn đại phong cầm (*orgue*), học khoa *đối điểm* (*contrepont*) và học sáng tác. Ngoài ra, Haendel còn học thêm đàn *clavecin* (cờ-la-vơ-xanh) đàn vĩ cầm (*violon*) và kèn *hautbois* (ô-boá).

Năm 1697, mồ côi cha, Haendel nể ý muốn của cha cố đeo đuổi học luật trong mấy năm trời. Nhưng đã giữ chân đàn đại phong cầm tại Domkirche (Đôm-kiệc-khơ). Rồi sau, theo tiếng gọi của âm nhạc, năm 1703 đến Hambourg (Hăm-bua) vào đồn vĩ cầm trong giàn nhạc của Ban đại ca kịch (*Opéra*). Kết bạn với nhạc sĩ Mattheson (Mat-thi-zôn) và hai người đến Lübeck (Luy-bách) để nghe nhạc sĩ Dietrich Buxtehude (Đi-ê-tờ-ri-khơ-Búc-xơ-tơ-hu-đơ) đàn đại phong cầm. Nhạc sĩ Buxtehude muốn về hưu nhưng ngày xưa, muốn được chân nhạc sĩ chánh thức của nhà thờ Marienkirche (Ma-ri-ên-kiệc-khơ), ông đã phải cưới con gái của ông Tünder (Tuyệt-đơ) người nhạc sĩ trước ông tại địa vị đó... Ngày nay, ai muốn được địa vị của ông phải cưới con gái ông. Chẳng

(1) Đàn *clavecin* là một loại *đá* cầm như đàn piano (dương cầm). Mỗi lần ngón tay nhịp trên phím ngà là có một sợi dây bị một móng sắt bứt ra tiếng. Trong đàn piano, có búa bằng gỗ bọc ni chớ không có móng sắt.

biết cô gái ấy nhan sắc thế nào mà nhạc sĩ Haendel năm đó được 18 tuổi, cùng bạn là Mattheson nghe đàn xong rồi trở về Hambourg, và hai năm sau J.S. Bach (Ba-khơ) cũng làm y như thế.

Năm 1704, Haendel sáng tác, thánh ca kịch « *Passion Selon Saint Jean* », và hai đại ca kịch (*opéra*) *Almira* và *Nero* mà đầu năm 1705 được đem ra biểu diễn. Công chúng rất hoan nghinh, nhưng vì nhà hát không phát đạt, nên Haendel rời Ham-bourg sang Ý. Đi khắp các đô thị lớn Florence (Phờ-lô-răng-xơ). La-mã (Rome) Naples (Na-pơ-lơ) Venise (Ve-ni-zơ) kết bạn với nhạc sĩ Ý danh tiếng như Scarlatti (Xơ-ca-rơ-lát-ti) Marcello (Ma-rơ-che-lô) Corelli (Cô-re-li) và Pasquini (Pa-xơ-ki-ni), Haendel được vào cung diện các hoàng thân Ý và nổi danh đàn đại phong cầm và đàn *clavecin*. Nhờ giám mục Steffani đỡ đầu và giới thiệu, Haendel nhận chức giáo đường ca trưởng của vương hầu tại Hanovre. Lúc sang Luân-đôn để trình bày một đại ca kịch, Haendel được hoàng hậu Anne thích, nên sau khi về Hanovre một ít lâu, lại sang Luân-đôn với ý định trở nên nhạc sĩ chánh thức của triều đình Anh. Nhưng hoàng hậu Anh băng hà, vương hầu tại Hanovre được nối ngôi và lập nên dòng Hanovre với danh hiệu George thứ nhứt, Haendel sợ vua George (Djooc-jơ) giận nhạc sĩ ngày xưa bỏ xứ Hanovre sang Anh, nhưng vẫn được vua trọng dụng. Haendel sáng tác rất nhiều. Đến năm 1737 bị bại nhưng nhờ dưỡng bệnh tại Aix la chapelle (Ach-xơ-la-sa-pe-lơ) được lành ngay. Năm 1741 được mời sang Ái-nhĩ-lan (Irlande), Haendel ở đấy trong chín tháng và sáng tác tôn-

giáo nhạc kịch *Messias* (Mê-xi-á-xơ) nhạc phẩm được dân chúng thích nhất thời bấy giờ.

Năm 1751, trong khi sáng tác màn thứ nhì của tôn-giáo nhạc kịch *Iephta* (Y-ê-phơ-ta) nhạc sĩ bị mù. Cỗ viết xong tôn-giáo nhạc kịch ấy, rồi nhạc sĩ trong bảy năm sống thừa, không viết nhạc nữa mà chỉ là công việc từ thiện, thỉnh thoảng đàn đại phong cầm trong mấy hôm trình bày tôn-giáo nhạc kịch tại nhà hát lớn Covent Garden (Cô-vân-gác-đơn) Luân-đôn. Lần đầu sau cùng, nhạc sĩ tỏ ý muốn được từ giả cõi đời ngày Chúa phục sinh, và năm 1759 ngày thứ bảy 17 tháng 4, 8 giờ sáng nhạc sĩ Haendel từ trần. Đám táng cử hành ngày 20 tháng 4 và Haendel được chôn trong nhà thờ Westminster (U-ê-xơ-tơ-min-xơ-tơ) nơi an táng những vĩ nhân người Anh.

Không thể kể hết nhạc phẩm của Haendel trong phạm vi một bài báo. Chúng tôi chỉ nhắc rằng sự nghiệp nghệ thuật của Haendel gồm có 40 đại ca kịch (opéra) 122 song ca (duo), bài ca 3 bè (trios) hay những bài loại *cantate* (căng-ta-tơ) (1), 37 bài loại mô phạm khúc (sonate) cho nhiều nhạc khí khác nhau. 13 bài «concerti grossi» (công-xê-ti-gờ-rốt-xi) cho giàn nhạc; 12 bài concerto (công-xê-tô) «đổi hòa tấu khúc» cho đàn đại phong cầm và giàn nhạc vô số bài hát bình dân để hát vào những dịp hội hè và 32 tôn giáo nhạc kịch (oratorio).

Nói đến tài nghệ của Haendel luôn luôn người ta nghĩ đến J.S. Bach (Ba-khơ). Hai nhạc sĩ cùng sanh trong một năm,

trước sau 27 ngày và cách nhau hơn 30 dặm tại nước Đức. Đến ngày già trước khi chết hai nhạc sĩ đều bị mù mắt.

Haendel sau bỏ nước Đức sang nước Anh và hiện nay, người Anh coi Haendel là nhạc sĩ của họ. Bach sanh trưởng và gửi thân tại nước Đức.

Haendel sống trong các triều đình, giao thiệp với hoàng thân, công chúa. Bach thường sống tối tăm trong các giáo đường mặc dầu có lúc Bach làm nhạc trưởng cho công tước Saxe Weimar (Xác-xơ-Vai-ma) và cho hoàng thân Anhalt (Anh-han-tơ). Trong đời Haendel vắng bóng người thiếu nữ. Hình như chỉ có cô đào hát Victoria Tarquini (Vich-tô-ri-a - Tắc-ki-ni) đóng vai chính trong tuồng *Rodrigo* (Rô-đờ-ri-gô) của ông lần đầu tiên tại Florence (Phờ-lô-răng-xơ) đem lại chút mềm mại trong đời nhạc sĩ. Haendel, chỉ thương mẹ mà không để ý đến những bóng hồng lai vãng trong đời ông. Haendel không con và trái lại Bach có 22 người con và 2 đời vợ: người vợ trước là em họ Maria Barbara Bach (Maria Bạc-ba-ra Ba-khơ) sanh cho nhạc sĩ 8 người con và 18 tháng sau khi góa vợ, nhạc sĩ cưới cô Anna Magdalena Wülken (A-na - Mắc-đa-lê-na - Vuyên-cân) và người vợ sau sinh cho ông được 14 đứa con.

Sinh đồng thời, hai người không có duyên gặp gỡ nhau. Năm 1729 lúc Haendel về quê thăm mẹ, Bach có sai con là William-Friedman (Uy-liêm-Phờ-ri-đờ-man) đến yết kiến và mời Haendel đến Leipzig (Lai-pơ-txi). Nhưng Haendel không có đáp lời mời ấy. Chẳng biết rõ vì bận việc, hay không cần gặp gỡ Bach vì lúc ấy Haendel được danh tiếng lẫy lừng hơn Bach nhiều.

(1) Về định nghĩa của những loại, xin bạn đọc coi bản phụ sau bài này.

Hai người đều sáng tác rất nhiều nhưng Haendel chuyên về lối đại nhạc kịch (opéra) và tôn giáo nhạc kịch (oratorio) Bach chuyên nhất về lối nhạc tôn giáo.

Nhạc Haendel phải chăng vì đời sống của nhạc sĩ, có vẻ « bệ vệ », quan cách nhưng lại dễ nghe, dễ hiểu. Nhạc của Bach đượm màu tôn giáo nhưng nhiều khi khó nghe khó hiểu. Xem qua tất cả nhạc phẩm của hai người chúng ta thấy rằng Haendel chịu ảnh hưởng của Corelli (Cô-re-li) (1) còn Bach chịu ảnh hưởng của Vivaldi (Vi-val-di) (2) Haendel có sáng tác những bài hát nhỏ, loại dân ca, còn Bach chỉ sáng tác những bài hát lớn loại tôn giáo. Haendel chỉ sáng tác nhạc, Bach có dạy nhạc và viết sách dạy nhạc về mặt lý thuyết. (3)

Hai nhạc sĩ đều có ảnh hưởng sâu sắc với các nhạc sĩ đời sau : Nhạc sĩ Glück (Gờ-lúc-kơ) (4) bắt chước lối sáng tác đại nhạc kịch của Haendel.

Haydn (5) (Hai-đơn) khi nghe nhạc của Haendel năm 1791 tại Luân-đôn phải nhận : « Người đáng là bậc thầy của chúng ta cả ». Mozart (6) (Mô-txa-tơ) phục Haendel như một vị thần và học nhạc của Haendel nhất là sau khi Van Swieten (Phấn - Xơ-vi-tơ-n) mang nhạc của Haendel từ Anh quốc về Đức quốc. Beethoven

(Bê-tơ-fan) (7) nói đến nhạc sĩ Haendel với tất cả tấm lòng mến phục : « Tự cổ chí kim, chưa ai hơn nhạc sĩ Haendel. Ước gì tôi được quì trước mộ của người.

« Haendel vĩ đại như thế, giới » nhạc sĩ Listz (8) đã nói thế, mà có lẽ đó cũng là ý kiến của những nhạc sĩ theo phái cổ điển bên Âu-châu.



Định nghĩa một vài danh từ chuyên môn

Cantate : Là một bài hát có nhiều đoạn, bắt đầu có từ thế kỷ thứ XVII, bên Âu-châu. Có loại « căn tát » để hát ngoài thế tục gọi là « cantate profane » hay là cantate de chambre (căn tát loại phòng nhạc,) và loại « căn tát » hát trong nhà thờ hay các giáo đường gọi là cantate d'église.

Concerto : một lối đối hòa tấu khúc. Có 3 thứ concerto :

1. *Concerto vocal* : (thanh âm đối khúc) bắt đầu có từ thế kỷ XVI, một bài hát tôn giáo có phần nhạc phụ họa. Thường giống như loại cantate.

2. *Concerto grosso* : Tiếng Ý nên số nhiều viết là « concerti grossi. » Dùng để chỉ một loại nhạc do một giàn nhạc biểu diễn. Nhưng giàn nhạc chỉ ra hai nhóm : một nhóm độc tấu gọi là « concertino » và nhóm hòa tấu gọi là *ripieno* hay là *grosso*. Hai nhóm hoặc chen nhau hay hòa với nhau. Bắt đầu có từ năm 1674.

3. *Concerto* hay là *Concerte pour Soliste* :

(7) Nhạc sĩ Đức (1770 — 1827).

(8) Nhạc sĩ Hung-gia-Lợi (1811-1886)

(1) Nhạc sĩ Ý (1653 — 1713)

(2) Nhạc sĩ Ý (1678 — 1714)

(3) L'Art de la fugue (nghệ thuật viết tấu khúc)
Le clavecin bien tempéré — (Cây đàn Clavecin thật điều hòa)

(4) Nhạc sĩ Đức (1714 — 1787)

(5) Nhạc sĩ Đức (1732 — 1809)

(6) Nhạc sĩ Đức (1756 — 1791)

NHÂN DỊP KỶ NIỆM ĐỆ NHỊ BÁCH CHÂU NIÊN

Bắt đầu có từ đầu thế kỷ thứ XVIII. Cũng như loại concerto grosso nhưng một nhóm độc tấu của giàn nhạc còn rút lại có một nhạc khí độc tấu và hòa tấu với cả giàn nhạc.

Opéra : đại nhạc kịch, đại ca kịch.

Tất cả các vai đều hát từ đầu đến cuối. Không có lối lối chỉ có những đoạn hát ngân nga không nhịp nhứt định gọi là *récitatif*. Bắt đầu có từ cuối thế kỷ thứ XVI.

Oratorio như một bài *cantate* lớn. Thường có nhiều nhân vật và bài hát gồm có nhiều đoạn theo các loại :

1) *Aria* một nhạc khúc dài do 1 giọng hát hay 1 nhạc khí biểu diễn.

2) *Arioso* : 1 nhạc khúc chỉ riêng cho giọng hát, không có nhịp nhứt định như loại *récitatif*.

3) *Récitatif* : nhạc khúc mà giọng bổng trầm và tiết tấu mau chậm đều tùy theo câu nói.

4) *Duo* : khúc hát 2 giọng.

5) *Trio* : khúc hát ba giọng.

6) *Choeur* : đoạn hợp ca.

Passion : một ca kịch diễn lại đời của Chúa Jésus theo các sách Phúc âm (Evangile). Bắt đầu có từ thời kỳ Trung cổ. Cũng như *Oratorio*, một thánh ca kịch *Passion* gồm có những đoạn : *aria*, *arioso*, *récitatif* *choeur* và *choral* : một thánh ca bắt nguồn trong dân ca.

Trio : thường là một bài hát có 3 bè khác nhau.

Chữ *trio* có thể dùng với nhiều nghĩa.

1) Vào thế kỷ thứ XVII và đầu thế kỷ thứ XVIII, chữ *trio* hay là *sonate à trois* dùng để chỉ một bài nhạc viết cho 4 cây đàn (2 cây vĩ cầm (violon) 1 cây *viola de gambe* (loại đàn lớn hơn cây vĩ cầm mà nhỏ hơn đàn *violoncelle* (trung vĩ cầm), và cây đàn *clavicin*).

2) *Trio* : thời kỳ cổ điển : dùng để chỉ những bản nhạc cho đàn piano (dương cầm) violon (vĩ cầm) *violoncelle* (trung vĩ cầm) có khi bản nhạc viết cho 3 cây : violon (vĩ cầm) alto (thứ vĩ cầm) *violoncelle* (trung vĩ cầm).

3) *Trio d'orgue* : 1 bài nhạc cho đại phong cầm (orgue) có 3 phần : 2 phần cho hai bậc phím và 1 phần dùng chân đạp.

4) *Trio vocal*. Trong 1 bài hát *cantate* hay một đại nhạc kịch 1 đoạn hát do 3 nhân vật hoặc hát chen nhau hoặc hát chung.

5) *Trio*, Đoạn giữa của 1 bài nhạc có điệp khúc.

TRẦN VĂN KHÊ



CẦN RẤT GẤP

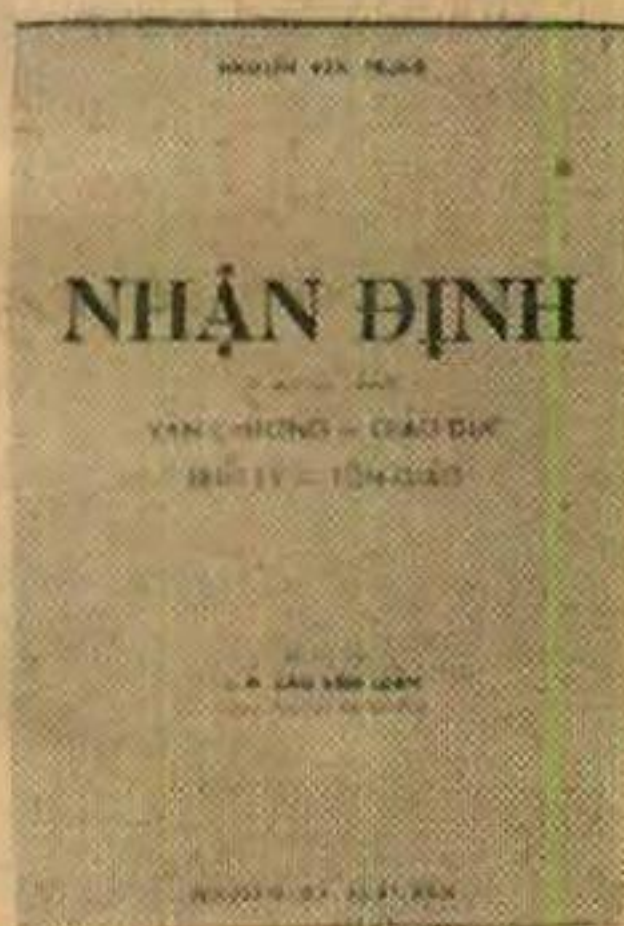
Một cây đàn *li ba cũ*, tiếng tốt, để cho một bạn nhạc sĩ dùng trình bày cổ nhạc Việt ở Âu-Mỹ.

Xin liên lạc với :

Ngũ-Í Nguyễn-Hữu-Ngư
đo Bách-Khoa
160 Phan-Đình-Phụng
SAIGON

ĐIỂM SÁCH

● NGUYỄN-ANH-LINH



DỰ A vào lời giới thiệu của vị viện trưởng Đại Học Huế « Tolle et lege », tôi đã cầm lấy và đọc văn tập « Nhận Định ».

Văn tập gồm những bài Văn chương, Giáo dục,

Triết học, Tôn giáo. Nhiều bài đã được đăng lên các báo và Độc Giả Bách - Khoa đã có dịp tiếp xúc với « người trong tác phẩm Saint Exupéry », « Cái nhìn », « Tự Tử ». Nay được thấy các bài đó đăng lại thành sách, chắc ai đã ưa nó đều mừng thầm, vì là những bài có giá trị. Tôi sẽ không nói đến.

Những lời nói đầu của tác giả đơn sơ, và làm cho chúng ta suy nghĩ : triết lý không tách biệt đời sống ; triết lý bắt đầu ở những việc nhỏ mọn, tầm thường : cái nhìn, nụ cười, một nỗi niềm, một cảnh chết chóc... Triết lý giúp ta thức tỉnh, mặc cho những việc nhỏ mọn, mà

Tác phẩm : Nhận Định

Tác giả : Nguyễn-Văn-Trung

Nhà xuất bản : Nguyễn-Du

dày : 125 trang Giá 35\$.



chúng ta coi là tầm thường trên, một ý nghĩa cho chính cuộc đời ta.

— Ý nghĩa tạm thời hay trường cửu ? Thiết tưởng tác giả quá khiêm tốn khi bảo triết lý không bao giờ đem lại một giá trị phổ quát, vì là triết lý của một người nhìn đời theo con mắt của mình. Văn hay, cái nhìn và cách nhìn là riêng tư, là của một người, nhưng ai cấm, nếu cái nhìn đó là cái gì sâu xa, nó không thể không làm cho mọi người rung cảm vì đã gây được xúc động : quả thế, tham vọng của triết lý là muốn được nghe, muốn được chấp thuận. Triết lý là một đối thoại một trao đổi nhưng đối thoại đó không có tính cách viên vông ; trái lại nó phải có những giá trị vĩnh cửu và con người sớm chầy sẽ cõi lòng đón rước chân lý.

Tuy nhiên, mỗi người đón rước một cách : đáp giải của tác giả sẽ giúp ta tìm lấy giải quyết của chính mình ta. Đến đây, khi theo các triết gia Hiện Sinh Âu-châu công giáo hay không công giáo, tác giả đừng để cho nhiều người ngộ nhận : một

phần nào đề đối lập với các triết học về thực thể hay thực tại. (Philosophie des Essences) quá trừu tượng, phổ quát, đôi khi quá hình thức, phái Hiện Sinh (Philosophie de l'Existence) đề cao tính cách đặc biệt, duy nhất của mỗi sinh linh : đời sống cá nhân là một cái gì vô song, bất khả thay thế... nên phái đó đã nhấn mạnh vào các hiện tượng bề ngoài, nhưng không phải là một lý do để làm lu mờ hay quên hẳn thực tại : nhiều câu của Gabriel Marcel, Merleau Ponty, cũng như của tác giả có thể đưa chúng ta đến hiểu nhầm, như : « Đồng ý là đã thanh toán xong vấn đề, hết chuyện, và ai nấy thỏa mãn, không còn thắc mắc băn khoăn... Triết học định nghĩa như một lo lắng tìm kiếm không ngừng... »

— Dĩ nhiên, con người toại nguyện, con người ngừng tiến là con người đang lùi ; nhưng lo lắng để lo lắng, tìm kiếm để tìm kiếm, vô hy vọng đạt đến cứu cánh, phải chăng đó là một lý tưởng ? Chính tác giả, trang 23 cũng công nhận : « Vấn đề không phải là cắt nghĩa cuộc đời, hay xác định những điều kiện để sống, nhưng là thể hiện ngay lối Sống, thái độ trước cuộc đời đó lên. » Chúng ta không thể lựa chọn mãi, vì theo lời Pascal, « chúng ta đã lên tàu » (nous sommes embarqués !) Vâng, chúng ta là khách lữ hành (viatores) nhưng đã chọn chiều, chọn hướng, chứ không phải đi lang thang đó đây, suốt đời...



Trong « Văn chương và Siêu Hình học », tác giả đề cập đến nhiệm vụ của văn nghệ. Đặc điểm của văn hóa Âu-châu cận đại có thể tóm tắt bằng câu

của Nietzsche : « Thiên Chúa đã chết, tôi đã giết Thiên Chúa, » để con người có thể làm chủ đời mình, để con người khỏi bị gò bó, ràng buộc bởi tôn giáo. Nhưng kết quả chua cay của nỗ lực giải phóng khỏi vòng cương tỏa của Thiên Chúa là hai đại chiến, bao nhiêu tù đầy, giết chóc, bao nhiêu mảnh khoé, kỹ thuật, để làm như bản con người, bắt con người sống như con vật, sống thua con vật, ở các trại giam, giáo huấn...

Tác giả đau đớn tự nhủ : « Trước hoàn cảnh ấy, văn nghệ sĩ, triết gia không thể đứng ngoài làm khách bàng quan, tiếp tục sáng tạo, không dính líu đến cuộc đời thiết thực. Triết gia bỏ tháp ngà, văn sĩ bỏ tao đàn lăn lộn với con người ngoài phố, di cư, tù đầy... Văn chương trở thành những suy nghĩ về thân phận con người, về ý nghĩa sau cùng người đời và đời người. Văn chương là Siêu hình học ». (Trang 22 - 23.)

Lời lẽ của tác giả cảm động và mong lời cuốn được một số văn nghệ sĩ nước nhà, sống giữa thế kỷ đấu tranh cho tự do, dân chủ, như sống ở thời Tam-Quốc...

Để minh chứng tác giả dựa vào tiểu thuyết Pháp hiện đại vì nó « trình bày thân phận con người trong những khía cạnh sâu xa và phổ biến nhất của nó. » Chính đây là cái tinh túy của tiểu thuyết Pháp hiện đại ; tác giả thấy rõ điểm này : « nó không còn tính chất lãng mạn, xa thực tế, thoát ly. Văn chương hiện đại Pháp nhập thế, không phải để xoa dịu, giải trí, nhưng là gây thắc mắc, suy nghĩ để nhận định một thái độ Sống... Văn chương là tiếng kêu phản kháng

sự giết chóc, là chứng minh liên tục những thực tại đau đớn kia để chống lại thói quen hay quên của người ta. Phải làm cho mọi người luôn luôn cảm thấy những thực tại bị đất đè họ không thể đọc như đọc tiểu thuyết, khi những sự tàn nhẫn đã rơi vào dĩ vãng, biến thành lịch sử, nghĩa là tạm thời ở ngoài, không liên hệ đến đời sống hiện tại của họ » (trang 25-26.)



Ba bài về Giáo Dục muốn phân tích và giải quyết phần nào những thắc mắc hiện hữu ở Học đường Việt-nam. Chúng ta đều biết ngày nay phong trào tân giáo dục nổi lên mãnh liệt và đang lôi cuốn mọi nước. Sống giữa thế kỷ thực nghiệm, máy móc, ai ai cũng muốn học đường phải sát với thực tế, bớt trừu tượng, phải cho học nghề...

— Tôi rất tán thành tác giả khi tác giả đứng dậy phản đối lối giáo dục mệnh danh là tân kỳ đó, nhưng thực ra đang xô đẩy con người xuống dốc: « Muốn giảm lược nhiệm vụ nhà trường vào việc đào tạo nghề nghiệp tức là đánh lạc mục đích chân thực của nhà trường. Nếu nhà trường không bảo đảm một cách chắc chắn cho học sinh có công ăn việc làm khi thôi học, thì không phải lỗi tại nhà trường, nhưng tại mức sống của dân chúng. Việc không thể cho con đi học, hay tiếp tục học, không phải tại nhà trường, nhưng tại hoàn cảnh xã hội. Sở dĩ phụ huynh chỉ lo cho con cái có nghề khi học xong là vì kinh tế gia đình eo hẹp. Cho nên vấn đề không phải biến đổi nhà trường thành một nhà máy, đào tạo

công nhân, công chức, nhưng là tìm cách nâng cao mức sống của dân chúng ta » (trang 30).

Tôi đã có dịp phê bình Sắc lệnh của Bộ Quốc Gia Giáo Dục về chương trình mới, ở Bách-khoa số 45, và lấy làm khó chịu khi thấy Bộ bắt chuyên khoa ngay ở cấp Trung Học. Tác giả ở đây cũng viết: « ... Trong ngành giáo dục nay, nhất là ở tiểu học và trung học, không thể nói đến chuyện trực tiếp đào tạo chuyên môn, vì ngành này có mục đích trau dồi văn hóa thôi ! Do đó, giữa nhà trường và xã hội, tất nhiên phải có sự khác biệt nhau. Nhà trường không là một xã hội nhỏ, phản ánh đời sống thực tế; nhưng là nơi suy tưởng, khảo cứu, giảng dạy và đào tạo... Lúc học tập không phải là lúc hành động. Ý kiến muốn đồng hóa nhà trường và xã hội là nhầm lẫn lúc học tập với lúc hành động, bắt trẻ con sống như người lớn... » (trang 31).

Một lần nữa mong Bộ sớm sửa đổi một chương trình mà nếu đem áp dụng, e sẽ làm tổn thương cho cả một thế hệ.

Chỉ trích phương pháp giáo dục quá trừu tượng, và cho rằng nhiều môn như Toán, Triết lý là vô dụng, thì không hiểu học đường muốn dạy cho ta « một phương pháp làm việc, biết quan sát, suy luận, phê bình... Người đã học toán có đầu óc quen suy luận và diễn tả một cách sáng sủa, mạch lạc, có chứng minh. Người học văn chương có lẽ khi ra đời sẽ quên Nguyễn-Du sinh năm nào, truyện Kiều có bao nhiêu câu. Nhưng cái còn lại là phương pháp phê bình... » (trang 31).



Bài « Báo Chí và Giáo dục » đề cập đến thi cử và dư luận báo chí, một dư luận mà theo tác giả, thiếu sáng suốt, phương hại đến ban giám khảo, có tính cách quá khích và phỉnh nịnh. Tác giả ước mong « làng báo trở về vị trí mình ».

— Nhưng tác giả nên nhớ tác giả đang đứng vào địa vị « ban giám khảo » để phân trần, sao tránh khỏi thiên lệch : cách thi cử của nước nhà đâu phải là hoàn hảo !... Nhưng ai cũng đồng ý với đoạn kết luận của tác giả : « Chúng ta muốn xây một nền học chính xứng đáng với một nước độc lập, mong tiến bộ mãi, mà chỉ tiến bộ nếu không biết quản ngại, chấp nhận cái khó, chúng ta cũng hiểu tình trạng nhà trường và đời sống học sinh hiện nay còn cần được cải thiện rất nhiều về vật chất cũng như tinh thần. Nhưng ta không muốn lười biếng, ỷ lại, nhất là không ư phỉnh nịnh... » (trang 39)



Giáo giới và phụ huynh nên đọc « Tìm hiểu tâm tình đạo đức của học sinh ngày nay ». Tác giả phân tích những nguyên nhân làm biến đổi tính tình học sinh, làm cho chúng trở nên hoài nghi, bất chấp những giá trị luân lý, « mà học sinh ngày xưa đã chấp nhận một cách kính cần, tuyệt đối. » (trang 41)

Nước nhà đang trải qua một cuộc đảo lộn về lối sống, về quan niệm con người : chế độ thực dân, phong kiến đang nhường chỗ cho một trật tự mới : trật tự đó sẽ thế nào ? « Bao lâu chưa xác định được rõ ràng nội dung thiết thực của nền nhân bản mới đó, thì chúng ta chưa biết căn cứ vào đâu để giáo dục và những lời chỉ trích phê bình chương trình, lối học chỉ là bàn

quanh trong cái vòng lẩn quẩn, vì không biết đi đâu hay dựa vào cơ sở nào để hướng dẫn, đào tạo, phê bình. » (trang 42)

— Nhưng vạch ra một chương trình, thì có thể làm được, còn thi hành chương trình là rất khó. Có lẽ vì hành động hiện giờ một phần nào không đi đôi với lý tưởng hay vì ngập ngừng, nên đã gây ra cơn khủng hoảng về tinh thần giữa giới trí thức.

Lý do thứ hai của sự mâu thuẫn, hoài nghi, bất mãn, là trong khi muốn sống cuộc đời hoàn toàn mới mẻ, tự do, dân chủ, học sinh lại có cảm tưởng bị kiềm hãm, trói buộc bởi những cái mà họ coi như là đã thuộc về dĩ vãng. « Nói cách khác, tâm tình học sinh đã thay đổi, nhưng lối trình bày luân lý vẫn như cũ. » (trang 43)

— Chúng ta cần hiểu tác giả : luân lý một phần nào đổi thay, ít nhất đổi thay ở cách trình bày, đó là chưa nói đến nội dung và chính tác giả đã thử bàn về luân lý với một tinh thần mới cho học sinh đã hấp thụ óc khoa học.



Triết lý. Phương pháp dùng đề quan sát « Cái nhìn », cũng được áp dụng trong « Hồi hận », « Thông cảm », « E lệ », « Tự tử ».

« Lòng ân hận biểu lộ sự giao tranh không phân thắng bại giữa tội ác và tiếng nói lương tâm. Lòng hối hận biểu lộ sự thất bại của tội lỗi và chiến thắng của lương tâm (trang 56)... người ân hận là người tuyệt vọng vì là tù nhân của dĩ vãng... (trang 57) « Duda và Phêrô đều phạm tội phản bội. Tội nặng bằng nhau ;

nhưng ân hận của Duda đưa đến tuyệt vọng và thất cồ, còn hối hận của Phêrô đưa đến hy vọng vinh quang... » thật là « tội sinh phúc ». Felix culpa !



Nói đến « thông cảm » tức là nói đến « cô đơn ». Và chúng ta cô đơn vì chúng ta sống chung với người khác, và càng giao thiệp, càng hoạt động, càng cảm thấy cô đơn khi bị hiểu nhầm ! nhưng cô đơn khác cô độc. Người tu hành, nhà khảo cứu trong cảnh vắng vẻ rừng núi hay phòng thí nghiệm là cô độc mà không cô đơn vì vẫn thông cảm với xã hội bằng cầu nguyện, sách vở. Trái lại ở gần nhau không phải là điều kiện thiết yếu của thông cảm, và ta có thể cô đơn giữa đám đông xã hội. Cho nên ta cảm thấy cô đơn khi chỉ mình hiểu mình ở giữa những người khác. Vậy người khác là điều kiện thiết yếu của cô đơn.

Tự trung, con người chỉ cô đơn vì muốn thông cảm, và cô đơn là một thông cảm thất bại. Và thông cảm « là giúp đỡ nhau chịu đựng để tự giải phóng, chứ không phải trách nhiệm hộ, chịu đựng hộ, vì không ai có thể trách nhiệm cuộc đời người khác. » (trang 66)

Tình yêu là một hình thức của thông cảm, nhưng yêu nhau không phải tìm cách chiếm đoạt nhau như một vật sở hữu : yêu là tự hiến, là hy sinh, là cởi mở, mời gọi nhau tham dự vào con đường lý tưởng, vào một giá trị tinh thần, là kết hợp với nhau trong một thực tại vượt mọi tâm hồn.



Trong bài « E lệ », tác giả chủ trương sở dĩ chúng ta có tình cảm đó là vì chúng ta vừa xác lẫn hồn : « E thẹn vì xấu hổ con vật trong tôi... E thẹn chính là giao điểm của tinh thần và thể xác... không có tình cảm nào diễn tả địa vị lơ lửng của người giữa Thiên Thần và loài vật một cách rõ ràng hơn sự e lệ kín đáo. »

Nghĩa là duy con người mới e thẹn, và e thẹn trước hết do chính bản chất con người.

Nhưng rồi tác giả nói tiếp : « Sự e thẹn bắt tôi phải trung thành với các giá trị thiêng liêng mà tôi mang trong tôi, cái giá trị xác định tôi hơn con vật... Xấu hổ là tiếng phản kháng tinh thần, của con người luân lý, khi tôi hành động mà « phớt » tinh thần đi, y như tôi chỉ là con vật » (trg 71). Nghĩa là muốn khỏi e thẹn, những hành động của ta cần phải hướng thượng.

— Giả thuyết của tác giả, vì đây chỉ là một giả thuyết, có tính cách quyến rũ, hấp dẫn, nhưng không khỏi làm cho chúng ta hoài nghi. Duy tâm lý thực nghiệm mới có thể giải quyết phần nào vấn đề đó.

Theo tác giả, Thiên thần không thẹn, vì không có xác. Thực ra có những cái thẹn không lệ thuộc vào xác. Dù sao, tác giả cũng như chúng ta, không ai có thể đi sâu vào bản tính Thiên thần được và hiểu rõ tâm tình của họ.

Hiểu loài vật cũng là cái khó. Loài vật có bản năng, nhưng bản năng có nhiều cấp, từ côn trùng đến loài khỉ : những thí nghiệm của Kohler cho ta hay loài khỉ, vượn có những cảm tình và trí khôn không kém trí tuệ của trẻ lên hai, tức là khi trẻ bắt đầu học nói. Riêng

tôi, tôi đã có ý xem xét thái độ của một con chó người bạn : ai cũng biết loài chó là loài cận thị, chỉ nhận rõ từ 10 đến 15 thước thôi, nhưng nhờ thính giác và khứu giác mà biết được chủ ở đằng xa đến. Một hôm, trời mưa, tôi lại gần nó, nó dăm dăm nhìn vui vẻ vẫy đuôi, chạy đến quẩn quít tường là chủ nó, nhưng rồi dăm ra dờ dẩn, mắc cỡ, có vẻ « e thẹn », xấu hổ. — Khi viết :

« Honteux comme un renard qu'une poule aurait pris... » phải chăng La Fontaine cũng cho rằng loài vật biết thẹn ?...

Về loài người cần khảo sát tâm hồn trẻ em : những cảm xúc, như vui thú, buồn sầu, sợ hãi, giận dữ, thống khổ... đã xuất hiện vào mấy tháng đầu ; còn ghen tuông, sau 7, 9 tháng ; thông cảm, khoảng sau hai năm, mới có.

Lên 15, 30 tháng, xem ra trẻ mới có quan niệm về chính thân thể mình. Cũng là tuổi mà theo Freud, trẻ có những mặc cảm như tự tôn mặc cảm, tự ti mặc cảm, mẫu dục mặc cảm...

Nhưng lên 4, trẻ trở nên rụt rè, e thẹn, nhút nhát : Homburger gọi là tuổi « duyên dáng ». Tuổi này, dĩ nhiên, chưa biết được cái gì phải làm, cái gì phải tránh, chưa hiểu tội và lỗi, chưa có lương tâm.

Theo thiên ý tôi, căn cứ vào những sự kiện trên, có thể nói rằng « e thẹn » liên hệ đến vấn đề bành trướng cơ thể, là một « cảm tình nguyên thủy ». Phải chăng nó là một « tình cảm có tội » ? Phật giáo nói đến nghiệp báo ; công giáo nói đến tội tổ tiên và Adong, Eva ở địa đàng khi còn thân mật với Thiên Chúa vẫn trần trướng,

nhưng không e thẹn. Đàng khác, chủ trương e thẹn vì có xác là miệt thị thân thể, miệt thị vật chất, và sớm chầy sẽ đi đến thuyết yếm thế.



Tôn giáo

« Khoa học hiện đại và đức tin Công Giáo ».

Đề viết bài này, và một phần nào đề một số độc giả khỏi ngạc nhiên, tác giả đã cho biết tài liệu tham khảo như J. Ladrière Cha Doudeyne, Cha Dubarle, Paul Ricoeur.

Tác giả cố nêu lên giải pháp giúp tư tưởng công giáo vượt khỏi mâu thuẫn của thế kỷ 19.

Tác giả tóm tắt lịch trình tiến triển của khoa học và thần học thời Trung cổ : khoa học đồng hóa với triết học và triết học đặt trên căn bản thần học ; cũng như giáo quyền và chính quyền không phân biệt nhau « Trung cổ sụp đổ từ Phục Hưng, Giáo Hội mất phần uy quyền trên phạm vi hiện thế. Khoa học xuất hiện, trưởng thành làm rạn vỡ lâu đài văn hóa Trung cổ xây trên thần học », (trang 86) và phong trào ly khai của khoa học khỏi thần học hiện đang bành trướng để đi đến mâu thuẫn gay go.

Quả như tác giả nói, nếu bây giờ tư tưởng Công giáo biết tiếp nhận những đòi hỏi và khám phá của khoa học, thì có thể xây lại một hệ thống tổng hợp mới, nhưng khoa học quá ư độc đoán và thần học bị coi là huyền hoặc tất nhiên tìm cách thủ thân vi đại. Đó là một cái gì đau đớn và đã gây nên biết bao tai hại.

— Dĩ nhiên, chúng ta có thể nói điều đó cách dễ dàng, một phần nào vì chúng ta không ở trong cuộc, thực ra những đòi hỏi phải có yếu tố thời gian : trước đây ở nước nhà, nói đến đèn mà mưa không làm tắt, hay xe hai bánh đi không ngã là có thể coi như « phản động ». Mãi đến nay mới có ô tô máy đặt đằng sau hay phi cơ phản lực, vì động cơ thay ngựa và ngựa thì kéo, chứ không đùn !

Dù sao, khi công giáo thức tỉnh, thì hơi chậm : khoa học và đức tin hoạt động trên hai lãnh vực khác nhau. Phải, người công giáo không cần cầu cứu đến khoa học để biện chứng đức tin của mình ! « Chính tại sự áp dụng nguyên tắc nhân giả khoa học vào vấn đề Thiên Chúa là nguồn gốc vô thần hiện đại » (trang 90).

Ngày nay, chúng ta vẫn đứng trước những phát minh của khoa học đang đảo lộn mối tương quan giữa người với người, giữa người với vật. Thành thực mà nói, đà tiến khoa học quá nhanh, làm cho chúng ta lúng túng, làm cho các vị thẩm quyền, những nhà triết học, thần học phân vân chưa biết xoay sở ra sao, vì vấp phải những vấn nạn chưa từng gặp về mọi phương diện.

Vì thế chúng ta buộc phải sống trong chờ đợi. Như các báo đăng, về mặt công giáo, sắp mở một công đồng toàn thể Giám mục hoàn cầu, nhóm họp tại Roma để tìm cách thích ứng với thời đại đề, như tác giả nói, đức tin « thánh hóa bên trong con người toàn diện, thánh hóa mọi ngành hoạt động hiện thể trong tinh thần tôn trọng tự lập của chúng » (trang 92).



Đây là những nhận xét của một thanh niên công giáo trước yêu sách của đức tin. Tác giả cảm thấy nước nhà « biến thành một xứ đạo thanh bình, thỏa mãn », vì « chính sách truyền đạo chưa được nghiên cứu một cách quy mô, vì thiếu đường lối, một căn bản lý thuyết vững chắc soi sáng và hướng dẫn hành động (trang 94).

— Công giáo đã ảnh hưởng sâu rộng vào nước nhà và ngày nay giới ưu tú điều khiển vận mệnh Quốc gia phần đông xuất thân ở các trường công giáo. Nhưng thành thực kiểm thảo, ta thấy công giáo ngày nay ngập ngừng e lệ, đang giữ thế thủ hơn là thế công, hàng giáo phẩm xem ra không đồng tâm nhất trí...

Tác giả đã mạnh bạo vạch ra các khó khăn mà công giáo đang vấp phải : khó khăn về tín lý, con người hiện đại, con người đang cố tìm đường tự giải phóng mình khỏi mọi xiềng xích nô lệ, thực dân, phong kiến, không khỏi cho rằng công giáo « đã tỏ ra bất lực chẳng những không còn khả năng giải quyết những vấn đề mới của thời đại mà còn là một lực lượng bảo thủ, phản tiến bộ, phản khoa học, phản dân chủ... Đạo chỉ là một giải pháp dễ dãi quá, làm cho người ta ỷ lại, và trốn tránh những nhiệm vụ ngay ở đời này » (trang 96).

— Ai đã đi sâu vào vấn đề, ai đã tiếp xúc với giới trí thức, không khỏi không nghe thấy những chỉ trích trên, mà một phần nào chính thái độ của nhiều giáo dân đã làm dịp cho họ lẫn lộn Công-giáo và người Công-giáo. Ghandi cũng đã nói : « Tôi mến phục Chúa Giêsu, tôi bắt phục những người theo đạo Ngài. »

Cái khó khăn thứ hai là : « đối với đồng bào không Công-giáo, người Công-

giáo phải chịu cái tiếng bán nước, tuy nhiều khi chỉ là những thiên kiến oan uổng. »

Theo Charles Maybon, Histoire d'Annam, thời bấy giờ, Anh, Hòa-lan đang muốn thôn tính nước nhà, và một phần nào vì sợ rồi đây nước Việt sẽ theo Anh-Giáo hay Thệ-phản, nên các vị Thừa sai Pháp đã nhúng tay để giúp nhà Nguyễn... Đọc qua các thư của Đức Giám Mục Pigneau de Béhaine, chúng ta có cảm tưởng đó thật.

Dù sao chăng nữa, chúng ta vẫn đứng trước sự kiện lịch sử không thể chối cãi : nước Việt được người Pháp giảng đạo và 80 năm nước Việt đã trở nên thuộc địa của Pháp.

Tác giả phần này « một số nhà thần học và phần lớn công-giáo lầm rằng : Đạo đã nhập thể vào Văn minh Âu-châu đến một trình độ quá cao, tuyệt mỹ, hoàn hảo ; vậy nếu các dân tộc và văn minh khác muốn nhận được ánh sáng Phúc Âm, không những phải nhận tín lý công-giáo, phần siêu việt, phổ quát, bất biến, mà còn phải nhận cả lối diễn tả và sống đạo Âu-châu : phong tục, lễ nghi, phụng vụ, triết lý, thần học. » (trg 97)

Lời chỉ trích xác đáng, nhưng nên nghĩ rằng bấy giờ người Việt, thất trận, đầy tự ti mặc cảm, muốn bắt chước Âu Tây về mọi mặt từ tiếng nói, cách ăn, nếp ở... Giáo dân cũng lâm vào con đường đó, muốn xây những giáo đường kiểu Tây, hát cung Tây... Các vị thừa sai có muốn chống lại cũng bất lực.

Thực ra chính Bộ Truyền Giáo ngày 10-11-1659 đã ban bộ một sắc lệnh cực

kỳ quan trọng, có một giá trị vô song cho các vị truyền giáo : Sắc lệnh viết cho « các Đức Giám mục sắp đi đến nước Trung-hoa, Tonkin, Cochinchine ». Phần thứ 3 nói đến cách truyền giáo : gây nên những Linh mục và Giám mục bản quốc ; xa lánh chính trị ; đừng đòi hỏi đặc ân, tòa án riêng biệt ; đừng nhận một chức vụ đời, đừng nhận làm cố vấn cho Vua Chúa. Đừng thuyết phục các dân tộc đó, để họ thay đổi lễ nghi tập quán của họ, trừ phi các điều đó trái hẳn với tôn giáo, luân lý. Không gì phi lý bằng mang nước Pháp, nước Tây-ban-nha, nước Ý hay một nước Âu-châu nào khác vào nước Trung-hoa. Có thể nói được rằng mọi người đã sẵn có ghi tạc vào lòng một tình yêu mãnh liệt đối với tập quán của mình và đối với xứ sở của mình. »

Vì không ai để ý đến hay không nghiên cứu kỹ càng, có lẽ trừ Đức Cha Pallu, nên việc truyền giáo đã một phần bị tổn thương. Nhưng thực ra, con đường đã được vạch sẵn, một cách thật là sáng suốt, cách đây 300 năm !

Vì thế, như tác giả viết, « lối sống đạo của chúng ta làm cho chúng ta trở nên những người xa lạ trước đồng bào không Công-giáo »... « Trong đoàn thể dân tộc, người công-giáo sống như một người ngoại quốc đối với đồng bào mình... » (trang 97)

— Thiết tưởng, tác giả ở đây đòi hỏi quá đáng.

Bình tĩnh mà xét, chúng ta thấy có nhiều tư tưởng quá mới nên ít được người theo. Lời cách mệnh nhất trong công giáo : « Hãy trả cho César cái gì thuộc César... »

nghĩa là cần phân quyền đạo và đời, nhưng mãi đến thế kỷ thứ 19, 20 mới thấy được thi hành ! Tuy nhiên thỉnh thoảng phải có người sáng suốt đề nhắc lại cho chúng ta hay, nhưng rồi nhắc tại này ra tại kia. Cần nhớ luật Hégel về lịch sử : chính đề — phản đề — tổng đề. Trước khi đạt đến cảnh kiến trúc tuyệt mỹ của viện Bác cổ và Đại học Hà-Nội, nơi gặp gỡ giữa Đông và Tây, muốn hay không muốn ta phải qua những cách kiến trúc « lai căng cóp lại Âu Châu một cách vụng về, thô kệch... » (trang 97) như tác giả nói vì không thể chịu được luật đó, nên tác giả muốn Việt-Nam, một nước có đạo đang vẫn chuyển theo lối Trung cổ đầy tình cảm, đột nhiên biến thành một tôn giáo kiểu thế kỷ 20 ! Sách Catholisme của cha Lubac, với những tư tưởng cứu rỗi đoàn thể thánh hóa quốc gia, cũng chỉ cách đây 20 năm thôi !

Trên lý thuyết ai cũng muốn « cải tổ lại phụng vụ. Lễ nghi, tôi trình bày đạo (triết lý, thần học) đề thích hợp với tâm hồn và khung cảnh văn hóa dân tộc của người Việt-Nam » (trang 101)

— Nhưng cải tổ thế nào ? và thế nào là hợp với tinh thần dân Việt ? Chắc không phải là công việc của một người hay của một thể hệ.

Đàng khác trong giáo hội vẫn có một kỷ luật, đâu có thể làm bừa được !

Tuy nhiên, tôi không muốn chủ trương khoanh tay tọa thị, nhưng vẫn cảm thấy đó chưa phải là cái cần. Mấy trang cuối của tác giả kể phạm vi Thiên Chúa đủ để minh chứng điều đó. Sau cơn hăng hái, tác giả khiêm nhường suy gẫm. Đây là một bài nguyện ngấm sâu xa cho những ai

hành động tông đồ. Phải, cái mình muốn, vị tất Chúa đã muốn ; cái chương, cái vô lý, cái xa lạ, cái bất hợp thời trong đạo, vị tất đã là chương, đã là vô lý... chữ bế tắc, « thắng lợi, kết quả, thất bại không có một ý nghĩa đức tin » (trang 103). « Nhìn và hành động theo con mắt đức tin nữa, không phải chỉ dựa vào khoa học, kỹ thuật, tuyên truyền lý trí... » (trang 103). Một người nằm liệt giường có thể cứu rỗi nhân loại hơn chúng ta đang tung hoành khắp nơi...

« Có lẽ việc truyền giáo lớn lao, cao cả quá, không thể vội vã, hấp tấp, thiếu sửa soạn. Có lẽ Đức tin, Chân lý, Mặc khải thánh thiện quý giá vô cùng, nếu lãnh hội một cách dễ dãi sẽ làm cho nó trở nên tầm thường... » (trang 102)



Từ bi Phật Giáo và Bác ái Công Giáo.

Thái độ của Á-Đông đối với tôn giáo là một thái độ dung hèn, bất chấp nguyên tắc siêu hình, chỉ lưu tâm đến luân lý. « Quan niệm theo đạo vì chân lý là lý do cắt nghĩa tại sao, Âu-Châu có những chiến tranh tôn giáo và ở Á-Đông không có. » (trang 105)

Chính thái độ mềm dẻo, thái độ dĩ hòa vi quý làm cho chúng ta ngày nay khó nhận định ở tâm hồn người Việt cũng như Trung-hoa cái gì thuộc Lão giáo, cái gì thuộc Khổng-giáo, Phật-giáo... !

Công-giáo trái lại nếu bị đồng hóa với các tôn-giáo khác sẽ mất hết lý do tồn tại, và vì thế khi truyền sang Việt-Nam đã bị bách hại.

— Ở đây tác giả nên phân biệt : « dung hòa », « đồng hóa » ở tôn giáo là thêm bớt, là xuyên tạc tôn giáo đó. Nhưng một tôn giáo cần được khai triển. Với nguyên tắc sẵn có, chúng ta có thể áp dụng vào những vấn nạn của thời đại. Mở rộng, nhưng vẫn thủy chung.

Khi các báo chí của Phật-giáo ngày nay bàn về giá trị con người, nhân vị, khoa học... hỏi họ đã làm gì ? Dung hòa hay khai triển ?

Tất cả vấn đề là ở đây : Phật-giáo thuần túy có chủ trương nhân vị, khoa học không ? Hay ít ra có tiềm tàng những mầm mống đó không ?

Tác giả đã dày công sưu tầm, và kết luận một cách thận trọng : « Đạo Phật tiêu thừa có lẽ đã phủ nhận sự tồn tại của người khác, và như thế, từ bi bác ái theo nghĩa thông thường không thể có trong đạo Phật... (trang 109)

« Trong lục độ có bố thí, một hành động của lòng từ bi. Nhưng làm phúc, bố thí không phải vì thương người mà mình làm phúc, muốn tiêu diệt đau khổ lẫn thân vật chất, tinh thần, bệnh hoạn, bảo vệ sự sống của người khác, vì nếu dễ bảo vệ, tức là vẫn công nhận sự tồn tại là tốt, như thế là trái hẳn với nguyên tắc căn bản của đạo Phật : sự tồn tại là nguồn gốc đau khổ, một điều xấu. Vậy ý nghĩa hành động từ bi là muốn tỏ ra mình không tham lam ham muốn, không còn bị vướng mắc vào bất cứ một giá trị gì ở trên đời (tình yêu, danh vọng, của cải, ngay cả vợ con, chính cái thân mình cũng không tiếc gì » (trang 109).

Đạo Đại thừa trái lại nhấn mạnh vào tính cách vị tha của Phật giáo : Đức Phật

trở thành Bồ tát, đức từ bi, mà lý tưởng là cứu rỗi những người khác hơn là tìm vào Nát Bàn một mình.

Tác giả nhận thấy rõ trong tâm của vấn đề : « Dù công nhận cứu cách của lòng từ bi là giúp đỡ người khác hay chỉ là một phương diện giải thoát cá nhân, đạo Phật vẫn vấp phải một khó khăn nan giải là vấn đề bản tính cái tôi, vấn đề bản ngã. » (trang 110).

Ở điểm này Phật giáo không thống nhất làm cho các nhà chú giải băn khoăn và vì thế không hiểu phải dung hòa hay khai triển.

Tác giả ở đây ; cũng như mọi nhà khảo cứu Đạo Phật tỏ ra dè dặt, phân biệt phạm vi lý thuyết và phạm vi hành động hay tin tưởng, và kết luận : « không thể có từ bi trong tư tưởng chính thống Phật giáo, hay có đi nữa, nó cũng thiếu sót vì tình thương không đủ nếu không ở trong tình yêu... » (trang 119)

Nói đến tình yêu tức là nói đến nhân vị. Tác giả cho rằng « yêu là yêu cái vẻ đẹp, cái giá trị con người. Tình thương chỉ nhìn khía cạnh khổ nạn, lâm than, trái lại yêu là yêu con người như một vẻ đẹp đáng quý, đáng trọng và vì cái vẻ đẹp ấy, không có ý chiếm đoạt. » (trang 121). Theo tác giả đó cũng là quan niệm tình yêu trong Công giáo : « Yêu là yêu cái vẻ đẹp của kẻ khác là hình ảnh Thiên Chúa, không phải một vật khổ nạn bỏ đi. » — Nhưng phải chăng đó là tình yêu chân chính của Công giáo ?

— Tình yêu theo quan niệm thông thường là một khuynh hướng là ham mê, là ước mong, là tham vọng. Ai đã được

sung túc đầy đủ, dư dật thì không còn yêu nữa, vì không còn những khiếm khuyết để bổ túc.

Hơn nữa chúng ta có yêu cũng chỉ yêu những gì có giá trị; tuy nhiên giá trị đó đối với chúng ta luôn luôn đổi thay và đôi khi làm cho ta nhầm lẫn, không biết đâu là chân giá trị. Vì thế, tình yêu của ta đâm ra lạc hướng, trở nên dục tình (Eros). Nhưng điều chắc chắn là đâu không có giá trị, thì đấy không có tình yêu.

Duy những ai thiếu sót mới đem lòng yêu: người nghèo hướng về người giàu, người bệnh tật chạy đến người lành mạnh, người quê kệch, dốt nát, quay về người thông thái, văn minh, người xấu xí dòm ngó người xinh đẹp: yêu là một đà hướng thương.

Hiểu như thế, ta nhận thấy Thiên Chúa không có tình yêu! Ngài là đấng để chúng ta yêu, để chúng ta thờ, để chúng ta hướng đến, là đấng kích thích tình yêu chúng ta, vì Ngài là đấng toàn thiện, toàn hữu: vạn sự chuyển động quanh Ngài như vệ tinh quay quanh mặt trời. Nhưng cũng như mặt trời, Ngài là đấng bất động bất cảm, chiếu tỏa ánh sáng nuôi dưỡng muôn loài, mà không cần đến muôn loài. Do đó, Thiên Chúa chỉ là một lý tưởng xa xăm, một « Đấng hiu quạnh » không đếm xỉa đến vũ trụ mà mình đã tạo ra.

— Công giáo đã đảo lộn quan niệm Chúa là tình yêu. Nhưng tình yêu ở đây là nguồn suối hằng chảy (Agapê) (1). Vì tình yêu mà Chúa đã sinh ra các ngôi, đã sinh ra chúng ta, đã hạ mình xuống để cứu rỗi nhân loại, mặc lấy bản tính người hèn. Thiên Chúa yêu những kẻ vô giá trị, là chúng ta và từ nay vì tình yêu Thiên Chúa. Người giàu nâng đỡ người nghèo, người khỏe mạnh hy sinh cứu chữa bệnh nhân, nhà bác học dạy dỗ kẻ dốt nát.

Vì thế, công bằng chỉ là một yêu sách của bác ái, chứ không thể đứng đối lập với bác ái như tác giả hiểu nhầm. Bác ái không phải là bổ thí, bác ái là tình yêu Thiên Chúa cứu rỗi muôn dân, là tình yêu giữa anh em con một Chúa, có phận sự xây đắp nước Ngài dưới thế.



Tựu trung, tập nhận định này, ngoài một vài điểm cần được bổ khuyết, gồm những nhận xét có giá trị, đã nêu lên những thắc mắc hiện đại mà giới trí thức Công-giáo cũng như không Công-giáo cần biết.

Tôi xin thành thực và vui lòng giới thiệu với tất cả.

NGUYỄN-ANH-LINH

(1) Xin giới thiệu sách: Eros và Agapê của Nygren.

- ★ Yên tĩnh nằm ngủ trên những quan niệm của mình để khiến cho mình bị cắt đứt với thực tế và trở nên lạc hậu.
- ★ Những người trải qua tai họa thì thường thấu lệ mà giới việc. (Mạnh tử)
- ★ Tin sách cả, thà không sách còn hơn. (Mạnh-Tử)

CẨM ĐỀ

"Thanh-Sử Huyền-Trân"

✧ Tôn nữ HOÀNG-TRÂN

Sắc thắm đào tơ thành sắc uông,
Tình sâu thanh hải hóa tình oan.
Riêng mai một sớm sầu oanh yến,
Chiêm-Việt đôi bờ xót phụng loan.



Mặt phấn so lăm với cát pha.
Bình Nam cam nổi mượn tay ngà;
Chín e nhọc đến tài trăm họ,
Nên phải chôn vùi một kiếp hoa.



Duyên dứt nợ xe lăm phũ phàng.
Ô, Di (Rì) cát bụi ở hồng nhan.
Ly cung một chuyển nào... Đưa! — Đón!
Lụy ngọc tuôn mờ mấy ái quan.



Mỗi bước đi là mỗi bước đau,
Đoạn trường lệ cảm thấm nghìn sau.
Gượng cười, gượng nói cay hồng phấn,
Vườn Chế cung Mãn đẳng mộng đầu.



Thẹn ngọc e vàng cho mĩa mai
Tòng phu nghĩa xót lạ cân đai.
Trông mây trên dãy Trường sơn nhạt
Nuốt lệ hoài hương lệ nhỏ dài.

Bi sữ Chiêu-Quân buổi Cống-Hồ.
Oan tình Tây-Tử lúc về Ngô.
Ngàn xưa đành thế, ngàn sau thế:
Chung hận thêm Người đổi Đất khô!



— Xuân cũ đào xưa gió chẳng lành —
... Vội vong... chừng nhẹ nợ đầu xanh...
Tiếc chi ngọc lăm tình ly xír
Cho nhọc công trai vượt cấm thành.



Gạo trắng đành vo nước đục rồi!
Đũa ngà đầu xéng chén cơm ôi.
Nhìn Chung... dư hổ cùng son sắt
Hưởng tường lời xưa lại nổi lời!..



Phận mỏng mong tròn một chữ YÊN.
Hòa đàn khôn để sớm qui thiên;
Thì cho đầu bạc ngày xanh tóc:
Cung cảm hương nhen khói cửa thiền.



Thơ — cảm thương Ai sầu thuở trước;
Xót vay lăm tường chính tiền thân.
Đèn chong cho sáng dòng thanh sữ
Nền rõ như hàng lệ Cổ nhân.

Đà-nẵng Xuân Kỷ-Hợi
(8-3-59)

CHUYỆN CÁI ĐỒNG HỒ CON NGỰA



(Kính dâng hương hồn ông Giáo
Nguyễn-Hữu-Hoàn, người đầu tiên đã
kiên nhẫn mớm từng chữ Việt cho
thanh niên ba xã Hiệp, Tân, Phong.)

LÊ-THANH-THÁI



Lời giới thiệu của Bình-Nguyên-Lộc

Nhà văn miền Trung biết giữ biệt sắc địa phương hơn nhà văn miền Nam, đọc họ lên thấy rõ miền Trung ngay:

Bùi-Hiền, Võ-Phiến, và nay là Lê-Thanh-Thái.

Dưới đây là bước đầu của nhà văn địa phương ấy. Câu truyện không éo le gay cấn gì cả, nhưng rung động người đọc vì giọng chơn thật của nó.

Một nhà cách mạng thất bại (thời phong trào cải lương, duy tân, chống sưu chống thuế) trôi giạt vào một làng hẻo lánh, rọi ánh sáng hiểu biết và đức hạnh vào đó, rồi hai ba thế hệ người đều nhớ tiếc ông, khi nhìn một chiếc đồng hồ.

Chuyện càng cảm động đối với người trong cuộc — kẻ viết lời giới thiệu này — là vì người cách mạng thất bại ấy có thật; anh bạn Nguyễn-Hiến-Lê có nhắc đến trong cuốn « Đông-Kinh nghĩa thực », và riêng tôi có dịp hầu chuyện tại nhà thương điên Chợ-quán lúc người đi nuôi con trai bị nhốt vô đó mười bốn năm về trước, và nay tôi còn mang máng nhớ được gương mặt nhẵn nạt của « ông giáo Hoàn ».

Cuối năm 1958.

B. N. L.

BÀ tôi ngó lên cái đồng hồ :

— Cũng dịp dọn nhà đó, thằng Bảy xuống « này » (1) lại cái đồng hồ con ngựa này. Hồi đó, xóm mình chưa có ai biết xài đồng hồ hết thấy, mà cái đồng hồ này nghe nói của nước Đức, tốt

lắm, tới một tháng mới lên « dây thiếu một lần ». Thằng Bảy nó cắc ca cắc cùm ôm về, nó quý lắm. Nó nói treo cái đồng hồ cũng như thấy ông Giáo.

(1) Tiếng « nài », mà nói sai ra « này ».

CHUYỆN CÁI ĐỒNG HỒ CON NGỰA

Cô Tư xen vô :

— Mà cái đồng hồ này của Bác thằng Nguyên ở Chợ Lớn mua cho nên « cồ, dường » cũng quý lắm, cực chẳng đã cồ mới để lại cho thằng Bảy mình, chớ chẳng phải ham tiền như người ta đâu !

Thấy mình ngồi nghe lóm đã thỏa tính tò mò rồi, tôi bưng tô nước dừa lại đưa cho cô Tư trước và hỏi thêm :

— Dượng Giáo ra sao cô ? Ông giống ai ở làng mình cô ?

— Cháu đưa cho Nội trước, rồi đưa cho cô sau, đừng có đại vậy ! » Rồi cồ nói tiếp :

— Dường đâu có giống ai ở làng mình mà chỉ cho cháu thấy được.

Bà tôi vói tay tiếp lấy tô nước dừa trên tay tôi, còn một tay chỉ lên cái đồng hồ :

— Đó, Dượng Giáo giống cái đồng hồ con ngựa đó.

Tôi ngó sừng Bà tôi, chưa kịp hỏi thì má tôi biết ý đã chặn trước :

— Bà muốn nói cái đồng hồ đó của ông Giáo để lại cho Ba con treo làm kỷ niệm, ngó đồng hồ cũng như thấy ông vậy.

Tôi hỏi vặn lại :

— Nhưng mà cái đồng hồ làm sao giống Dượng Giáo được Nội ?

Mẹ con bà cháu đều cười ồ lên. Mà tôi là cười to hơn cả.

— Có gì vui mà Bà cháu cười ngả nghiêng vậy ?

— A ! Ba về.

Mấy đứa em tôi reo lên !

— Mấy về mà nghe thằng con mầy nó hỏi, tao bít đường trả lời.

Ba tôi đưa mắt nhìn qua phía má tôi. Má tôi đặt tô nước dừa xuống ván thuật lại. Ba tôi nghe xong, bước lại móc nón ni lên trên gác nài phía dưới chỗ treo đồng hồ, rồi bước lại chỗ bàn độc (2), rót nước và nói :

— Đâu, con nhìn cho kỹ cái đồng hồ đi rồi Ba chỉ chỗ giống ông Giáo cho con thấy !

Tôi ngạc nhiên ngấm ngấm.

Chiếc đồng hồ quen thuộc ấy làm bằng gỗ, sơn toàn màu đồng đen, mặt và hai bên hông lõng kính nhìn thấy bên trong mặt chữ số La-mã và cái quả lắc, cái quả lắc dài gần đựng ván đáy, lắc qua, lắc lại chậm chậm đều đều, kiên nhẫn buông ra những tiếng tíc tắc chừng mực, rõ ràng, Đặc biệt là trên đỉnh đầu có gắn một con ngựa, chạm bằng gỗ, chạm trổ rất tinh xảo đáng một con tuần mã đang chồm lên trong khi bị cương kìm lại sau cơn phi nước đại mà sức vẫn còn hăng.

— Sao ? Con thấy nó có giống người ta không ?

Tôi giật mình quay lại :

— Làm sao mà giống được Ba ?

— Thì để Ba nói lại từ hồi đầu, lúc đồng hồ này mới về nhà mình, rồi Ba chỉ chỗ giống ông Giáo cho con thấy.

Cô Tư và má tôi ngừng dao tách cau. Bà tôi thôi đưa vông cho im tiếng kéo kẹt, tôi cũng buông muỗng xuống miếng vỏ dừa đã chẻ đôi còn chờ nạo, để lẳng tai.

(2) Cái bàn nhỏ kê sát vào tường để nước chẳng mấy khi có để ghé ngồi.

— Đồng hồ con ngựa này Ba « lấy lại » của ông Giáo khi má con để con chưa đầy tháng, nghĩa là nó cũng bằng tuổi con kể từ lúc nó về nhà mình.

Lúc đó, Ba treo ở cây cột bảy giờ treo nó đó, được một vài đêm, thì Nội con biều đem chỗ khác, vì nó kêu tíc tắc và lâu lâu lại còn đồ bon beng giựt mình không ngủ được. Làm Ba phải treo vô trong cây cột trước bàn thờ ông Nội con trong nhà lớn. Rồi đâu chừng tuần lễ sau, Nội con lại biều Ba lấy ra treo lại chỗ cũ bảy giờ đó.

— Sao vậy Nội ?

Bà tôi nhờ cõ trâu, vừa lau lại vành môi :

— Thì hồi đầu nó đồ bon beng Bà chịu không được, nhưng lúc treo vô nhà thờ thì..., thì cũng tại Ba con hồi đem về đã kêu mấy đứa ở và tụi trai cày lên dạy cho nó kim nào chỉ giờ, kim nào chỉ phút ; số nào, ở đâu là mấy giờ mấy phút, lại còn dặn con Quạch cứ 9 giờ sáng thì nấu cơm trai cày, hai giờ rưỡi trưa thì bắt cày chiều.

Rồi trong mấy ngày treo ngoài này đó, tụi nó coi đồng hồ để đi bắt trâu cày, để nấu cơm quen rồi. Đến khi...

— Chớ mấy hôm chưa có đồng hồ thì họ làm sao Nội ?

— Con Quạch thì hể nghe heo ngoài chuồng réo đòi ăn là nấu cơm trai cày, nhưng có bữa heo lại réo trễ, làm tụi thả cày về không kịp cơm, cứ bị Ba con « ngày » hoài.

— Còn trai cày bắt trâu cày thì làm sao Nội ?

— Khuya thì « gà gáy đầu bõ, gà gáy mỏ bắt trâu cày », chiều thì tụi nó coi bóng cây bưởi ngã ngọn quá thềm nhà bếp đó thì bắt trâu...

— Rồi sao Nội lại biều đem treo lại cột này ?

— Thì tại mấy bữa đó mưa dầm, không có mặt trời, lũ nó cứ lết chùn bùn vô giẫm trong gạch bông nhà thờ để coi giờ đi bắt trâu cày nên cứ phải chùi rửa hoài, bực mình quá. Bà mới biều đem treo lại đó, nhưng phải gỡ cái chuông bon beng đi cho ngủ khỏi giựt mình. Thì lại bị con Quạch, đang xách nước, cũng bỏ đó chạy vô coi giờ để cho heo ăn, sợ để heo réo thì ba con « ngày ». Đang xay lúa cũng bỏ chạy vô dòm giờ để nấu cơm trai cày ! Gai mắt quá, Bà mới biều lắp cái chuông vô cho nó nghe đồ bon beng, nó nghe nó khỏi bỏ bẻ công chuyện.

Thét rồi quen tai đi, tiếng bon beng vậy mà nghe hay hay, tíc tắc nghe cũng êm tai nữa. Mà cũng khỏi chạy dòm đó, cứ nằm đây nghe giờ cũng được. Cho đến khi con đau đầu gối đó, bà mới thấy thương cái đồng hồ nhiều hơn.

— Con đau mà sao lại thương nó hả Nội ?

— Hồi con được ba tuổi đó, bị đau đầu gối sưng to lên, ngồi một chỗ. Nhờ dưỡng Hương của con là ông già thẳng Bộ Đài hốt thuốc cho, mà mỗi thang phân làm hai, và một ngày đêm phải uống cho được 5 thang, uống trong 10 lần cách khoảng đều nhau. Khi đó mới thấy nhờ nó nhiều.

— Chớ còn hồi kia muốn biết giờ ~~ta~~ sao hờ Nội ?

— Trước không có nó thì nghe thẩn lẩn tắc lưởi, hể quá đồ đèn mà nó tắc

lưỡi là hết canh một. Gắn đi ngủ mà nghe là hết canh hai, ngủ một giấc dậy nghe nó là hết canh tư, gà gáy tờ mờ mà nghe nó tắc lưỡi là canh năm. Nhưng phần nhiều quá nửa đêm có bìm bịp kêu báo đầu canh tư, rồi gà gáy đầu là canh năm, chim kêu lú lo là rạng đông trên.

— Còn ban ngày làm sao Nội ?

— Con cứ hỏi dần lân hoài, đề Nội nghĩ. » Má tôi rầy.

— Kệ, đề « chị » nói hết cho nó nghe đề nó ức. » Ba tôi tôi bình.

— Ngày thì coi bóng nắng mái nhà.

— Còn trời mưa hoặc « âm ui » ?

— « Âm ui » thì: hể thằng Cây ăn cơm sáng xong, dắt chó ra ngõ, đề lên rưng thả trâu là trời hể mọc, con Quách tưới hết vườn trâu là nửa buổi cày mai ; « cà cuốc » kêu ở bìa bầu là xế bóng ; gần bắt cày chiều, gà vô chuồng là trời chen nui. Mà có điều là có bữa sớm có bữa trễ, không chừng lắm.

— Ba nói thêm cho con rõ là lúc bấy giờ ông Giáo đem cái đồng hồ này về thì làng mình chưa ai có xài cái đồng hồ nào hết. Sau đó anh Cửu xã, ông già Ba Mão, Tư Hương, mới mua theo, rồi tía thằng Í, thằng Bánh mới mua sau nữa ; chó đâu phải biết xài nhiều như bây giờ. Và bây giờ Ba nói sơ cho con thấy, trước khi ông Giáo về ở đây thì, đề coi...

À ! Lúc ấy, mấy ông làng của ba xã Tam-tân, Phong-diễn, Hiệp-nghĩa mình đây, dưới thì thị dân như cỏ rác, trên thì Tổng Huyện như thần thánh. Còn coi các ông Tây như trời con, nhứt là sau cuộc kháng sưu chống thuế của đồng bào Nam-Ngãi, quyền hành mấy ông làng càng to,

càng coi dân như tro bụi. Chính cái lúc âm u ngộp thở ấy thì ông Giáo Hoàn đến ; lúc mới tới, ông ngồi dạy tư ở nhà ông Nội thẳng Di, ông học cao nêu quan làng đều nề, cử ông làm chức Hương Sự để dạy con em trong ba xã nhà.

— Dạy chữ Hán hay chữ Quốc ngữ Ba ?

— Hồi đầu có ai mà thêm học chữ Quốc ngữ, chỉ có anh em Ba Mão, Tư Hương học trước. Mấy ông lớn tới coi thử đều trề môi chê là không phải chữ của Thánh Hiền !

Trong lúc dạy học ông thường lấy cuốn Hoàng Việt Hình Luật ra giảng giải cho học trò cách làm dân, quyền hạn của quan làng.

Dạy cách ăn ở theo lễ phải, đừng cúi đầu quì lạy ai hết cả, ông thường nhắc đi nhắc lại : « Tại mình quì gối cúi đầu nên mới thấy Quan làng cao lớn ! »

Ngoài giờ học, ông còn đem mấy bài hát của các nhà Cách Mạng ra dạy lại cho học trò nữa.

— Mấy bài nào, Ba ?

— Mấy bài Ba dạy con hồi nhỏ đó !

— A ! Bài « Á Tế Á năm châu là bực nhứt » đó hả Ba ?

—Ừ, với gì nữa ? Con còn nhớ không ?

— A, còn bài này hay, mà con quên khúc đuôi, chỉ nhớ tới chỗ :

« Học văn minh xây vô bỏ hồn,

« Của thằng đại nuôi thằng khôn

« Đắp mồ xa xỉ để chôn mình vào !

— Ông dạy và còn giảng giải rành mạch, thế nào là yêu nước, thương nòi;

dân Nhứt-bồn độc lập sung sướng ra sao, mình bị đô hộ khổ sở thế nào! Nhiều lắm mà lâu ngày ba không nhớ hết.

— Sao Ba không chép lại?

— Í! đồ đó là đồ quốc cấm, đâu dám chép đề trong nhà.

Chợt nhớ ra tôi hỏi:

— Ba nói hồi đó Ba học chữ Nho, rồi sau Ba học chữ Quốc-ngữ với ai vậy?

— Thì cũng học của ông chớ ai! Đề Ba nói đầu đuôi cho nghe.

Hồi đầu, thấy Tư Hương, Ba Mão học A,B,C, ai cũng chê.

Tới chừng đầu ba tháng sau, tụi nó đọc được sách, viết được thơ. Còn mấy anh em học chữ Nho, có người đã học trước kia đến bốn, năm năm mà cũng chưa làm được cái văn tự bán ruộng, chưa đọc thông cái trát của Huyện. Thấy vậy, Ba với chú Năm Nguru mới về xin nhà đề học chữ Quốc-ngữ đó chớ! Lăn hồi mấy anh kia cũng bắt chước theo. »

Hớp một hợp nước, tăn hăng một cái rồi Ba tôi nói tiếp:

— Rồi cũng nhờ ông Giáo khuyến khích ông Cửu xă, cho nên Tư Hương, Ba Mão mới được ra Phan-thiết học đậu Ri-me (1) (primaire) rồi ra luôn Huế học đến ba bốn năm nữa.

Nhờ đó, mà sau này tụi thằng Í, Bánh, Di mới được cha mẹ cho học Phan-thiết, rồi tới tụi con bây giờ. Chớ trước kia, người sanh đẻ tại đây có ai mà biết chữ A chữ B mặt mũi ra sao.

(1) Ở Trung, Bắc gọi là bảng « Tiểu học », ở Nam gọi là bảng « Sơ học ».

— Chớ ông Nội con và ông Cửu xă, cha của chú Tư Hương, Ba Mão, không biết chữ Quốc ngữ sao Ba?

— Đầu có biết chữ nào, mấy ông chỉ biết chữ Nho thôi.

Cho đến anh Hộ Ba giàu có như vậy mà cũng chưa biết chữ Quốc ngữ, chớ đừng nói ai cho mất công!

— À, Ba này, ông Hộ Ba...

— Con đừng hỏi nữa, đề Ba chỉ chớ ông Giáo giống cái đồng hồ cho con thấy:

Như con đã nghe nãy giờ, ông Giáo là người đầu tiên đem lại cái hay, cái mới, thức tỉnh đám thanh niên làng mình, mà trong đó có Ba. Còn đồng hồ này thì đã đem lại giờ giấc đúng cho nhà mình, mà các nhà khác đã bắt chước đề sấm theo, bây giờ mới có nhiều, chớ trước kia có ai mà biết cái đồng hồ. Con không nghe Chú hai Lâu ở Phan-thiết kêu chớ mình là nơi khi ho cò gáy đó sao?

— Khi ho cò gáy là sao hả Ba?

— Đề lát nữa rồi Ba giải nghĩa, bây giờ, đề Ba nói chuyện cái đồng hồ cho hết đã... Cũng như cái đồng hồ đã kiên nhẫn ở một nơi, sẵn sàng chỉ giờ, dần phút cho ai chịu đến gần đề dòm, đề nghe tiếng chuông báo giờ của nó; thì ông Giáo ngày ngày ngồi một chỗ kiên nhẫn giảng giải kinh nghĩa cho đám học trò, và cũng chỉ bảo lý lẽ phải trái cho bất cứ người láng diềng nào chịu đến học hỏi.

— Mà mấy ông làng có ai chịu tới học hỏi không Ba?

— Lúc ông mới đến, mấy ông lớn trong làng cũng chẳng ưa, giống như Nội con đã ghét cái đồng hồ khi mới đem về. Là vì

ông đã dám bày đường cho đám học trò đừng khúm núm sợ sệt mấy ông làng, lời dạy đó như đinh chốt vào tai mấy ông. Lần hồi, mới thấy nhờ có ông làm giúp đơn trương, khai báo cho làng, giảng giải mấy cái thông tư chỉ thị, đạo dụ của vua quan, cho ban Hội tề nghe rõ ràng, rành mạch đề thi hành cho thông suốt nhanh chóng.

Gặp khi tiệc cưới đám ma, bất cứ nhà nghèo hay giàu, hễ chạy tới nhờ ông viết cho bức hoành câu đối, ông đều hết lòng giúp đỡ. Còn mấy cái đám giỗ nào mà có ông dự thì ông thường đem chuyện thế giới, chuyện nước nhà, gương anh hùng liệt nữ mà giảng giải cho nghe rất lí thú.

Mấy ông làng mới thấy sự có ông là cần thiết, là ích lợi. Cũng như bây giờ Nội con đã thấy sự ích lợi của cái đồng hồ, và..

— Nhưng, đồng hồ có đồ chuông, còn ông giáo làm sao ?...

Ba tôi ngắt lời :

— Ông cũng có đồ chuông chứ ! Mà tiếng chuông của ông có lẽ còn ngân cho mãi đến đời sau. Đó là tiếng chuông... À, hãy khoan, để Ba thuật sơ lại vụ « bè tấp » (1) cho con nghe đã, rồi Ba cắt nghĩa tiếng chuông.

Hồi năm 1917, nghĩa là cách đây hai mươi ba năm, có 6 người tù chánh trị phạm và thường phạm Côn-nôn thả bè vượt về đất liền. Bè ấy lại tấp vào bãi biển chỗ nước Nhì, giữa cửa Lagi và ngành Tâm-tân, gần đường vô Bàu Dồi. Sáng hôm sau, mấy người đó mò lên xóm Tam-tân nói là bị chìm ghe, vô xin gạo nấu

(1) Xin xem « Một chuyện tù Côn-nôn vượt ngục, 40 năm về trước » của Ngu-Í Nguyễn-Hữu Ngự, Bách-Khoa số 9.

cơm ăn. Làng mới tình nghi, xét giấy thuế thân thì họ không có, chỉ có cái giấy chữ Tây, mà họ nói tiếng trọt trộ khó nghe lắm, nên bị giữ lại đề giải về Huyện.

— Rồi tại sao dính tới ông giáo vậy Ba ?

— Ông ngồi giảng sách, nghe vậy, ông lật đật bãi học đề ra nhà việc coi thử. Ba cũng chạy theo. Tới nơi, ông « nhìn » mấy người đó là đồng hương đi buôn bị chìm ghe, rồi cùng thầy đội Tôn, bảo lãnh về nhà tự của hương bộ Út dãi cơm nước. Đêm đó, ông cầm đèn đưa họ vô dinh Thầy Thím, ông ngủ luôn ở tròng với mấy người đó. Rồi sáng ra ông cho người thân tín đưa lên ga Sông Phan cho họ trốn đi. Sau có người thù vặt rơi thơ tố cáo, ông và cả làng bị bắt ra tỉnh. Ông đứng ra nhận chịu một mình, không thém chối cãi, đề cho ban Hội tề được tha về. Đó là một tiếng chuông thức tỉnh lòng yêu nước, dạ hi sinh của đám thanh niên hồi đó đến bây giờ, và có lẽ cho đời sau nữa.

Tôi ngậm ngùi :

— Nhưng đồng hồ treo mãi đây còn ông Giáo bị dày Lao-bảo, mà giống nhau sao được Ba ?

— Sao con biết là ông bị dày Lao-bảo ?» Má tôi hỏi.

Chợt nhớ là mình đã lộ tẩy ngồi nghe trộm câu chuyện của các Bà khi nãy, nên đỏ mặt, lén nhìn Bà tôi một cái rồi cúi xuống đất.

— Thầy kệ, cho nó nghe cũng được ! Để Ba trả lời câu của con hỏi :

Là tại vì ông là nhà giáo mà ông không chịu ngồi yên một chỗ lo dạy học, mà lại muốn làm, làm... à ! Để Ba ví dụ ! Ví dụ như cái đồng hồ không chịu làm

bồn phận của cái đồng hồ để chỉ giờ dẫn phút cho người ta, lại đem sắt thép của mình chung đúc thành cái... cái, à ! cái búa để lăm le đập gãy xích xiềng nô lệ. Dè dàu việc đúc búa chưa xong thì lò nghiêng khuôn bễ, nước sắt thép đành phải vùi trong tro bụi ở bếp, bếp Lao-bảo và, và...

— Nói chuyện gì mà có Lao-bảo đó chú Bảy ?

— Ủa ! Anh Hộ ! Đi đâu mà xách « nước » theo đó anh ?

— Tính rủ chú xuống Tam-tân thăm anh Phó Cường, xin ảnh cái toa thuốc bõ, rồi ở lại chiều, chờ cá lưới sằm vô nhậu một bữa gỏi chơi.

Ông Hộ Ba vừa cười vừa lấy chai rượu đang kẹp trong nách ra :

— Chai « nước » này của thằng Năm Thận nó mới dong cho tôi.

« Hàn-Nàm » (3) đây !

Ba tôi chép miệng :

— Cha ! trong xanh như mắt mèo ! Nó nấu lửa này tốt quá. Mai tôi phải lên biếu nó nhin cho một lít mới được.

— Thôi sửa soạn đi chú ! Có mắc chuyện gì không ?

— Anh chờ tôi ghé đội Huyến khai mấy cây cột đề kịp mai cho xe về cất nhà, thì tôi mới đi được.

— Sắn đó, tôi ghé thăm chú Bái Trinh luôn chứ có sao !

Mình đi ngõ xóm Sinh rồi trở ra búng Cây Sao cho gần. »

Biết là câu chuyện của mình vì ma men quyến rũ nên bị cắt đứt, tôi cũng nhắc sơ đề tới mai tiếp tục :

(3) Thứ rượu mới lấy nước đầu tiên, rất ngon.

— Ba đi, về kể tiếp nghe Ba !

Bác hộ Ba và Ba tôi đã qua khuất vườn Bộ Đạt rồi mà tôi vẫn còn tiếc rẻ, nhìn theo mãi...

Tôi nghĩ lại lời so sánh ngồ ngộ của Ba tôi vừa rồi ; tôi quay lại nhìn cái đồng hồ, tôi thấy trước mắt bóng dáng một ông Giáo ngồi ngay ngắn, vẻ mặt trang nghiêm đang chăm chăm lật mấy tờ sách, tiếng giấy chạm vào nhau nghe hơi là lạ : tíc tắc, tíc tắc.

Tôi giụi mắt, ngơ ngác ngó ra ngoài, hút theo ngà mà Ba tôi vừa đi. Trước mắt tôi cảnh vật chập chờn :

Hàng dừa bìa rọc nhà Bộ Đạt như càng xích gần lại, và không phải dừa mà lại là dương liễu, rồi đây ruộng Miếu giữa nhà tôi và vườn Bộ Đạt bỗng nhiên biến thành con đường trải đá của thành phố Phan-thiết, còn chỗ tôi đứng là trường tiểu học Pháp-Việt. Phải, tôi thấy rõ khúc phim hôm ấy đang chăm chăm quay lại...

... Trời mưa từ sau giờ chơi đến khi tan học vẫn chưa dứt, cứ lất phất mãi như tiếc rẻ, còn muốn đồ xuống một trận to như ban sáng cho đường xá lếch nhếch thêm. Chúng tôi chen nhau năm bảy đứa vào một nhóm, kẻ áo mưa, người che dù, ai không có thì đội cặp sách hoặc đề vớ lên đầu rồi kéo vạt áo lưng phủ lên, còn một tay vén quần. Có áo mưa hay dù, hoặc đi đầu trần cũng vén quần, rón rén bước ngược ngửa trên mặt đường đã được mang tên là « đại lộ Sài-gòn » mà chẳng được tráng nhựa ấy, ai nấy đều cố tránh những nước bùn, sinh lúc nào cũng chực hờ để làm hoen ố đôi ống quần trắng của đám học sinh chúng tôi.

CHUYỆN CÁI ĐỒNG HỒ CON NGỰA

Bỗng một hồi còi ô-tô « kin, kin » hách dịch vang lên phía sau lưng. Chúng tôi ùa nhau đề vệt lổ cho xe.

Một chiếc xe hòm, màu đen vừa được tô thêm giọt nước mưa nên càng thêm bóng. Bốn cái bánh dính bùn đỏ ngầu, lết bết lẩn tới. Cặp mắt đèn xe ghéch lên ! nhờ nước mưa bám vào và cảnh trời u ám làm nổi bật màu trắng ngạo nghệ của miếng chóa mà mặt kính lại càng oai vệ hơn.

Trên xe, Quan Công sứ Phan-thiết tự cầm lái, bà Sứ ngồi cạnh, phía sau là cậu trai lớn và cô con gái nhỏ. Chiếc xe lướt qua, ria lên hai mép đường một loạt nước bùn đỏ chạch. Một vài trò lệ chơn tránh khỏi, phần đông quần áo ai nấy đều bị lốm đốm như tờ giấy chạm đầy cả vết sơn lẫn mực.

Hai cái đầu quần nhỏ quay lại, dán mũi lỗ vào kính phía sau xe, giương cặp mắt đục nhìn chúng tôi đang lấy giấy chạm chùi quần áo, coi bộ chúng thích chí lắm. Chúng tôi hậm hực nhìn theo, chỉ thấy đám khói xám ở ống « xẹt-măn » phỉ phỉ ra quện xuống lớp bùn non mặt đường, rồi vờ vờ tỏa lên vô tình như khói thuốc xì-gà.

Một vài lời nguyên rủa văng theo...

Đồng hồ trong nhà đánh thông thả 9 tiếng làm tôi giật mình, nhìn lại cái đồng hồ.

Cũng là sắt thép, một bên làm chiếc đồng hồ, ngồi yên một chỗ, sẵn sàng chỉ giờ phút cho bất cứ một ai chịu đến gần đề nhìn nó.

Còn một đằng làm thân chiếc Ô-tô, oai vệ, bóng nhoáng, lại được cùng chủ đi đây đó. Nhưng mà... trận mưa, đường lếch nhếch bùn, lời nguyên rủa...

Tôi rùng mình, day lưng, bước vô nhà đến bên vóng hồi bà tôi :

— Sao chuyện bè tập, ông Giáo lại chịu lãnh đề ở tù có một mình vậy Nội ?

— Thì nó điên mới vậy chứ sao ?

— Ủa ! Ông cũng điên như anh Nguyên sao ?

Bà tôi gác tay lên trán, thở dài.

Cô Tư nhìn Má tôi trả lời nghe nghèn nghèn :

— Không điên, ai lại « ách giữa đang mang vào cò », rồi lãnh chịu ở tù một mình, bỏ vợ yếu con thơ chịu chít... Hồi đó... bây giờ nghĩ lại tình cảnh Cô Bảy hồi đó thiệt đứt từng khúc ruột !

Tôi ngồi yên một lát :

— Nhưng mà bây giờ ông Giáo nhẹ bệnh điên chưa Cô ?

— Chuyện đó, chừng gặp ông Giáo, hay thằng Nguyên rồi cháu hỏi. Chớ cô làm sao biết được !

Thủ đô miền Nam,
ngày mồng 4 tháng 4 năm Mậu-tuất.

LÊ - THANH - THÁI

(trích tập « Đền già truyền ? »)



HỘP THƯ

Ông Xuyên-Sen chúng tôi đã nhận được bài : « Thư đặt vấn đề con người với tình yêu và sự sống ». Xin ông cho biết tên thực và địa chỉ hiện tại để chúng tôi tiện liên lạc.

đêm trăng

nhớ bạn • Mến gửi anh Nguyễn-Hữu-Ngư

Những đêm sương xuống, gió mơ màng
Ta muốn cười vang muốn hát vang
Rồi muốn nhập vào trong bóng nguyệt
Toàn thân sáng chói ngợp hào quang.



Ta lịm đau thương xuống giữa hồn
Xót xa thay một tấm lòng son
Thôi nghe sóng động miền duyên hải
Chỉ thấy sầu theo tiếng địch đồn !



Thấp thoáng ngoài sân dăm bóng ma
Hồn Thiêng người cũ ví theo ta
Biết chăng nghĩa sự mười năm ấy
Tình thuở nào xưa vẫn đậm đà...



Há trách gì nhau hỡi cố nhân
Vì đâu ? Hay chỉ tại tiền thân...
Chúng ta trọn kiếp chung nguyên ước
Vượt biển trèo non, dám ngại ngàn.



Ngắm ánh trăng tan lại nhớ người
Ngoài hiên hoa cúc nở vàng tươi
Đêm nay có một người thi sĩ
Mơ chuyện ngày xưa, cất tiếng cười.

NGUYỄN-PHAN-AN

MỐI THÙ

CỦA

KHOAN RAY

VŨ HẠNH



KHOAN RAY dừng tay lại. Có tiếng lá khô khua động sau lưng, một mùi hôi hám văng qua hơi thở... Bỏ vội lưỡi dao cắm sâu quá nửa trong mọt măng le anh chụp cây giáo bên mình, rồi nhanh như cắt, quay ngoắt mình lại, quỳ xuống một chân kèm chặt lấy cán giáo, hai tay giữ vững cho mũi nhọn chĩa thẳng, cặp mắt trừng trừng phóng vào bụi rậm trước mắt.

Kẻ thù đã đến từ lúc nào rồi. Đó là một khối lông vằn vện, lẫn lộn vàng đen, co lại trong một thế chờ đợi bất động

nhưng hung hãn lạ thường. Chiếc đầu cau lại những nét hăm dọa gớm ghiếc như rúc vào trong hai chân trước so bằng, dang thẳng, chuyển hết gân lực đè bắm móng vuốt xuống lớp đất đỏ, mình cong vòng lại, dồn tất cả vào hai chân sau xếp lại, sẵn sàng một cuộc tấn công.

Khoan Ray biết rằng cuộc gặp gỡ lần này không phải là sự tình cờ. Từ hai con trăng nay, anh đã chờ đợi phút này. Nhiều lần anh lo rằng kẻ thù đã lánh xa anh. Nhưng không, nó còn lảng vảng đâu đây. Đôi lúc là một nét vệt biến trước

mắt, chuyển động lá cành. Vài khi là hơi thở nặng nề thoảng qua sau lưng, rồi tắt ngấm trong một hốc đá im lìm... Nhiều lần quanh chiếc nhà sàn cô độc của anh trong đêm thăm thẳm, nó như đang lặng lẽ uốn mình bước những bước dài, thỉnh thoảng dừng lại âm thầm nghe ngóng, chỗ mồm vào lớp rào thưa. Tất cả sự ngờ vực ấy là những cơn ám ảnh, những nét phảng phất mờ hồ, không hề lưu lại một dấu vết nào trên mặt đất, trên thân cây.

Bây giờ, nó đã hiện lên trước mặt. Nó đang ngồi kia. Nó đã theo anh đến rừng *măng le* xa xôi này, tưởng rằng anh đã kiệt sức, anh sẽ lạc lối, anh không đề phòng. Nhưng nó đã lằm. Khoan Ray không thể để cho kẻ thù bắt chộp được mình. Nó luôn luôn rình mò anh, nhưng anh không ngừng theo dõi nó.

Khoan Ray ấn mạnh chuôi giáo xuống đất, dồn tất cả sức lực trong người vào hai đầu gối và hai cánh tay, như muốn chuyển tiếp lên đầu lưỡi giáo bén nhọn tất cả quyết liệt của sự trả thù. Mắt anh nhìn thẳng, không chớp, mỗi lúc vành mi càng nở rộng thêm: muốn phóng tỏa tất cả ánh lửa căm hờn để đốt cháy thù địch. Dần dần hơi thở trở nên nặng nề gấp rút như muốn phá toang lồng ngực nóng ran, Khoan Ray ngậm chặt hai hàm răng, cơ thể càng dấn lại trong một thế dồn ép càng run chuyển từng hồi bật rứt. Anh muốn hét to lên một tiếng khủng khiếp xé toạc không khí u uất của rừng già và lao đến kẻ thù, đâm mạnh một nhát quyết liệt, rạch xác nó ra. Nhưng mỗi lần rấp toan như thế, anh kịp ghì mình lại được. Kẻ thù vẫn bất động, vẫn im lìm. Hình như đôi

bên đều hiểu rằng trong giờ phút thủ thế đương đầu này đây, kẻ ra tay trước sẽ đón lấy thất bại.

Cứ thế, không biết dòng thác ven rừng đã dội trên đầu ghềnh mòn nhẵn bao nhiêu lượng nước tuôn về tự chốn nguồn xa, và lá rừng úa héo đã theo từng luồng gió lốc rụng xuống biết mấy đợt dày, hai kẻ thù vẫn yên lặng gườm nhau, tính toán một phút quyết liệt. Rồi thành linh con vật quật mạnh chiếc đuôi vào lớp lá khô xác, nhòm mình. Lập tức, Khoan Ray chồm người tới, toan trườn dậy, hai tai vẫn bầu chặt cán giáo. Nhưng... soát! Nhanh như chớp, con vật vụt biến trong chòm lá xanh dày. Khoan Ray nhào đến, toan đuổi theo, nhưng loạng choạng chực ngã. Hai chân tê buốt đuổi liệt hằn di, Khoan Ray cố gượng đứng vững, bàng hoàng nhìn theo chỗ dấu bụi rậm đã trở lại im lìm như cũ. Anh bước tới sừng sờ, thăm trách sự chậm chạp của mình.

Rồi anh khắp khệnh luôn lối qua các lùm cây, bắn khoăn ngo ngoác, không thấy dấu vết kẻ thù.

Được một quãng, Khoan Ray sức nhớ lại chiếc dao và những mọt măng bỏ quên chỗ cũ. Nhưng anh đã buồn lắm rồi, không thể trở lại được nữa.



Khoan Ray đi về đâu, ban đầu anh không tự biết. Chỗ nào Khoan Ray cũng tưởng như bắt gặp kẻ thù, nhưng kẻ thù đã mất tăm hơi. Đến trưa, anh thấy mình dừng lại trước ngôi mộ nhỏ của Siu-Peng. Những cây rừng mọc li ti trên khắp mình mẩy cái mồ. Mấy cái nôi con bằng đồng vàng chói ngồi trật tự chung quanh chiếc gùi nho nhỏ, xinh xinh, đan bằng thứ mây

óng chuốt. dẽm những lạt giang nhuộm màu xanh đỏ đứng yên trên nắm đất vun đắp gọn gàng. Trong gùi, vòng đồng, đeo bạc vẫn nằm y nguyên, ủ dưới những chiếc khố, những tấm đồ bé bỏng đã phai màu, gần như rã mục vì nước mưa và sương núi trải qua bao ngày. Rải rác, những chiếc đũa bông xúm xít từng chùm canh giữ chung quanh. Vẫn như ngày nào, không gì thay đổi. Khoan Ray ngồi sụp xuống bên mồ, đặt một bàn tay trên nắm đất lạnh, anh nói lầm thẫm :

— Siu-Peng à, đã gặp nó rồi. Gặp nó hồi sáng nay rồi.

Anh ngồi im, trầm ngâm rất lâu. Đoạn, anh xoa tay trên nắm mồ như ve vuốt một đứa bé cho yên giấc ngủ, rừ rừ những tiếng nói chìm lấp trong cảnh xào xạc của rừng già :

— Yên cái lòng đi Siu-Peng à. Yên cái lòng đi, đừng có lo nhiều. Nằm cho yên, có ta lo cho mày. Ta lo cho mày nhiều lắm, nhiều lắm đấy mà. Không thể quên mày đâu, không thể quên được nó đâu.

Khoan Ray chống một tay lên mồ, gục đầu xuống. Qua làn nước mắt rừng rừng, anh như thấy lại bóng dáng Siu Peng. Siu Peng, đứa con độc nhất của anh. Siu Peng, nguồn an ủi khôn cùng của anh. Bây giờ nó đã nằm đây, không toàn thân thể, ngủ lạnh trong rừng, cách anh bao nhiêu thước đất. Anh nhớ lại ngày nào Siu Peng còn là khối thịt đỏ hồng, ở chốn buôn xưa, Ở chốn buôn xưa, xa lắm lắm rồi...

Ngày ấy, buôn Nước Chồ còn nằm trên lưng chừng đỉnh núi Ba Chòm, ở giữa hai dòng Suối Bạc. Dân làng đông đúc, sớm chiều rộn tiếng cười nô của lũ trẻ thơ. Đêm đêm, tiếng hát « tu lêu » chập chờn

bên lửa, rót sâu vào lòng rừng khuya những điệu tình tứ thâm trầm. Nương rẫy tốt tươi, từ ruột đất dồi dào tuôn lên lúa bắp sáng ngời. Rượu cần, trâu huê, những mùa gặt hái còn nghe thơm nồng lửa Tết Cà-Diêm (1). Khoan Ray cùng vợ, Y May, sống êm đềm trên ngôi nhà sàn, bên cạnh cha già mẹ yếu, hiền lành không biết bao nhiêu. Y May mắt sáng như đom đóm rừng khuya, màu da vàng tơ như sắc áo hươu con. Không ai từng khen Y May xinh đẹp bao giờ mà sao Khoan Ray thương nàng đến thế. Thương nhiều, thương nhiều cho nàng đẻ một đứa con mà nuôi, mà đem theo lên rẫy lên nương, sớm sớm chiều chiều. Ngày tháng Siu Peng ra đời, ngo ngoe bên lòng mẹ nó, Khoan Ray ngồi cười khần khật suốt đêm bên bếp lửa hồng. Khi nghe nó khóc, anh men lại, lấy ngón tay khều khều vào cái miệng nhỏ chút của nó rồi vừa đảo đảo cái đầu của mình, anh vừa kéo dài giọng nói :

— Cha... cái thằng này ! Không... nuôi... mày đâu. Bỏ mày... lên rừng... này, quăng mày... xuống suối... này... không nuôi, không nuôi, không nuôi, không nuôi...

Anh nhịp giòn cái đầu theo tiếng kêu khóc từng hồi của đứa bé, rồi anh lại cười khần khật...

Nhưng một ngày nóng cháy, thành linh bệnh đậu mùa lan đến, và như một ác quỷ, lần lượt giết hết dân làng. Cuối cùng chỉ còn Khoan Ray và đứa bé nằm trơ vơ trên chiếc nhà sàn, dần vật từng hồi trong cơn nóng sốt bên cạnh những xác chết đã bốc mùi hôi.

Trong một cơn khiếp hãi đến cuồng loạn, Khoan Ray choàng dậy nửa đêm, ôm trong

(1) Tết Cà - Diêm : Tết mừng mùa gặt của đồng bào Thượng.

lòng Siu Peng mê man, và đeo lên vai xâu đầu thú đã từng săn được phơi khô lâu năm trên dàn, châm lửa đốt chồi. Gió núi về khuya rây mạnh ngọn lửa phần phật khắp nơi và chỉ trong thoáng chốc cả buôn Nước Chò chỉ là một bếp lửa ngùn ngụt rồi âm ỉ tắt dần, sau cùng là một đống tro than bẽ bộn. Theo thời gian, tro kia sẽ cùng mưa lũ trôi xuống lưng sâu. Ở nền buôn kia sẽ còn lưu lại chỉ những kèo cột cháy thui, bên cạnh những bộ xương người, xương vật trắng hếu.

Đêm ấy, Khoan Ray chạy trốn trong rừng sâu như bị ma quái đuổi theo sát gót. Khi biết rằng đã xa buôn, thật là xa buôn nhiều rồi, anh mới dừng lại. Anh tìm một chỗ dựng chiếc chòi nhỏ, để nuôi đứa bé, treo mớ đầu thú trên nóc, di vật không thể quên được những khi đói khổ. Anh hái rau rừng, trái cây, lặn mò đến những nương rẫy bỏ hoang, bẻ mót bắp già, đào mót khoai sắn, đem về nuôi con. Bao đêm thức trọn, anh ngồi bên lửa hơ ấm cho con và bao ngày anh quỳ bên đứa bé mê man, chờ đợi ở miệng nó một lời nói nhỏ. Những hôm bắt buộc phải tìm ăn nơi xa, anh đặt nó trên chiếc vồng mây, treo cao sát tận nóc chòi sau khi đã đốn gai gốc ngăn rào chung quanh chỗ ở. Thăng bé mạnh khỏe và lớn lên được thực là nhờ trời. Khoan Ray khổ nhọc vì nó quá nhiều, nhưng nó làm cho Khoan Ray sướng không biết bao nhiêu!

Nhiều lần Khoan Ray muốn đem con tìm đến một buôn nào gần gũi để nương dựa sự chở che của đồng loại nhưng tiếc miếng đất màu mỡ đang sống và nhìn Siu Peng đã khôn lớn, quần quít bên mình, anh thấy đầy đủ lắm rồi, lại

bỏ ý định di chuyển. Anh chọn một ngọn đồi nhỏ có suối nước chảy quanh, đốt cây, làm nhà trên đỉnh và vớ rẫy chung quanh. Mỗi sáng thăng bé lúc thức theo sau anh, nhìn anh trồng lúa, gieo bắp, tỉa dưa, thỉnh thoảng lại cười lên rồ rồ hoặc nhăn mặt kêu đói. Anh dẫn con xuống bờ suối, lội trong gùi ra những quả chuối vàng mụm múp và cha con vừa ăn vừa nhìn bóng mình chập chờn dưới nước, âu yếm chừng nào! Có Siu Peng là như có nhiều người, là như có cả buôn rồi đó, còn phải đi đâu?

Nhiều đêm, những hình ảnh chết chóc ở nơi buôn xưa hiện về trong giấc ngủ khiến anh bàng hoàng tỉnh dậy. Và anh ôm riết đứa bé vào lòng như bầu vú vào một cái gì quý nhất chỉ sợ tan đi. Đứa bé nghẹt thở, cọ quấy tỉnh giấc. Trong ánh lửa đêm, cặp mắt ngái ngủ của nó vẫn sáng long lanh, miệng nó nhoẻn cười, tươi như hoa rừng. Cha con nhìn nhau rất lâu và Khoan Ray rờ rẫm lên mình đứa bé, thì thào:

— Siu Peng à, Siu Peng ơ!

Thăng bé làm bộ bịt tai lại:

— Không nghe! Không nghe!

Cha nó cố lùa cái miệng vào vành tai nó, rử rử:

— Cho mày cá nướng này, cóc nướng này, chẳm nhiều nhiều muối này... Chẳm nhiều muối lắm à, nghe không Siu Peng?

Thăng bé áp mặt vào lòng cha nó, cố dẩu nụ cười tinh quái, nũng nịu trả lời:

— Nghe ít ít thôi, nói nữa, nói nữa mới nghe nhiều mà.

Anh làm bộ giận dữ, giơ tay lên rất cao nhưng chỉ phát nhẹ vào mông con, rồi thoa chỗ đập, vừa nói:

— Không nói nữa, không nói nữa đâu. Tao ngủ rồi đây.

Và anh làm bộ ngáy rất lớn. Thằng bé vạch mắt, kéo môi anh ra, nhưng thấy anh nhắm kỹ, ngậm kỹ, nó tỏ vẻ hờn dỗi, quây người sang phía khác và cũng giả ngủ. Anh nằm yên, nghe tiếng ngáy ồn ào, vụng về của đứa con mà cười thầm trong lòng. Nhưng dần dần điệu ngáy của nó trở nên hiền hòa và khi anh se sẽ chồm dậy nhìn sát vào khuôn mặt tròn đều phẳng phất khuôn mặt của Y May ngày xưa, thì đứa bé đã ngủ say rồi.

Cứ thế, giữa cảnh khuất lấp của rừng sâu, cha con chung sống những ngày đêm ấm, yên vui cho đến một hôm...

Một hôm, Khoan Ray ở rầy về, không thấy Siu-Peng. Anh đang tìm nhón nhác thì nghe từ xa tiếng hát ê a. Anh chạy đến, gặp Siu-Peng đang hì hục kéo một bó củi to bằng một sợi dây *mở tró* rất lớn, men theo triền dốc lên nhà, miệng uốn éo một điệu hát ngộ nghĩnh mà nó vừa tìm ra để khuấy cơn nhọc mệt. Thấy anh, thằng bé nín hát, nở một nụ cười thật rộng làm sáng trưng cả khuôn mặt đêm đêm mồ hôi, rồi đưa đầu dây kéo cho anh.

Khoan Ray đứng yên, nhìn bó củi chăm chăm, không nói một lời. Đứa bé cũng nhìn anh, lo lắng. Anh đã dặn nó ở nhà, đừng đi chơi xa. Nó đã ngồi gần nửa buổi mai, loay hoay chơi nghịch chẻ tre bằng chiếc rựa tránh dùi nhây. Rồi nó ngáp dài, buồn quá. Từ xưa đến giờ, cha nó cứ tưởng nó không làm gì được hết. Không đâu, nó biết nhiều thứ lắm. Để nó đi bẻ củi cho xem. Và Siu-Peng lúc thúc vào rừng...

Trái với những điều nó chờ đợi, cha nó không khen nó, không ôm nó vào lòng mà vẫn đứng im như một cây rừng khô chết. Một lát, Khoan Ray cất giọng run run hỏi con :

— Bẻ củi ở đâu à ?

Thằng bé e dè chỉ tay qua phía rừng sau nhà. Khoan Ray dắt nó, hấp tấp rào về phía ấy. Hai cha con đi bên nhau, không nói tiếng nào. Thằng bé càng ngày càng lo lắng. Đến một bụi cây đầu rừng nó dừng lại. Khoan Ray cúi nhìn những cành cây yếu đuối bị bẻ gãy ở lưng chừng và anh ngồi bệt xuống, dịu nó lại gần, nói bằng một giọng lầm rầm :

— Siu-Peng à, tao quên dặn mày. Không được bẻ củi ở trên đầu gối, Siu-Peng à. Mày chưa gặp con già nhân. Nó thấp đến về người ta, tóc nó đỏ, mắt nó vàng, nó đi bằng hai chân, kiếm ăn bằng hai tay. Nó bắt cái ốc, cái cua, nó có hai khúc đồng nhỏ, cà với nhau ra lửa, đốt cháy rừng già.

— Khoan Ray e dè đưa mắt nhìn quanh rồi tiếp :

— Nó đi quanh cái buôn, cái nóc. Siu-Peng biết không ? Khi nào nó đồ ruột thì nó « động đầu » nó kêu, nó khóc, con người không làm ăn gì được. Con người khổ lắm. Con người phải cúng heo cúng gà. Ở buôn người ta cấm bẻ củi ở trên đầu gối, Siu-Peng à. Bẻ củi ở trên đầu gối làm cho con già nhân đồ ruột (1). Mày dại rồi ? Mày dại nhiều lắm lắm mà.

(1) Một chuyện mê tin của đồng bào Thượng Du vốn tin rằng khi vào rừng, nghe con « già nhân » — một con vật như người — kêu rống lúc bị đồ ruột thì phải trở về nhà, suốt ngày không dám đi đâu, sợ bị rui ro.

Rồi anh lại kéo con vào lòng, vuốt má nó, nắn tay nó, vỗ vào mông nó, vừa thương vừa giận trong lòng.

Suốt ngày hôm ấy, Khoan Ray không nói gì nữa, nhưng dăm dăm về mặt, có ý không vui. Tối đến, trong giấc ngủ thỉnh thoảng anh ôm chặt Siu Peng vào lòng khiến nó phải kêu lên, cựa quậy nhiều lần trong lần tay bó sát của anh. Đúng trưa đứng bóng hôm sau, Khoan Ray đem bó củi bỏ lại nơi bụi cây chỗ cũ và cẩn thận cắm cạnh đấy ba chiếc dứa bông mà anh hì hục vót suốt buổi mai. Mỗi sáng, khi ra khỏi chòi, anh lại ngại ngùng, chờ đợi một tiếng kêu khủng khiếp xuất hiện chưa biết ngả nào. Thực ra, anh cũng chưa hề gặp con vật kỳ quái ấy, cũng chưa nghe tiếng nó bao giờ. Trong đầu não của anh, hình ảnh con giả nhân có đầy đủ những hình nét đe dọa hãi hùng tưởng tượng theo câu chuyện kể của những người già cả ở chốn buôn xưa.

Tuy vậy, nỗi lo sợ theo những ngày qua mà phai nhạt. Khoan Ray lại bình thản lên nương. Siu Peng vẫn bị cấm giữ ở nhà. Thằng bé ban đầu còn khiếp sợ trước những lời dọa dẫm của cha nó về con giả nhân, dần dần không thấy một chuyện lạ lùng nào xảy đến nên ao ước muốn biết con vật ghê gớm kia hình dạng thế nào. Ngày đầu, đợi cha đi khỏi một lát lâu, nó ra triển dốc sau nhà ngó vọng về phía rừng bên. Nào có thấy gì. Ngày sau, nó men xuống cuối dốc, leo lên một cây cóc nhỏ, ngóng tìm. Mỗi cò, mỗi chân lăm, nhưng vẫn chẳng thấy. Ngày thứ ba, nó đến gần chỗ cũ, bò chui vào một bụi rậm, ngồi rình. Chắc là phải gặp. Đến ngày thứ tư, nó lại mò ra, ngồi

chờ rất lâu như thế. Và quá trưa hôm ấy, Khoan Ray không thấy nó về.

Khoan Ray như đoán trước một điềm chẳng lành xảy đến, đứng trên chòi cao, hướng về phía rừng, hốt hoảng kêu lên :

— Siu Peng ! Siu Peng !

Núi rừng im lìm, vọng lại rất xa tiếng gọi thăm thiết của anh từ những hốc đá, lùm cây xanh ngậm. Tiếng gào khan dần, rồi nhỏ lại thành một giọng rên rĩ nào nùng. Anh chạy xuống dốc, đồ về lùm cây hôm nào, đầu não rối loạn. Bỗng anh dừng lại, sửng sốt. Rành rành trên mặt đất đỏ những dấu vuốt cạp lún sâu, xia lên từng vệt đất mới. Anh nhào tới, không nghĩ đến việc đề phòng. Những vết máu rây dài. . . Toàn thân Khoan Ray bỗng như run lên trong một nỗi khiếp đảm, một nỗi hoảng hốt xót xa cùng cực. Anh bước đến, rớt đến, bỗng rú lên, ngã xoài người ra trên mặt đất, ôm lấy chiếc đầu đỏ tươi nằm giữa vũng máu, cạnh những khúc xương bé nhỏ nham nhở thịt da và chiếc khố rách quánh đầy sắc máu đen thẫm. Khoan Ray nấc lên từng hồi, dụi mặt vào mớ tóc tơ rơi nhui, vào lớp da đã khô lạnh, vào lớp thịt đỏ lồi lồi của chiếc đầu bé nhỏ, rên rĩ nghẹn ngào, hai chân giãy giụa chà xát trên lớp đất sỏi rồi anh lịm dần đi, toàn thân chuyển động từng hồi như một khúc thịt trần run rẩy.

...Mãi đến khi trăng đã lên khuya và sương đêm xuống lạnh cóng người, Khoan Ray mới lấy bầy ngỗng dậy, ôm lấy những phần rã rời của di thể đưa con vào lòng, thất thểu đi về ngôi nhà sàn cô độc. Đầu anh ngoẹo xuống dưới ngực, người anh như sòm hẳn đi, co ro

trong một dáng điệu buồn thảm, bóng anh chập choạng khuất chìm giữa bóng lá lốm đốm rải đầy mặt đất. Anh mệt nhọc mới nhấc mình lên tới nhà sàn. Một nỗi đau khổ to hơn tảng đá hì hèm đầu rừng như đè bẹp anh xuống khiến cho rã rời, tê liệt. Và lâu lắm anh mới thoi lên được một ngọn lửa yếu ớt trên cái bếp tường như nguội lạnh từ lâu. Khoan Ray mở cặp mắt thao láo nhìn quanh thấy chập chới, chập chờn những vòng đêm kinh khủng. Anh càng cần thấy cô độc, bơ vơ. Ôm chiếc đầu của Siu Peng teo lạnh co rúm, nhem nhuốc vết máu quánh lại trong hai tay run rẩy, anh đem lại gần lửa, hơi áp cho nó, rồi anh đắm đắm nhìn xuống cặp mắt đã nhắm nghiền của chiếc đầu để tìm lại một hình ảnh yêu quý đã bị xóa nhòa qua những phút kinh khủng. Khoan Ray cúi gằm xuống, gằm xuống nữa, rồi từ từ anh ngẩng lên, miệng méo xệch lại, nước mắt rung rung chảy xuống từng dòng. Trong sự tịch mịch lạnh lùng chỉ còn tiếng khóc nghẹn ngào, day dứt âm thầm dai dẳng bên cạnh một ngọn lửa đêm hơi hóp chực tàn.

Đêm ấy, Khoan Ray ôm ấp trong lòng chiếc đầu của Siu Peng, ngủ chờn vờn từng giấc ngắn ngủi hãi hùng ác mộng. Anh bỗng thấy mình trở về cái đêm kinh khủng ngày xưa, ở buôn Nước Chò, với những xác người ngã liệt vì ma bệnh hoành hành, đồng lửa ngập trời thiêu hủy cả một buôn rộng lớn. Nhưng sau đêm ngày xưa, anh còn có Siu Peng nơi lòng, Siu Peng tuy là một khối thịt bé bỏng nhưng đầy chất sống. Sau đêm ngày nay, Siu Peng chỉ là những mảnh hình hài nát nẫu... Anh ép chiếc đầu vào

ngực mình, phủ tấm đồ lên cho kín rồi bất giác đưa tay vuốt ve vào khoảng trống dưới đầu. Khi lửa đã tắt, anh sờ soạng để tìm mẩn mó cái thân hình bé bỏng ấm áp mọi đêm nhưng anh chỉ quờ vào ruột mình đang đau thắt lại. Rồi óc còn lờn vờn những mộng ảo kỳ quái, anh ngồi dậy giữa khoảng tối tăm dày đặc của ngôi nhà sàn đã hóa rộng lớn mênh mông, giương trướng trướng cặp mắt soi mói trong đêm. Anh lại loạng choạng đứng lên, loạng choạng đi về phía cửa mở rộng trước khoảng đen kịt của núi rừng bao la. Khoan Ray vịn tay vào cây lồ ô khung cửa, nhìn không chớp mắt ra ngoài như cố tìm hiểu một sự bí hiểm lạ lùng, không sao thấu rõ căn nguyên. Rồi anh lại loạng choạng đi vào, quờ quạng tìm lấy chiếc đầu, ôm chặt vào lòng, ngà ngật trọn đêm trong một nỗi khổ đau thống thiết.



Từ hôm đưa Siu Peng đến ở riêng trong cái mồ nhỏ nhoi này thì Khoan Ray càng thấy bức rứt không yên. Lúc đắp xong lượt đất cuối cùng, anh xây lưng lại năm mồ, nói bằng một giọng hờn dỗi :

— Mày không thương tao, Siu Peng à. Mày bỏ tao mày đi. Mày không tốt với cha mày. Ghét mày lắm đó.

Nhưng anh đã vội vàng quay lại, cúi xuống năm mồ, nói hối hả như xóa lấp :

— Không nói ghét mày đâu, không nói ghét mày đâu. Thương mày, thương mày nhiều lắm, con à. Nghe không, Siu Peng ? Nghe không ?

Anh nín lặng rất lâu, chờ đợi Siu Peng trả lời.

Lá rừng rơi rụng xạc xào. Chim rừng liu lo, riu rít. Thác nước xa xôi rì rầm.

Trong bao nhiêu tiếng rừng hỗn loạn nghe như có tiếng nước nở của Siu Peng.

Bây giờ thằng bé nằm một mình, chắc là nó buồn lắm lắm. Anh chau mày nghe nó khóc thẹn qua tiếng gió mơ hồ. Nó còn bé quá, chưa biết làm gì để có cái ăn, chắc là phải đói lắm đây. Đứa con mà đói cái ruột, người cha không yên cái bụng được đâu.

— Mày không ở gần tao, khổ sở cho mày lắm, Siu Peng à.

Anh lại rên rỉ :

— Khổ sở cho mày lắm, con à...

Bây giờ phải nuôi cho nó lớn, ngày sau nó sẽ kiếm ăn một mình. Kiếm cái ăn không phải dễ gì, cực lắm, khổ lắm. Nhiều khi cây rừng làm thỉnh không chịu cho trái. Suối nước giả lơ chẳng dẫn cá về. Đất núi lắm lì, độc ác, đào xới nhiều lần mà không thấy củ. Bụi rậm, cây lùm, giấu kỹ thịt rừng. Ai ai cũng đều hung ác đối với con người, con người tội lắm. Siu Peng nhỏ nhoi là thế, biết sống làm sao ?

Anh ngồi bên mồ tí tê kể cho nó biết phải đi về đâu để tìm cái sống, dặn dò kỹ lưỡng cho con anh đi khỏi lạc đường. Cả ngày anh lang vãng quanh đấy, khi ngồi, khi đứng, lúc khóc, lúc cười, lắm nhảm những lời an ủi, những câu hờn dỗi, những tiếng khuyên răn. Chiều đến, anh đem đồ ăn thức uống đến cho Siu Peng, ve vuốt nắm mồ vừa nói những lời âu yếm thiết tha. Con nít tội lắm, cần phải thương nhiều. Nó ngủ lạnh lẽo một mình, chịu sao cho nổi ?

Đêm đã thật khuya, đoán rằng Siu Peng bây giờ đã ngủ, anh mới lò mò trở về ngôi nhà sàn cô độc. Anh đi lảo đảo, va chạm nhiều lần vào cây, vào đá bên mình nhưng

không lưu ý vì mãi chăm chú lắng nghe một niềm thương thao thức đang thì thầm trong lòng.

Khi những vệt sáng đầu tiên lò mò xuyên qua lối rừng u uất ướt đầm sương mai, anh đã hấp tấp ra thăm ngôi mộ Siu-Peng. Vài con chồn nghe động chạy biến vào rừng. Thức ăn đồ vãi đây đó. Này cá, này nhái, này bắp, này chuối, mỗi thứ một nơi, y như xáo trộn bởi một bàn tay phá phách. Chén nước làm bằng nửa ống lồ ô lăn ra khá xa, ngã ụp, không còn một giọt. Khoan Ray ngơ ngẩn hồi lâu, buồn lòng hết sức. Siu Peng không uống, không ăn, hình như giận dỗi. Anh có làm gì trái ý nó đâu ? Những thức ăn ngon dành cho nó cả. Những đồ dùng đẹp dành cho nó hết. Tại sao nó hờn, ai mà biết được ? Giận dỗi không nói ra lời, thiệt là cực cho lòng người quá lắm, Siu-Peng có biết hay không ?

Hồi lâu, Khoan Ray đoán rằng có lẽ đồ ăn thiếu muối. Anh lượm một cái đùi nhái nướng chín khô vàng còn sót trong chiếc mo cau đặt ở trên mộ, đưa lên miệng nhấm. Rõ ràng không phải cái vị mặn mà thắm thía Siu-Peng ưa thích. Khoan Ray lại thấy bứt rứt không yên.

Buổi chiều anh đem cả ống muối quý hóa đổi được tận Buôn Nước Ràng, đặt lên trên mộ, bên cạnh những món đồ ăn chọn lựa.

— Mày ăn bao nhiêu cũng được, tao không tiếc muối với mày. Ăn cho nhiều đi, cho tao khỏi đau cái ruột.

Sáng hôm sau, anh đi ra mộ sớm hơn, từ lúc chim rừng bắt đầu báo hiệu đêm tàn. Bống chồn đông hơn, nhón nhao chạy biến.

MỐI THÙ CỦA KHOAN RAY

Đến nơi, anh dừng lại, ngạc nhiên. Rồi nảo nề ngồi xuống. Vẫn như hôm qua, đồ ăn tung tóe, chén nước ngã lã, cả ống muối cũng vãi vung ngoài đất.

Khoan Ray ngồi yên như vậy rất lâu, bần khoản tìm hiểu vì sao mà Siu Peng giận hờn nhiều thế. Nó không muốn ăn, nó không muốn uống, nó chẳng thương anh. Anh không phải là cha nó nữa hay sao ?

Khoan Ray còn nghĩ rất lâu và sau cùng chợt hiểu. Thằng con anh bây giờ đang ghét anh đây. Anh chỉ lo cho nó ăn, nó uống như những ngày nào. Miếng cá, miếng thịt, trái chuối, củ khoai, chắc hẳn ở cõi bên kia Y May sẽ lo cho nó đủ đầy. Người mẹ nào mà chẳng thương con ? Cho đến những loài thú hung ác trên rừng cũng biết che chở cho con của nó, huống là con người.

Nhưng Siu Peng phải thêm một thứ khác.

Và thứ ấy, ngoài anh ra, không ai có thể tìm được.

Đó là thịt của kẻ thù, thịt con cộp vằn độc dữ. Nó đã hành hạ cái thân xác của Siu Peng, Siu Peng chịu sao cho nổi ? Nó đã làm chết cái ruột của Khoan Ray, Khoan Ray ở sao cho yên ? Mày đã hại ta, ta phải hại mày. Ngày nào điều ấy lại không vẽ bằng máu đỏ ở giữa rừng xanh ?

Điều ấy chẳng phải Khoan Ray đã quên nghĩ đến từ hôm tai nạn. Khoan Ray đâu có lú lẫn như vậy. Nhưng thương thằng bé quá, nên đành quên hết. Bây giờ mới biết, thương như vậy không phải là thương.

— Siu Peng ơ ! tao biết bụng nghĩ của mày rồi.

Dù khóc than cho mấy con anh cũng chẳng trở về được nữa. Nhưng kẻ thù nó vẫn cứ sống. Sau một lần giết hại, nó mạnh thêm lên. Ngày xưa nó đi ở dưới gốc cây, bây giờ nó vọt quá đầu Khoan Ray rồi đó. Tại nó mà Khoan Ray gầy mòn, Khoan Ray khổ sở. Lúc nào nó sẽ bầu nanh, bầu vuốt vào xác Khoan Ray ngã gục ? Không đâu, nó lắm. Nó lắm thật đấy. Khoan Ray còn đây, còn mạnh như xưa, mạnh hơn xưa nhiều vì Khoan Ray mang thêm trong ruột những điều tức giận của Siu Peng nữa mà !

Khoan Ray đã hết khóc rồi. Mắt anh phải mở tráo trưng, để tìm bóng kẻ thù. Răng anh phải nghiến chặt lại để giữ lấy lòng thù. Chân anh phải đuổi kịp nó. Tay anh phải xé xác nó. Khoan Ray vọt đứng lên, y như một cánh mang cung quật mạnh. Để nhắm kẻ thù.

Gần hai con trăng nay, Khoan Ray không đến thăm mộ Siu Peng. Thằng Bé chắc đang chờ thịt kẻ thù. Nhưng kẻ thù tinh khôn không để cho anh chạm mặt. Cung mang, bẫy kẹp, nỏ đá, hàm chông cũng đã bố trí cả rồi, nhưng đều vô hiệu. Dần dần, anh cảm thấy như nó theo dõi bên anh, và anh chỉ mong có thể.

Thực ra, đấy là những nét mơ hồ, những cơn ám ảnh hơn là dấu vết rõ ràng. Muốn thấy kẻ thù, đâu phải chỉ nhìn bằng mắt ? Phải nghe bằng tai, phải ngửi bằng mũi, phải đoán bằng lòng. Khi người ta đã nuôi kẻ thù trong ruột, ở đâu lại chẳng tìm ra dáng nó ? Khoan Ray giả bộ như không mấy may lưu ý nhưng chính anh đã trông chừng nó bằng khắp lỗ chân lông trên người.



Mãi đến sáng nay, Khoan Ray mới được gặp nó. Thực là bàng hoàng một giấc chiêm bao! Nó đến, nó đi, nhẹ nhàng như biển. Khoan Ray chưa bao giờ tự hỏi vì sao anh biết rõ đây chính là kẻ mà anh khổ công chờ gặp lâu nay. Không một dấu hiệu gì hết để anh phân biệt sự thực. Anh chỉ nhận hiểu bằng linh tính của con người oán hận. Và như thế cũng quá đủ rồi.

Bây giờ ngồi bên mộ Siu Seng, anh thấy đôi phần an ủi. Bấy lâu xa cách, nhớ nó quá nhiều, nhưng không dám đến. Kẻ thù còn đây, Siu Peng đừng lo. Còn sống thì nó phải chết. Những giọt nước mắt bồi hồi ban nãy bây giờ đã ráo khô dần. Khoan Ray ngồi thẳng người lên. Nhưng anh đột ngột đứng dậy.

Kẻ thù lại đến. Nó đã đến rồi, nó đến đây rồi...

Trong một thoáng, Khoan Ray tưởng như không phải là con vật mà anh đã gặp ban mai. Nhưng chiếc đầu Siu Peng và từng nhúm xương thịt rã rời hiện lên trước mắt.

Khoan Ray nắm chặt cán dao, xông tới, quyết không cho kẻ thù trốn thoát.

Con vật ép mình xuống, đầu ngược lên, giương cặp mắt sáng quắc gườm gườm nhìn anh, chống mình trên hai chân sau dẹt ra, nống cả đôi mông to bạnh trong một thế chờ đợi vô cùng khiêu khích. Khoan Ray đâm như một nhát vào chính giữa khuôn mặt hung ác. Con vật hất đầu sang một bên, chồm một chân lên, bắt lấy ngọn giáo. Nhanh như cắt, Khoan Ray lao thẳng lưỡi nhọn vào ngực kẻ thù.

Nhưng con vật đã nhồm lên rồi. Lưỡi giáo ngập sâu trong đất. Cả cái khối lông vằn vện to lớn vụt nhấc bổng lên cao. Khoan Ray kịp hồi ngọn giáo rất nhanh, chia đứng thẳng lên, nằm ép sát xuống, kẹp chặt vào ngực, chờ đợi đồng thịt tua tủa móng vuốt sắt nhọn phủ xuống người mình.

Con vật vội rùn lại, để tránh thoát hiểm nghèo, và khi nó bén đất, mũi giáo đã bị nó bám chặt. Khoan Ray quì xuống, cố thúc lưỡi giáo nhọn vào hông kẻ thù.

nhưng anh thấy mình vấp phải một sức xô đẩy mạnh mẽ lạ thường. Dần dần con vật đẩy lùi anh lại bằng chính cây giáo của anh và Khoan Ray hiểu rằng nó đang chờ một phút sơ hở của anh để nhảy chồm tới. Anh bám chặt những ngón chân trên mặt đất sỏi, cố ghì người lại nhưng không sao giữ nổi. Mỗi lần lùi lại, anh thấy đôi mép kẻ thù nhếch lên, mấp máy cử động như nở nụ cười khinh mạn.

Khoan Ray ngậm chặt hai hàm răng, bao nhiêu gân thịt nổi hẳn trên mặt. Cặp tay, cặp chân chuyển hết gân lực như những bó dây rừng cuộn chặt. Trong phút thụt lùi của thể cầm cự tuyệt vọng ấy, bỗng anh cảm thấy chân sau của mình chạm vào một bờ đất cao. Khoan Ray chợt hiểu. Đây là năm mộ Siu Peng. Từ trong lòng đất, một sức mạnh như chuyển tiếp cho anh. Anh bắt trớn, đẩy mạnh cây giáo. Cây giáo chuyển mình như sắp gãy lìa. Hai kẻ thù địch có thể mất trớn sà vào lòng nhau. Và Khoan Ray sẽ là một miếng mồi ngon cho kẻ thù khát máu.

Thình lình, Khoan Ray hất mạnh cán giáo qua một bên, buông tay. Con hồ hồng đà nhào tới, lăn tròn trên đất. Trước khi con vật trở mình đập kíp, anh đã vọt đến một cây cốc rừng, đu lên một nhánh rễ phụ, thoăn thoắt leo lên. Trong khi ngửa mình trên nhánh cây ngang, anh thoáng thấy con vật nhảy nhồm lên và hơi thờ nặng nề của nó thối mát dưới lưng tỏa mùi nồng nặc.

Lên tận ngọn cao nhìn xuống, Khoan Ray mới biết là mình đã thoát. Nhưng kẻ thù có thể leo lên. Anh bẻ một nhánh cây lớn, ngồi chờ.

Con hồ hậm hực rảo quanh dưới gốc, thỉnh thoảng ngồi xuống nhìn lên Khoan Ray, gầm gừ những tiếng hân học. Một lát nó vụt biến mất, nhưng rồi hiện lại. Ba lần biến hiện như thế, Khoan Ray không thấy nó trở lại nữa.

Sau sự căng thẳng, tinh thần dịu xuống. Khoan Ray cảm thấy cơ thể rã rời. Dần dần, ôn lại tất cả sự việc vừa qua, anh bỗng xấu hổ đến ghen ngạo. Nhiều lần cúi xuống, theo dõi sự cử động của kẻ thù, anh tránh nhìn ngôi mộ Siu Peng. Lần này không phải anh đã đề cho kẻ thù trốn thoát nhưng chính anh trốn thoát kẻ thù. Siu Peng mong đợi nơi anh, nhưng anh phụ lòng của nó. Thằng con bé bỏng của anh từ đây biết cậy nhờ ai ?

Khoan Ray gục đầu vào một chạng cây, ruột gan đau thắt. Những gì mong đợi giờ đây tan nát hết rồi. Anh nhớ lại cái nhếch mép khinh bỉ của kẻ thù. Hàm răng của nó, móng vuốt của nó đều như coi thường sức lực của anh. Bên cạnh con cạp vẫn gớm ghiếc anh chỉ còn là một con sói nhỏ, không, một con beo con. Từ đây kẻ thù sẽ ngang nhiên đi qua chồi anh, lội trong nương rẫy của anh, dậm nát trên năm mộ con anh. Cây rừng như xì xào nói chuyện vừa qua. Và chim rừng như khúc khích cười cợt, suối nước như bàn tán rì rầm. Chỉ trong ngày mai, núi rừng chung quanh biết hết câu chuyện Khoan Ray khiếp sợ kẻ thù. Khoan Ray không thể bỏ nương, bỏ rẫy mà đi nơi khác. Khoan Ray không còn gì nữa, ngoại trừ năm mộ Siu Peng. Còn thương Siu Peng là còn sống được. Nhưng thương Siu Peng, phải giết kẻ thù. Kẻ thù mạnh lắm, làm sao giết nổi ? Khoan Ray loay hoay bực dọc, khổ sở lạ lùng. Sau cùng, Khoan Ray hiểu được.

Kẻ thù chỉ mạnh khi Khoan Ray yếu. Nhưng khi Khoan Ray mạnh, kẻ thù không thể mạnh nữa.

Anh lại trèo xuống. Anh lượm cây giáo. Cán giáo làm bằng gỗ lụi, thứ cây bền nhất của rừng già, đã gãy lìa đôi. Kẻ thù có đủ sức mạnh nắm lấy lưỡi giáo mà đẩy lui anh. Anh nhìn kỹ dấu gãy, xem lại mũi giáo bén nhọn còn dính đôi mảng da lông, và đưa khúc còn lại lên trên nhánh cây ban nãy, lượng đo chiều cao của sức nhảy kẻ thù.

Kẻ thù quả mạnh hơn anh nhiều lắm, nhưng anh biết sức nó rồi.

Khoan Ray vội vàng đi về. Trời đã sắp tối. Anh có thể bắt gặp nó trong lúc tay không khí giới. Và nó thấy anh sẽ không còn dè dặt như khi chưa biết sức anh.

Khoan Ray lên ngôi nhà sàn, đóng chặt cửa lại, thoi một ngọn lửa lớn và dუმ rất nhiều củi để chong cho trọn đêm dài. Anh ăn qua loa rồi ngồi bên lửa trọn đêm, nghỉ ngơi.

Từ đây, Khoan Ray quyết không rời khỏi ngọn đồi đang ở.

Buổi mai, anh dậy thật sớm, chạy như bay xuống dưới chân đồi. Anh vác một khúc củi lớn vừa tầm, rướn chạy lên nhà. Rồi anh chạy xuống, chạy lên, mãi cho đến lúc rã rời, kiệt lực, ngã nhào trên đất. Khoan Ray đợi cho người tỉnh lại, lết xuống suối nước ngầm mình. Lúc đã khỏe hẳn, anh lên vạt rẫy sau nhà, trồng tía.

Đến trưa, ánh nắng gay gắt thiêu đốt núi rừng, anh xuống bờ suối tìm một bóng cây ngồi nghỉ. Anh chọn một tảng đá lớn suýt soát bằng vóc dạng kẻ thù,

lấy gốc lồ ô to lớn, nỗ lực xô đẩy. Trong khi cố gắng, nhiều lần Khoan Ray tưởng chừng như mắt mình sắp thoát khỏi tròng, và máu toan tuôn trào ra miệng. Tảng đá vẫn lăm lì, bất động. Đến lúc chân tay bại hoại, run rẩy, anh mới dừng lại, nghỉ ngơi.

Tối đến, khi màn đêm đã ủ kín cảnh vật, Khoan Ray vác giáo chạy quanh ngôi nhà, thỉnh thoảng đâm mạnh vào một khoảng đen trước mặt mà anh giả đoán kẻ thù. Anh thọc sâu lưỡi giáo, dè hết sức mạnh của người lên cho cây giáo sào sạo lút sâu dưới thớ đất dày, có cảm tưởng như xuyên qua xương thịt kẻ thù, rồi anh vội vàng rút lên, tới tấp đâm xuống những lát nhỏ ngắn quyết liệt, như sớm chấm dứt sự sống vùng vẫy, gượng gượng của nó. Trong bóng tối lớn vờn từng chùm, dần dần anh như cảm thấy kẻ thù bao vây bốn mặt và chưa bao giờ Khoan Ray say sưa đến thế, hùng hồ đến thế. Anh hăm hừ, hục hặc và nhiều lúc tưởng như giết được kẻ thù, anh kêu rú lên rất dài rồi ngẩn ngơ nghe một âm thanh kỳ quái vọng lại từ mồ Siu Peng.

Khoan Ray cố gắng đều đặn như vậy suốt mấy trăng liền. Anh đã vác được những cây gỗ to nhất chạy liên tiếp xuống đồi, lên đồi không chút nhọc mệt. Mỗi cây gỗ ấy sức nặng gấp mấy kẻ thù. Anh đã đẩy được tảng đá lăn xuống dòng suối và liên tiếp nhiều tảng lớn hơn. Mỗi tảng đá đều có sức chống trả mãnh liệt, gấp mấy kẻ thù. Hai lưỡi giáo của anh đã bị cùn trơ, sứt mẻ. Những lần đâm chém trong đêm giúp anh tỉnh nhạy đề đối phó kẻ thù bất cứ lúc nào gặp gỡ.

MỐI THÙ CỦA KHOAN RAY

Một hôm, Khoan Ray tự thấy mình như đổi khác hơn xưa nhiều lắm. Anh đi ra suối, soi mình xuống nước và bờ ngõ bắt gặp một con người gân guốc, mạnh mẽ, nhưng hung dữ lạ lùng. Tay chân, cằm, cổ như bạnh to ra, nếp thịt trên đôi lông mày gồ lên, nhú lại để che một cái nhìn đăm đăm sáng quắc.

Khoan Ray cúi nhìn rất lâu rồi mỉm cười với bóng mình dưới nước, nụ cười đầu tiên từ khi anh mất Siu Peng.

Sáng hôm sau, anh dậy thực sớm, cầm giáo, xuống nhà bắt một đôi heo trong số ba con, mang đi.

Đã lâu lắm anh mới trở lại Nước Ràng. Khung cảnh vẫn y như cũ nhưng sao trông bờ ngõ khác thường. Những ngôi nhà sàn liền dãy có một vẻ gì ấm cúng khiến anh đứng nhìn ngơ ngẩn. Con người chung sống đông đảo vui vẻ làm sao ! Những tiếng chày giã gạo nhộn nhịp, rộn ràng y như không hề biết mỏi. Bếp lửa bốc khói thơm nồng phảng phất mùi vị của thuở nào xa lắc xa lơ. Khoan Ray nhìn theo những cô gái mắt sáng long lanh, lồng ngực căng tròn dưới lớp vải đỏ xanh sẫm, thấp thoáng qua các khung cửa nhà sàn, trong lòng bỗng thấy nôn nao, xúc động. Những con chó ví nhau chạy vòng đây đó, những heo gà quây quần chung quanh đồng rác vun đầy đều có vẻ gì tấp nập, ấm cúng, an ủi lạ lùng. Anh bỗng thấy mình hết sức thêm thường đời sống rộn ràng xao động giữa những con người.

Sau khi đôi heo lấy bốn lưỡi giáo thật tốt, Khoan Ray còn nấn ná ở lại chuyện trò. Nhưng một lúc, chợt nghe tiếng khóc của một trẻ nhỏ từ căn nhà nào vọng lại, anh bỗng sa sầm nét mặt. Vui làm sao được, khi còn kẻ thù ! Khoan Ray bỏ

dở câu chuyện, lăm lúi ra về một mạch.

Cả tối hôm ấy anh hì hục chọn những cây lúi chắc nhất cắt dành từ bao lâu nay để làm cán giáo. Những ngày sau đó, anh lui cui sửa lại hai lưỡi giáo cũ. Lần thất bại đầu tiên dạy cho Khoan Ray hiểu rằng người ta không thể tiêu diệt kẻ thù lớn mạnh với một ngọn giáo.

Trước hết, Khoan Ray đem bốn cây giáo cắm rải rác quanh rừng gần mộ Siu Peng. Còn hai cây tốt nhất, anh mang theo sẵn bên mình.

Rồi anh đi tìm kẻ thù.

Trải mấy ngày liền, Khoan Ray không thấy tăm hơi. Cách đây không lâu anh biết nó còn lảng vảng quanh nhà, sau một trận mưa đêm ồ ạt. Chẳng lẽ bây giờ nó lại biến mất ? Không đâu, Khoan Ray còn nuôi một mối hận thù thì kẻ thù vẫn còn sống mãi.

Khoan Ray về nhà, đứng tần ngần rất lâu trước con heo cuối cùng còn lại. Đó là tất cả cái gia sản còn biết động đậy của anh. Còn nó là con vật sống quanh mình. Cây củi, cái nồi không có tiếng kêu, không biết chạy nhảy, không quen phá phách. Con heo cuối cùng, quý quá là bao ! Nhưng thôi, tiếc rẻ làm gì. Muốn hại kẻ thù, người ta phải chịu mất mát, Khoan Ray há quên điều ấy hay sao ?

Anh làm thịt con heo, chia làm nhiều phần, đem treo rải rác trên từng chặng đường từ mộ Siu Peng dẫn đến dòng thác ở bên kia núi. Mỗi ngày, anh đến gần mộ, ngồi chờ. Hôm nay kẻ thù chưa đến, ngày mai nó đến. Thịt mỗi càng nặng mùi hôi, kẻ thù càng vội đi tìm. Nó ăn một miếng, sẽ ăn hai miếng. Đến miếng cuối cùng trên mộ Siu Peng, thì nó dừng hồng sống thoát. Khoan

Ray thu người lại, tim anh đập mạnh, hơi thở hùng hực nặng nề.

Núi rừng xao xác âm thầm lá cành rì rào chuyển động. Khoan Ray cố lắng tai nghe. Mỗi lúc, anh tưởng kẻ thù đang đến...



Khoan Ray biết rằng vết thương trên trán làm cho con vật điên tiết và cuộc chiến đấu sẽ vô cùng ác liệt. Nhưng anh bình tĩnh đứng chờ, hai tay lăm lăm cây giáo lưỡi nhọn sáng ngời, một chân dẫm lên cây giáo dưới đất dự phòng bất trắc.

Con vật găm lên dữ dội, nhảy chồm qua trái, qua phải rồi quất mạnh đuôi, nhào đến chực vỗ lấy anh bằng những móng vuốt tua nhọn.

Khoan Ray nhắm thẳng vào cổ nó, phóng lưỡi giáo tới. Lưỡi giáo rạch lớp da dày xuyên thẳng vào trong và Khoan Ray dắc thẳng, chuyển hết gân lực vào hai cánh tay, nhào cả người đến. Nhưng khi ngã về phía sau, con hồ đã trông thẳng mình lên rồi phóng cả cặp chân sau vào người Khoan Ray. Những móng vuốt bấu vào ngực anh một cách tuyệt vọng nhưng quyết liệt như muốn cào nát, giật ngã anh theo, trong cơn giãy giụa. Khoan Ray không kịp đề phòng, bị lôi nhào theo, vội buông giáo, dùng cả sức mạnh đôi tay cố gỡ lấy cặp chân hung hãn đang móc những vuốt sắc vào lồng ngực mình.

Trong một thoáng, anh thấy rằng khúc gỗ dưới đôi, tảng đá bên suối thấy đều có sức mạnh và chịu đựng hơn cả kẻ thù nhưng không sao có được cái hiểm ác lạnh lẽo của nó. Khoan Ray đã quên nghĩ tới điều ấy. Bây giờ anh phải đem sự cố gắng cuối cùng của một con người quyết liệt để tự cứu thoát. Khi anh rút được cặp chân kẻ thù ra khỏi ngực mình để loạng choạng đứng lên, anh nhận thấy

nhiều mảnh da thịt của mình đã dính theo móng vuốt con vật và từng dòng máu lớn cuộn cuộn tuôn ra trên người, nhuộm đỏ chiếc khố, nhầy nhụa tràn xuống đôi chân.

Cặp mắt hoa lên, anh lao đảo cúi xuống, chụp vội cây giáo dưới chân, nghiêng rặng dần lại một nỗi đau đớn khôn cùng, nhào tới. Con vật bị lưỡi giáo cắm sâu trong cổ đang lồng lộn trên đất, mũi thở phì phì, mồm sùi bọt trắng, bốn chân cào cào loạn xạ trên không.

Khoan Ray nhắm vào ngực nó, dồn hết sức lực còn lại, dăm một nhát mạnh. Con vật quằn quại, cong vồng người lên như không chịu nổi một cơn đau đớn tột cùng. Khoan Ray trợn mắt, bấu chân vào đất, ấn mạnh người xuống, cán giáo lút sâu, lút sâu dần, và anh thấy rõ khuôn mặt vẫn vằn đang cau lại những nét góm ghê. Bất giác, anh chùn tay lại... Hình như không phải con vật mà anh đã từng chạm mặt... Nhưng dưới năm mồ nhỏ bé gần đây, chiếc đầu đỏ lói của Siu Peng như mở cặp mắt thao láo nhìn anh và Khoan Ray ấn mạnh xuống nữa. Máu ở ngực anh rùng rùng chảy theo hai cánh tay, tuôn xuống cán giáo, dội lên lồng ngực kẻ thù từng vạt đỏ tươi. Hai chân tê lạnh của anh như rời khỏi đất, mắt anh mờ dần, mờ dần... Khoan Ray cảm thấy như mình nằm lên một khối lông mềm bốc mùi tanh hôi góm ghê. Khi anh cố gắng hé mở đôi mắt lơ lơ, anh thấy mặt mình cúi sát khuôn mặt co rúm của kẻ thù bất động. Anh muốn gượng ngồi dậy, trườn đến ôm lấy năm mồ của Siu Peng nhưng tay chân tê liệt như rời rạc khỏi mình... Giữa cái âm điệu rì rầm muôn thuở của núi rừng menh mông, Khoan Ray thoáng nghe mơ hồ một tiếng chim gì kêu lên, vụt tắt.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

— Bách-khoa vừa nhận được :

Về xuôi — Sầu xưa — Ca ngợi chuyện tình yêu (Định-Giang) Mời độ về quê (Phan-Hiền-Đức) Ý nghĩ về văn nghệ (Đặng-Lê-Phúc) Trăng, đô thị — Bên dòng sông nhỏ — Thương về thôn bản (Hoài-Dương) Khúc nhạc kỷ hoa — Cung bậc (Hoàng-Ái Ngọc-Lan) Dạ từ khúc (Giang-Tuyền T.T.T.) Quốc-hội Anh-quốc (Ngọc-Minh) Tàn Đền — Ngày xưa — Đợi chờ (Kim-Tuấn) Đường đời (Đặng-Dương) Đi trong đêm (Tần-Vũ) Cho đến bây giờ (Tường-Linh) Ngày em trở lại (Chu-Kính) Thơ (Đỗ-Đỉnh-Tông) Vàng-Thu (Tâm-Đam) Thương mùa hoa cũ (Lan-Sinh) Cầu nguyện (Quang-Huy).
Xin trân trọng cảm ơn các bạn.



— Những bài không đăng :

Máu lệ tơ tằm (H.C.) Giữa hôm nay, Phấn (L.H.) Dở dang — Nữ sinh miền Trung (M.V.N.) Thuở lâm hành (D.L.) Ngày em lấy chồng Cẩm hoai (B.Đ.) Bàn chân sỏi đá — Dòng sông (H.T.L.) Xây dựng ngày mai — Chiều buồn (N.B.T.) Vào mưa (T.Đ.) Mồng tám tháng Hai (N.T.D) Đời hoa (M.L.O) Hai mươi (Đ.V.M.) Đường đi sao toàn cổ nhân (T.A.).

Những bài trên đây vì nhiều lý do rất tiếc không đăng được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa. Trân trọng.

Ô. Lê - Hùng K.B.C. 4671: Sẽ đăng truyện ngắn « Một lời ». Xin bạn viết lại cho chúng tôi tên thực cùng địa chỉ hiện tại để chúng tôi tiện gửi báo biểu hay gửi nhuận bút. Những bài thơ ông gửi về, chúng tôi đã nhận được cả và sẽ cố lựa đăng một hai bài hay nhất. Mong đợi các sáng tác khác nữa của bạn.

Ô. Phi-Ích-Nghiêm (P.I.N.) Xin ông cho biết tên thật và địa chỉ để chúng tôi tiện liên lạc.

Ô. Lương-Trọng-Minh (Huế) : Đã nhận được thư và một bài thơ của ông. Chúng tôi đã ghi tên ông vào danh sách các bạn góp tiền quay ronéo tập T.N.V.N. Khi nào ông cho xuất bản thi phẩm « Tâm tình » xin gửi cho chúng tôi một cuốn, chúng tôi sẽ giới thiệu trên báo.

— HSI/TP Võ-Hữu-Quyền K.B.C. 3317 : Đã nhận được thư ông. Trân trọng cảm ơn ông đã góp ý kiến xây dựng tạp chí Bách-Khoa. Về mục « Thời sự quốc-tế » và « Cách trình bày thơ ». Chúng tôi xin lĩnh ý và sẽ cố gắng thực hiện, còn « mục lục » thiết tưởng đăng về trước cũng có lợi. Mong được ông gửi thư phê bình.



Ô. Sa-Giang Trần-Tuấn-Kiệt : Chúng tôi đã chuyển bài « Hồn thơ » của ông đến ông Bùi-Giang.

Ô. Nguyễn - Văn - Thơ. (học sinh Đà-nẵng) : Xin trân trọng tin đề K ông rõ : Bài gửi đến tòa soạn viết rõ ràng một mặt, trên giấy khổ nào cũng được. Thẻ lệ gửi bài đã có đăng trên Bách-Khoa số 43 (15-10-58) trong mục Hộp Thư.

Cùng các bạn góp ý kiến tăng thêm phần văn nghệ :

Một số bạn viết thư yêu cầu Bách-Khoa tăng thêm phần văn nghệ. Để khỏi bớt phần biên khảo và nghị luận hiện có ở Bách-Khoa và cũng để tập Bách-Khoa hiện nay vẫn giữ được giá cũ, một bạn sinh viên đã đề nghị tòa báo ra thêm mỗi kỳ một tập « phụ trương văn nghệ » bán riêng, cho độc giả được tùy thích lựa chọn. Chúng tôi đang nghiên cứu ý kiến đó, và nếu không có gì trở ngại, chúng tôi sẽ cố gắng để có thể làm vừa lòng các bạn được trong một ngày gần đây. Mong các bạn sẽ góp thêm ý kiến nữa. Chúng tôi trân trọng cảm ơn.

B. K.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

— « Quan diêm về mấy vấn đề văn hóa » của *Phạm-Việt-Tuyền* do tác giả và Cơ sở xuất bản Tự do gửi tặng. Sách dày trên trăm trang, giá bán 30\$.

— « Tiểu thuyết XANH » gồm 3 truyện ngắn :

« Ba » (của *Đỗ - Đức - Thu*) giải thưởng Tự lực văn đoàn 1935.

« Cô gái câm » của *Nguyễn-Đình*.

« Một truyện báo thù ghê gớm » của *Nguyễn - Đình*. Do nhà xuất bản *Nguyễn-Thế* gửi tặng. Sách dày 140 trang, giá 20\$.

— « Hình ảnh những mùa Trăng » tập truyện ngắn của *Hoàng-Ngọc-Liên* gồm 10 truyện ngắn. Sách dày 124 trang, giá 28\$.

— « Việt luận, lớp nhì, nhất tiếp liền và đệ Thất » của *Giáo-sư Từ-Phát*, in lần thứ hai, do soạn giả gửi tặng. Sách gồm 60 bài làm sẵn, 100 mẫu văn chọn lọc, và 120 đầu đề tương trợ để tự luyện. Sách dày 250 trang, giá 40\$.

— « Khát vọng » tập thơ của *Chế-Vũ*, do tác giả và nhà xuất bản *Huyền-Trần* gửi tặng. Tập thơ in khổ rộng, trình bày giản dị, có kèm phụ bản của *Tô-Kiều-Ngân*.



METRO GOLDWYN MAYER, distributeurs des films, M.G.M. — FOX —

R.K.O. est heureuse de vous présenter pour

le mois d'Avril 1959 :

A CHACUN SON DESTIN

avec

Wendell Corey, Mickey Rooney,
Don Taylor, Nicole Maurey

LA CHATTE SUR UN TOIT BRULANT

Elisabeth Taylor, Paul Newman,
Burl Ives.

BERNARDINE

Pat Boone, Terry Moore

LE BAL DES MAUDITS

Marlon Brando, Montgomery
Clift, Dean Martin, Hope Lange
May Britt, Barbara Rush.

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C°

Import — Export



REPRÉSENTATION

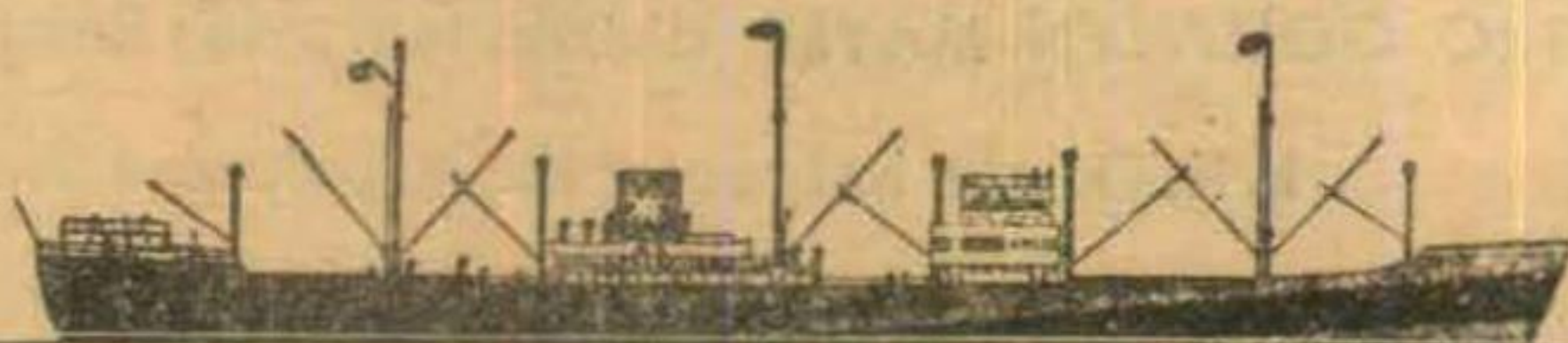


Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529



HÃNG
NAM-THANH
và
THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thỉnh
SAIGON
Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện,
máy điện, máy nấu.

Lãnh chạy dây đèn và
làm hệ-thống điện.

Chủ nhân :
NGUYEN-HUU-THAT

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



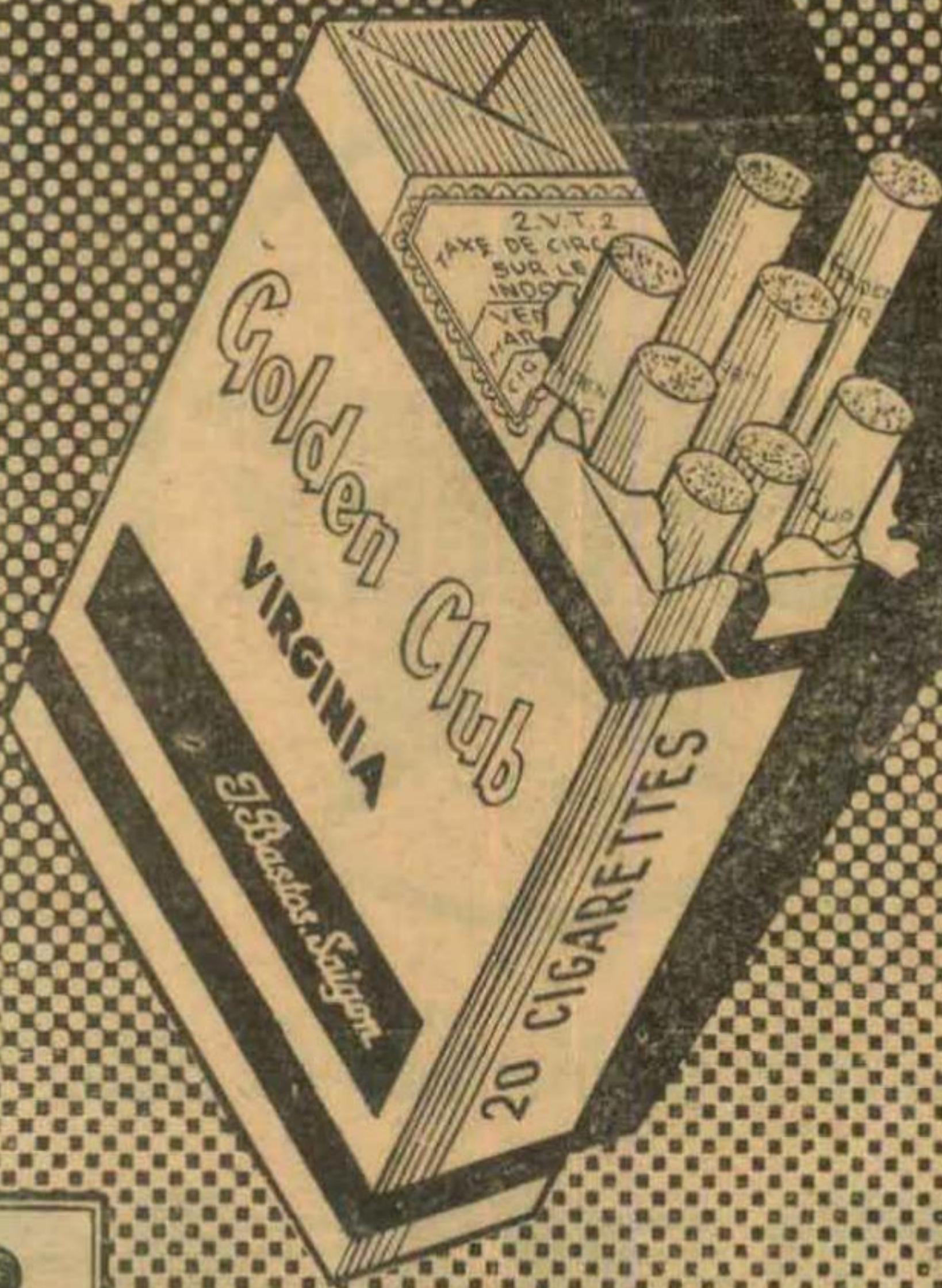
và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

Hãng COLUMBIA FILMS tại VIỆT-NAM

23, đường Gia-Long — Đ. T. : Saigon 418

Trân trọng giới thiệu cùng quý vị những xuất phẩm bất hủ sắp được
trình bày trên màn bạc :

BEN BOOK & CANDLE

(*L'adorable voisine*)

Technicolor

James Stewart — Kim Novak

AND GOD CREATED WOMAN

(*Et Dieu créa la femme*)

Technicolor — Cinemascope

Brigitte Bardot — Curd Jurgens

THIS ANGRY AGE

(*Barrage contre le Pacifique*)

Technicolor — Technirama

Silvana Mangano — Anthony Perkins,
Richard Conte

THE NIGHT HEAVEN FELL

(*Les Bijoutiers du clair de lune*)

Technicolor — Cinemascope

Brigitte Bardot — Stephen Boyd

THE KEY

(*La Clé*)

Cinemascope

William Holden — Sophia Loren,
Trevor Howard

BROWNELL, LANE (VIET-NAM), INC.

22-26 Đại-lộ Nguyễn-Huệ

SAIGON

Chuyên nhập cảng các sản phẩm hảo hạng
của Mỹ Quốc

NC-1 NC-4 NC-7 NC-16

G. N. 21.466

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Việtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

Adresse Tél.
LOSSEIC

SOCIÉTÉ D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE COMMERCIALE
« SAIGON — GARAGE »
Angle des Bds Nguyễn-Huê et Lê-Lôi — SAIGON

Tél N°
20.603

Agents exclusifs :

Voitures et Camions

SIMCA

STUDEBAKER

Motos et Scooters

BIANCHI

RUMI

DEPARTEMENT FROID

Installation

Réparations

Air-Conditionneur

OLIVER (U. S. A.)

Tracteurs forestiers

Tracteurs agricoles

Bulldozers

Groupes électrogènes

Groupes marins

Moteurs hors-bord

Atelier de réparations

Station Service

Pièces détachées d'origine

Pneumatiques «**MICHELIN**»

Moteurs marins

Groupes électrogènes

Đi Ý-ĐẠI-LỢI

Quý vị nên du hành bằng tàu « **LLOYD TRIESTINO** »

Mỗi tháng đều có một chuyến đi...

LLOYD TRIESTINO

AGENZIA DI SAIGON

L'Agente :

Sté d'Exploitation Industrielle Commerciale

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỀ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « **HERMÈS** »



ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SI VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O.
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

Công-Ty Đường Việt-Nam

Sản - xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG:

- ★ Đường miếng lọc
- ★ Đường cát trắng tinh
- ★ Đường cát trắng ngà
- ★ Đường cát trắng Hiệp-Hòa

II. — CÁC LOẠI RƯỢU:

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rhum Hiệp-Hòa

TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI:

- Các tiệm tạp hóa
- Văn-phòng CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON, Tél. 21.065
- Kho 6 Bến Vân-Đồn :- Tél. 21.360



10.000 Kms de souvenirs inoubliables

★ Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

★ Arrêtez vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

★ Il ne vous en coûtera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

*DE PLUS EN PLUS de possibilités vous
sont offertes pour le même prix,*

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

SAIGON — Téléphone 20.981 à 984

et toutes agences de voyages agréées



GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

PRODUITS GEVAERT

PAPIERS

PRODUITS CHIMIQUES

FILMS AMATEURS

FILMS AVIATION

FILMS ARTS GRAPHIQUES

FILMS RADIOGRAPHIQUES

FILMS CINEMA PROFESSIONNELS

FILMS POUR DOCUMENTS

PAPIERS POUR DOCUMENTS

BANDES MAGNETIQUES



INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự Do

AGENTS EXCLUSIFS

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA



NUỐC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TỊNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



Nhà Sản KHAI-TRI
82, Bui-Lô-Lê-Ly, SÀI-GON

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА
ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА
ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА
ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА

Nhà Sách KHAI-TRI
42, Đại-lộ-Lê-Lợi, SAIGON

TÒA SOẠN :
160, Phan-Đình-Phụng — Sàigòn
Điện thoại : 25.539

百科雜誌

GIÁ : 10\$
CÔNG SỞ : 15\$

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hung-Đạo — SAIGON